

Số: 2676/NĐND-KHVT

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời các đơn vị/ Quý công ty trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất chế tạo các chi tiết cơ khí tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV;
- Tên đơn hàng: Cung cấp vật tư gia công các chi tiết cơ khí phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026
- Số hiệu đơn hàng: 05- MSVT-NĐND-2026
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: Từ thời điểm Hồ sơ mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2025;
- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ được phát hành miễn phí tại Mục: Thông tin đấu thầu trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) hoặc tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Địa điểm nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 10 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2025;
- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở hồ sơ chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: **Cung cấp vật tư gia công các chi tiết cơ khí phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026**

Số hiệu đơn hàng: 05-MSVT-NĐND-2026

Phát hành ngày:.../11/2025

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Dương



GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Từ/cụm từ	Giải nghĩa
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP
Bên mời chào giá	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSCG	Hồ sơ chào giá
VND	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá



Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV.
2. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp tham gia chào giá mua sắm vật tư trong ngành theo Đơn hàng: Cung cấp vật tư gia công các chi tiết cơ khí phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2026.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), v.v...

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Bản giới thiệu về nhà cung cấp;

- Báo cáo tài chính năm 2024 (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 hoặc báo cáo tài chính năm 2024 nộp cho cơ quan thuế qua mạng kèm theo xác nhận của cơ quan thuế về việc đã nộp báo cáo tài chính), trong đó doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2024 tối thiểu là: **4.343.000.000 VNĐ** và giá trị tài sản ròng năm 2024 của NCC > 0;

- Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là:

+ Có tính chất tương tự: Cung cấp vật tư, hàng hóa cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng có bao gồm cả phần dịch vụ thì chỉ được xem xét phần giá trị hàng hóa mà nhà cung cấp đã thực hiện trong hợp đồng đó).

+ Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **1.450.000.000** đồng.

+ Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hoá không phải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hoá giữa các đơn vị kinh doanh thương mại) thì nhà cung cấp phải cung cấp tối thiểu 02 hợp đồng đáp ứng yêu cầu về quy mô (giá trị) tối thiểu theo quy định. Nhà cung cấp chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý đối với các thông tin,

tính xác thực của các hợp đồng đã hoàn thành được kê khai.

(Nhà cung cấp phải nộp bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của hợp đồng và kèm theo một trong các tài liệu sau đây để chứng minh hợp đồng đã hoàn thành: hóa đơn (kèm theo bảng tổng hợp giá trị hoàn thành), biên bản nghiệm thu hàng hoá, biên bản thanh lý hợp đồng,...)

4. Bên mời chào giá có thể chấp nhận nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a) Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c) Nhà cung cấp có thể chào cho một, một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc nâng hạ hàng tại nơi giao hàng (nếu có).

b) Thời gian giao hàng: Thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 2. Tiến độ cung cấp, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

3. Thanh toán:

a) Tạm ứng: Không

b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

c) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

d) Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên bán (nếu Bên bán cung cấp bảo lãnh bảo hành của ngân hàng tương đương 5% giá trị thực hiện) Hoặc thanh toán 95% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên bán (nếu Bên bán

(Chữ ký và dấu)

không cung cấp bảo lãnh bảo hành tương đương 5% giá trị thực hiện) trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên bán bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán*

Khi hết thời hạn bảo hành Bên mua sẽ thanh toán 5% giá trị bảo hành cho Bên Bán trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên Bán bàn giao biên bản xác nhận hết thời gian bảo hành và văn bản đề nghị thanh toán. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán*

e) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán do Bên bán phát hành;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa (*quy định cụ thể tại phụ lục 2*)
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (Nếu có).

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà

cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: không thấp hơn **43.000.000** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu đồng chẵn).

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Trường hợp Nộp bảo lãnh bằng chuyển khoản cụ thể như sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV

Số tài khoản: 351 000 7744 Tại Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn

Nội dung: Nộp bảo đảm tham gia chào giá đơn hàng Cung cấp vật tư gia công các chi tiết cơ khí phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026- Số hiệu đơn hàng: 05-MSVT- NĐND-2026.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng,...theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III - Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III - Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) bằng hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp không muộn hơn **10 giờ 00 phút, ngày 27. tháng 11 năm 2025**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp Hồ sơ chào giá phải xuất trình giấy giới thiệu của nhà cung cấp cử đi nộp Hồ sơ chào giá và chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước của bản thân.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn

ry định dưới đây.

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, cụ thể:

a) Hồ sơ chào giá có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quy định tại Mục 6, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

b) Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

c) Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tư cách pháp nhân được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục 3, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

d) Có đơn chào hàng được đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được uỷ quyền) của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

e) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng giá chào của hàng hóa, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá; Giá chào phải tuân thủ các Khoản 1, Mục 4, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

f) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Quy cách, đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá	Có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
2	Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá	Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ	Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ



14

[Handwritten signatures and marks]

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
	<i>(chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được quy cách, đặc tính kỹ thuật)</i>		
3	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của phương án cung cấp vận chuyển hàng hoá	Có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp	Không có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp
4	Bảo hành	Có thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
5	Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa <i>(chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng quy cách, đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ)</i>	Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá	Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá
6	Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu	Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu

4. Đánh giá về giá:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì sẽ được xem xét về giá đối với các hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng chủng loại hàng hóa tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định đơn giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v...

p

mm
gu

4287
CÔNG
NHỊT
DƯƠNG
CHÍNH TỐ
TÊN LƯ
CTC
TINH-

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG;
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Ghi chú: Mặc dù đã được quy định như trên, để đảm bảo nguồn cung cấp vật tư kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng có nhiều hạng mục hoặc có một hạng mục nhưng số lượng lớn.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

034-0
: TY
DIỆN
: G-TK
: G-CÔNG
: TKV
: P
T.L.A.M.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Cung cấp vật tư gia công các chi tiết cơ khí phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.
- Số hiệu đơn hàng: 05-MSVT-NĐND-2026.
- Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa:

01-C.T.100
2
NOS

ll

ll / *manh.*
gu

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nhông bị động (xích gạt)	cái	4	Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 123	≥ 12 tháng	(*)
2	Nhông chủ động (xích gạt)	cái	4	Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 122	≥ 12 tháng	(*)
3	Đĩa xích gầu chủ động (VT)	cái	2	Đường lỗ lắp trục Ø95, số răng Z=12, bước xích P=150mm, vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC (chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-VTTĐ-0022)	≥ 12 tháng	(*)
4	Đĩa xích gầu bị động (VT)	cái	2	Đường kính lỗ lắp trục Ø60, Số răng Z=12, bước xích P=150, vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC (chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-M-0009)	≥ 12 tháng	(*)
5	Đĩa xích truyền động chủ động (VT)	cái	1	Đường kính lỗ lắp trục Ø60, Số răng Z=14, bước xích P=31,75mm, vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC (chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-VTXĐ....)	≥ 12 tháng	(*)
6	Đĩa xích truyền động	cái	1	Đường kính lỗ lắp trục Ø85, Số răng Z=50, bước	≥ 12 tháng	(*)

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	bị động (VT)			xích P=31,75mm, vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC (chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-VTXĐ....)		
7	Đĩa nghiền	Cái	2	CR5014504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
8	Đĩa nghiền	Cái	2	CR5114504+CR5214504(Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
9	Đĩa nghiền	Cái	2	CR5314504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
10	Đĩa nghiền	Cái	2	CR4014504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
11	Đĩa nghiền	Cái	2	CR4114504+CR4214504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
12	Đĩa lồng nghiền	Cái	2	CR4314504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
13	Bu lông	cái	40	M24x360 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
14	Bu lông	cái	160	M24x380 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
15	Bu lông	cái	112	M24x430 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
16	Búa lồng nghiền	Cái	20	CR6804504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
17	Búa lồng nghiền	Cái	36	CR6814504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
18	Búa lồng nghiền	Cái	44	CR6824504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
19	Búa lồng nghiền	Cái	56	CR6834504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	≥ 12 tháng	(**)
20	Trục chủ động (xích gạt)	cái	2	Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 121	≥ 12 tháng	(*)
21	Trục bị động (xích gạt)	cái	2	Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 124	≥ 12 tháng	(*)

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	Trục bị động (xích gạt)	cái	2	Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 124	≥ 12 tháng	(*)
22	Trục chủ động (VT)	cái	1	Vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC, kích thước chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-VTTX-0055) (Bao gồm cả then)	≥ 12 tháng	(*)
23	Trục bị động (VT)	cái	1	Vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC, kích thước chi tiết theo bản vẽ: ND-CO1-PKT-M-0009) (Bao gồm cả then)	≥ 12 tháng	(*)
24	Bạc lót	cái	2	Ø155xØ140x93mm (SUS304)	≥ 12 tháng	(*)
25	Bạc lót (vít than)	cái	2	Ø155xØ140x226mm (SUS304)	≥ 12 tháng	(*)
26	Bạc đồng ren suốt	Cái	2	D62xL=105, T-M48x2	≥ 12 tháng	(*)
27	Ống thổi bụi	Cái	1	Quy cách: OD60,5xL4419 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu SUS310S, 22 lỗ xD8 cùng phía; trọng lượng 38kg (Gia công Mặt bích để rời)	≥ 12 tháng	(*)
28	Ống thổi bụi	Cái	1	Quy cách: OD60,5xL4398 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu SUS304TP, 33 lỗ xD7 cách đều cùng phía; trọng lượng 39kg (Gia công	≥ 12 tháng	(*)

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				Mặt bích để rời)		
29	Ống thổi bụi	Cái	1	Quy cách: OD60,5xL4398 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu SUS304TP, 33 lỗ xD7 cách đều sole đối phía; trọng lượng 39kg (Gia công Mặt bích để rời)	≥ 12 tháng	(*)
30	Ống thổi bụi	Cái	2	Quy cách: OD60,5x L4382 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu STPT370, 22 lỗ xD8 cách đều cùng phía; trọng lượng 38kg (Gia công Mặt bích để rời)	≥ 12 tháng	(*)
31	Ống thổi bụi	Cái	2	Quy cách: OD60,5x L4382 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu STPT370, 22 lỗ xD8 so le cách đều đối phía; trọng lượng 38kg (Gia công Mặt bích để rời)	≥ 12 tháng	(*)
32	Cánh vít + xương	cái	100	Theo bản vẽ số ND-C01-M-PKT-0002	≥ 12 tháng	(*)
33	Bạc thép	Cái	1	SUS 304 D112x120xL410 (bản vẽ ND-C04-M-PKT-BTH-009 ngày 13/11/2019)	≥ 12 tháng	(*)
34	Bạc thép	cái	1	SUS 304 D112x120xL270 (bản vẽ ND-C04-M-PKT-BTH-009 ngày 13/11/2019)	≥ 12 tháng	(*)

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
35	Bạc thép	cái	1	SUS 304 D112x120xL220 (bản vẽ ND-C04-M-PKT-BTH-009 ngày 13/11/2019)	≥ 12 tháng	(*)
36	Bạc cao su	cái	1	Mã hiệu: B163 Kích thước: Ø120x Ø 155xL300mm; - Vật liệu: cao su, hợp kim đồng (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKT-BTH-0065 ngày 03/11/2015 đính kèm)	≥ 12 tháng	(*)
37	Bạc cao su	cái	1	Mã hiệu: B164 PTFE Kích thước: Ø120x Ø 155xL180mm; - Vật liệu cao su, PTFE, hợp kim đồng (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKT-BTH-0066 ngày 03/11/2015 đính kèm)	≥ 12 tháng	(*)
38	Búa nghiền	Cái	48	Vật liệu 13Mn, (chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-M-BNT-001)	≥ 12 tháng	(*)
39	Búa nghiền	Cái	6	Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-M-HTĐV-001	≥ 12 tháng	(*)
40	Bu lông lục giác bạc lót giữ lồng trong	Bộ	24	M10x60x1,5	≥ 12 tháng	(*)

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
41	Gầu mức VT xỉ thải xỉ đáy lò	cái	50	Chi tiết theo bản vẽ ND- PKT- HTTX- 001	≥ 12 tháng	(*)
42	Cút cong 125A, R1500, 90 độ	Cái	4	kích thước 125A có lớp sứ chống mài mòn; vỏ và bích vật liệu SS400 hoặc tương đương, Bích 200A/125A JIS10K; mặt bích lõng (Lap joint flange); (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKTAT- GC-0014)	≥ 12 tháng	(*)
43	Vòi gió BL	Cái	55	Mã hiệu: Φ42,7x3,6; Vật liệu SUS310S; Chi tiết theo bản vẽ ND-C15-M-PKT-BVĐH-06 đính kèm	≥ 12 tháng	(*)
44	Vòi gió Tranfer line	Cái	5	Mã hiệu: A-297GR HK; Vật liệu: SUS310S; (Chi tiết theo bản vẽ: ND-CO1- M-PKT 029 đính kèm)	≥ 12 tháng	(*)
45	Vòi gió làm mát Stripper	Cái	20	Thông số kỹ thuật chi tiết theo bản vẽ số: ND-C01-M-PKT-VG-STCL	≥ 12 tháng	(*)
46	Con lăn bọc cao su	Cái	104	Quy cách: Ø89x250mm; Vật liệu: trục thép C45, vỏ cao su đúc (chi tiết theo bản vẽ ND-C15-M-PKT-BVGC-03	≥ 12 tháng	(*)



Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				đính kèm)		
47	Con lăn bọc cao su	Cái	15	Quy cách: Ø89x250mm; Vật liệu: trục thép C45, vỏ cao su đúc	≥ 12 tháng	(*)
48	Con lăn bọc cao su	Cái	12	Quy cách: Ø133x380mm; Vật liệu: trục thép C45, vỏ cao su đúc (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKT-BVGC-0132 đính kèm)	≥ 12 tháng	(*)
49	Con lăn thép	Cái	172	Quy cách: Ø89x250mm; vật liệu: trục thép C45, vỏ thép C20 (chi tiết theo bản vẽ ND- C01-M-PKT-BVGC-0130 đính kèm)	≥ 12 tháng	(*)
50	Con lăn thép	Cái	43	Quy cách: Ø89x750mm; vật liệu: trục thép C45, vỏ thép C20 (chi tiết theo bản vẽ ND- C01-M-PKT-BVGC-0131 đính kèm)	≥ 12 tháng	(*)
51	Khớp nối	Bộ	1	chi tiết theo bản ND-C01-M-PKT-022, 23, 24, 25 ngày 26/3/2020	≥ 12 tháng	(*)

(*) Trường hợp nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng hóa khác hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột

“Quy cách, đặc tính kỹ thuật” thì nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ) với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột “Quy cách, đặc tính kỹ thuật” (*kèm theo bảng so sánh các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà cung cấp đề xuất cung cấp với hàng hóa được bên mời cung cấp chỉ dẫn tại cột “Quy cách, đặc tính kỹ thuật” để chứng minh sự tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật*).

(**) Ngoài ra đối với các hàng hoá có số thứ tự từ 07 đến số 19 theo bảng trên Nhà cung cấp có trách nhiệm tổ hợp thành 01 bộ hoàn chỉnh theo bản vẽ và cân bằng động trước khi bàn giao cho Bên mua.

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7	Đĩa nghiền CR5014504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
8	Đĩa nghiền CR5114504+CR5214504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
9	Đĩa nghiền CR5314504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
10	Đĩa nghiền CR4014504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
11	Đĩa nghiền CR4114504+CR4214504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
12	Đĩa lồng nghiền CR4314504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
13	Bu lông M24x360 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	cái	40	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
14	Bu lông M24x380 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	cái	160	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
15	Bu lông M24x430 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	cái	112	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
16	Búa lồng nghiền CR6804504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	20	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)



Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
17	Búa lòng nghiền CR6814504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	36	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
18	Búa lòng nghiền CR6824504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	44	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
19	Búa lòng nghiền CR6834504 (Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-MNĐV- 001)	Cái	56	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
20	Trục chủ động (xích gạt) Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 121	cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
21	Trục bị động (xích gạt) Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-XGCT 124	cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
22	Trục chủ động (VT) Vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC, kích thước chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-M-PKT-VTTX-0055) (Bao gồm cả then)	cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
23	Trục bị động (VT) Vật liệu S45C hoặc tương đương, độ cứng 50-55HRC, kích thước chi tiết theo bản vẽ: ND-CO1-PKT-M-0009) (Bao gồm cả then)	cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
24	Bạc lót Ø155xØ140x93mm (SUS304)	cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
25	Bạc lót (vít than) Ø155xØ140x226mm (SUS304)	cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

42070
CÔNG
NHIỆT
DƯƠNG
NHẬN
LƯU
CTC
NH-T

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
26	Bạc đồng ren suốt D62xL=105, T-M48x2	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
27	Ống thổi bụi Quy cách: OD60,5xL4419 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu SUS310S, 22 lỗ xD8 cùng phía; trọng lượng 38kg (Gia công Mặt bích để rời)	Cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
28	Ống thổi bụi Quy cách: OD60,5xL4398 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu SUS304TP, 33 lỗ xD7 cách đều cùng phía; trọng lượng 39kg (Gia công Mặt bích để rời)	Cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
29	Ống thổi bụi Quy cách: OD60,5xL4398 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu SUS304TP, 33 lỗ xD7 cách đều sole đối phía; trọng lượng 39kg (Gia công Mặt bích để rời)	Cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
30	Ống thổi bụi Quy cách: OD60,5x L4382 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu STPT370, 22 lỗ xD8 cách đều cùng phía; trọng lượng 38kg (Gia công Mặt bích để rời)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
31	Ống thổi bụi Quy cách: OD60,5x L4382 dày 5.5mm (chiều dài tính cả bích nối), vật liệu STPT370, 22 lỗ xD8 so le cách đều đối phía; trọng lượng 38kg (Gia công Mặt bích để rời)	Cái	2	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
32	Cánh vít + xương Theo bản vẽ số ND-C01-M-PKT-0002	cái	100	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

34-001
TY
HIỆN
G-TKV
CÔNG TY
TKV
P
LẠNG SƠN

lp

✓

Minh

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	Bạc thép SUS 304 Kích thước: D112x120xL410 (bản vẽ ND-C04-M-PKT-BTH-009 ngày 13/11/2019)	Cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
34	Bạc thép SUS 304 Kích thước: D112x120xL270 (bản vẽ ND-C04-M-PKT-BTH-009 ngày 13/11/2019)	cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
35	Bạc thép SUS 304 Kích thước: D112x120xL220 (bản vẽ ND-C04-M-PKT-BTH-009 ngày 13/11/2019)	cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
36	Bạc cao su Mã hiệu: B163 Kích thước: Ø120x Ø 155xL300mm; - Vật liệu: cao su, hợp kim đồng (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKT-BTH-0065 ngày 03/11/2015 đính kèm)	cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
37	Bạc cao su Mã hiệu: B164 PTFE Kích thước: Ø120x Ø 155xL180mm; - Vật liệu cao su, PTFE, hợp kim đồng (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKT-BTH-0066 ngày 03/11/2015 đính kèm)	cái	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
38	Búa nghiền Vật liệu 13Mn, (chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-M-BNT-001)	Cái	48	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
39	Búa nghiền Chi tiết theo bản vẽ ND-CO1-PKT-M-HTĐV- 001	Cái	6	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
40	Bu lông lục giác bạc lót giữ lồng	Bộ	24	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa



[Handwritten signatures and marks at the bottom of the page]

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	trong M10x60x1,5				chi: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
41	Gầu mức VT xỉ thải xỉ đáy lò Chi tiết theo bản vẽ ND- PKT-HTTX- 001	cái	50	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
42	Cút cong 125A, R1500, 90 độ kích thước 125A có lớp sứ chống mài mòn; vỏ và bích vật liệu SS400 hoặc tương đương, Bích 200A/125A JIS10K; mặt bích lỏng (Lap joint flange); (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKTAT- GC-0014)	Cái	4	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
43	Vòi gió BL Mã hiệu: Φ42,7x3,6; Vật liệu SUS310S; Chi tiết theo bản vẽ ND-C15-M-PKT-BVĐH-06 đính kèm	Cái	55	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
44	Vòi gió Tranfer line Mã hiệu: A-297GR HK; Vật liệu: SUS310S; (Chi tiết theo bản vẽ: ND-CO1- M-PKT 029 đính kèm)	Cái	5	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
45	Vòi gió làm mát Stripper Thông số kỹ thuật chi tiết theo bản vẽ số: ND-C01-M-PKT-VG-STCL	Cái	20	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
46	Con lăn bọc cao su Quy cách: Ø89x250mm; Vật liệu: trục thép C45, vỏ cao su đúc (chi tiết theo bản vẽ ND-C15-M-PKT-BVGC-03 đính kèm)	Cái	104	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
47	Con lăn bọc cao su Quy cách: Ø89x250mm; Vật liệu: trục thép C45, vỏ cao su đúc	Cái	15	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)



[Handwritten signatures and initials at the bottom of the page]

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
48	Con lăn bọc cao su Quy cách: Ø133x380mm; Vật liệu: trục thép C45, vỏ cao su đúc (chi tiết theo bản vẽ ND-C01-M-PKT-BVGC-0132 đính kèm)	Cái	12	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
49	Con lăn thép Quy cách: Ø89x250mm; vật liệu: trục thép C45, vỏ thép C20 (chi tiết theo bản vẽ ND- C01-M-PKT-BVGC-0130 đính kèm)	Cái	172	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
50	Con lăn thép Quy cách: Ø89x750mm; vật liệu: trục thép C45, vỏ thép C20 (chi tiết theo bản vẽ ND- C01-M-PKT-BVGC-0131 đính kèm)	Cái	43	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
51	Khớp nối chi tiết theo bản ND-C01-M-PKT-022, 23, 24, 25 ngày 26/3/2020	Bộ	1	20 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

4297
CÔNG
NHIỆT Đ
DƯƠNG
NH TÔNG
NLUC
CTCP
H-TA

NP

13/03/2020

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
 Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]
 Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày, kể từ ngày...
 [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 [Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. To the right of the signatures, there is a red circular stamp with the text 'TƯ LỆN', 'TKV', and 'CÔNG TY' visible, along with some other partially legible characters.

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Stt	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà sản xuất, xuất xứ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ)	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền sau thuế (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	$(9) = (7) * [1 + (8)/100]$	$(10) = (4) * (9)$
1	Hàng hoá thứ 1								M1
2	Hàng hoá thứ 2								M2
...	...								...
n	Hàng hoá thứ n								Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)									$M = M1 + M2 + \dots + Mn$

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

* Lưu ý:

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả các



nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về giá đối với các hồ sơ chào giá, đề nghị các nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 8% thì khi đánh giá về giá đối với hồ sơ chào giá của nhà cung cấp đó, Bên mời chào giá sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 8%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá không bao gồm thuế GTGT thì hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Minh

M

guy



CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

b) Khối lượng giao nhận: Giao theo nhu cầu thực tế của Bên mua. Khi có nhu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa, Bên mua sẽ có văn bản thông báo cấp hàng cho Bên bán.

c) Phương án cung cấp, vận chuyển vật tư, hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

2. Thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán:

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (nếu có).

3. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của hàng hóa được chào giá.

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
							
n	Hàng hoá thứ n						

207
CÔNG
HIỆT
DƯƠNG
NHẬT
LÝ
CTC
VH-T

[Handwritten signatures and marks]

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng:

1. Tên hàng và khối lượng: theo nhu cầu của Bên mua; khi có nhu cầu, Bên mua sẽ gửi thông báo cấp hàng cho Bên bán.
2. Nhà sản xuất:
3. Xuất xứ:
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%.
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: theo Bản kê chi tiết danh mục hàng hóa.

II. Hình thức hợp đồng:

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán:

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
3. Bộ chứng từ thanh toán:
 - Văn bản đề nghị thanh toán;
 - Hóa đơn tài chính;
 - Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
 - Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
 - Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
 - Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

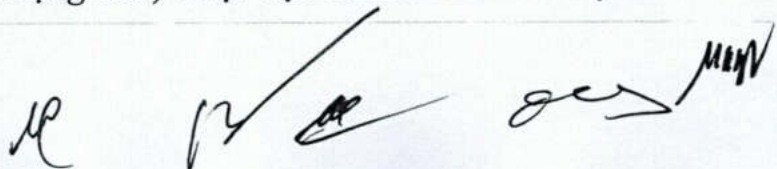
IV. Giao hàng:

1. Địa điểm giao nhận: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc nâng - hạ hàng tại nơi giao hàng (nếu có).

2. Thời gian giao hàng: thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp: Đo kiểm và đếm trực tiếp.
- Địa điểm xác định khối lượng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.



034
 : TY
 ĐIỆN
 G-TN
 : CÔNG
 : TKV
 P
 . LẠNG

4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp: thông qua nhãn mác, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa của Bên bán hoặc thông qua một đơn vị giám định độc lập có chức năng theo yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm xác định chất lượng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng.

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

1. Bên bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

VI. Bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- Hình thức và giá trị bảo đảm bảo hành: bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá hoặc Bên mua sẽ giữ lại 5% giá trị thực hiện hợp đồng.

- Trong thời gian bảo hành nếu phát hiện hàng hóa do lỗi của nhà sản xuất, Bên bán phải tiến hành sửa chữa ngay cho Bên mua trong thời gian 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

- Trường hợp không thể khắc phục sửa chữa thì Bên bán phải thay thế bằng hàng hóa mới cho Bên mua trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

VII. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Phạt chậm thanh toán: Không áp dụng

NP

12/10/2014



b) Phạt chậm giao hàng:

- Bên bán vi phạm về thời gian giao hàng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên mua gây ra, thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày giao hàng chậm, nhưng toàn bộ số tiền phạt chậm không được vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

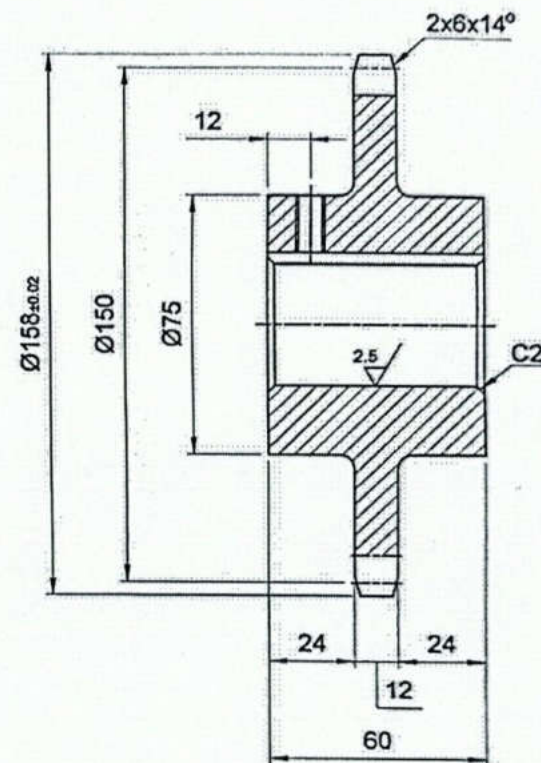
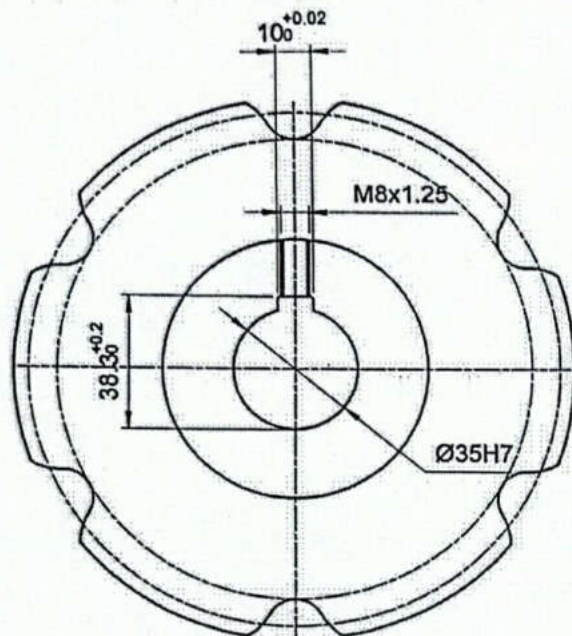
- Bên bán vi phạm không thực hiện toàn bộ hoặc không thực hiện một phần của hợp đồng (không giao hoặc giao hàng không đúng số lượng, chủng loại) theo quy định thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

VIII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

Bên bán có trách nhiệm cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trước khi sử dụng và bố trí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn Bên mua trong quá trình thi công, lắp đặt hàng hóa do Bên bán cung cấp (khi có yêu cầu của Bên mua).

Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ bên mua trong quá trình lắp đặt hiệu chỉnh và chạy thử theo yêu cầu của bên mua (Nếu có)

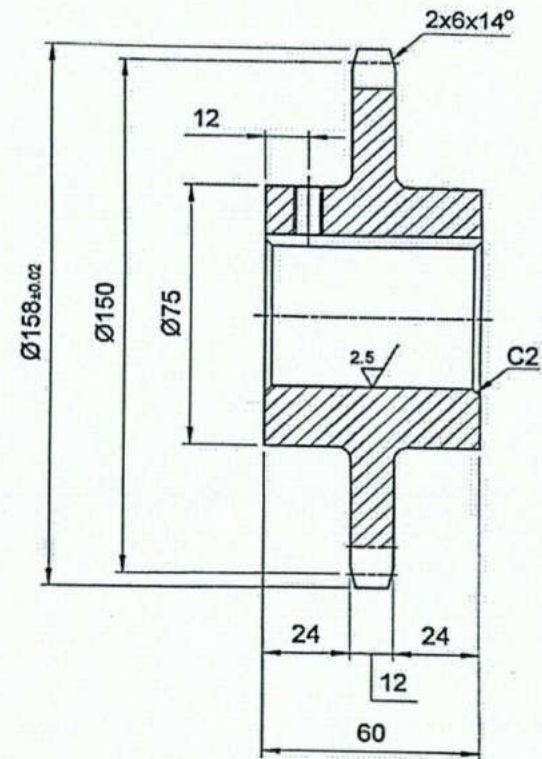
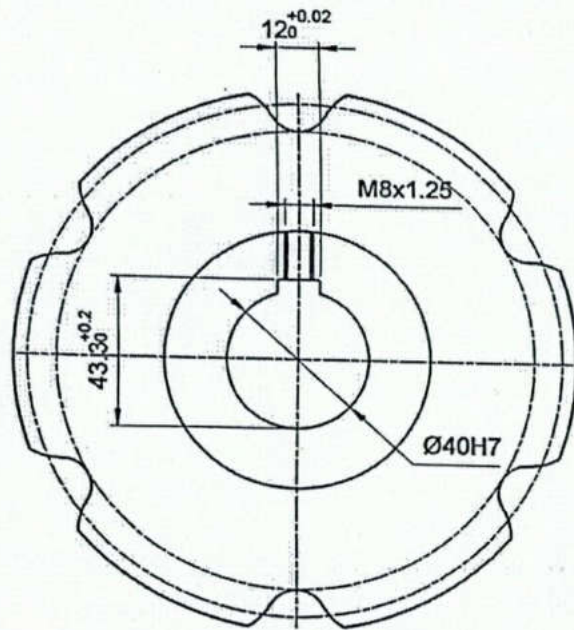




YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Vật liệu chế tạo: S45C hoặc tương đương
2. Nhiệt luyện bề mặt răng đạt độ cứng 50-55 HRC
3. Lỗ bulong ren đúng biên dạng, ren không bị nứt mẻ
4. Độ nhẵn các bề mặt không chỉ dẫn đạt cấp 6 (TCVN 2511:1995)
5. Sai lệch giới hạn của các kích thước không chỉ dẫn đạt $\pm IT9/2$

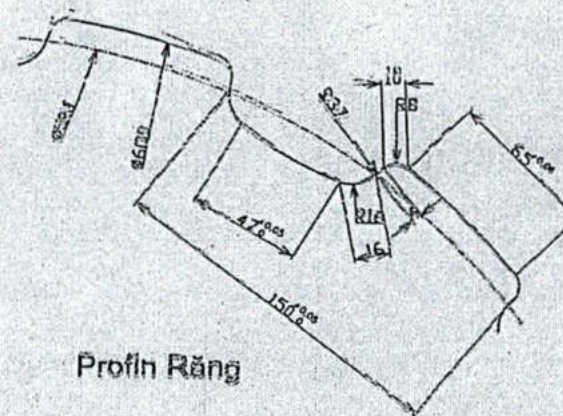
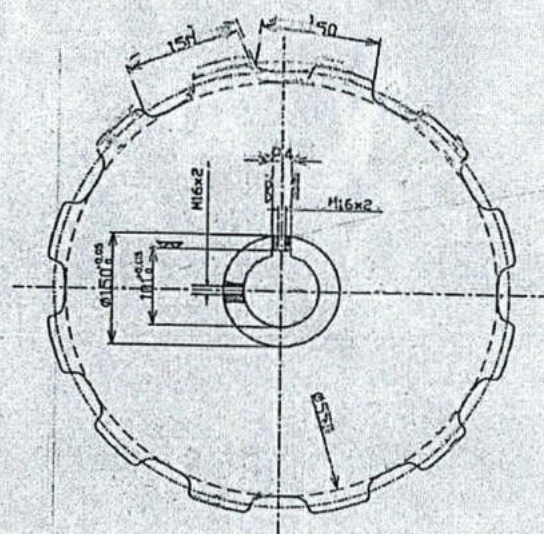
Chức năng	Họ và tên	Ngày	XÍCH GẠT (ĐĨA XÍCH BỊ ĐỘNG)
Người duyệt	Nguyễn Đức		
Người kiểm tra	Dương Thế		
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-XGCT/23 Ngày: 12/11/2024 Tỷ lệ: Số: 2/2



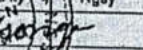
YÊU CẦU KỸ THUẬT

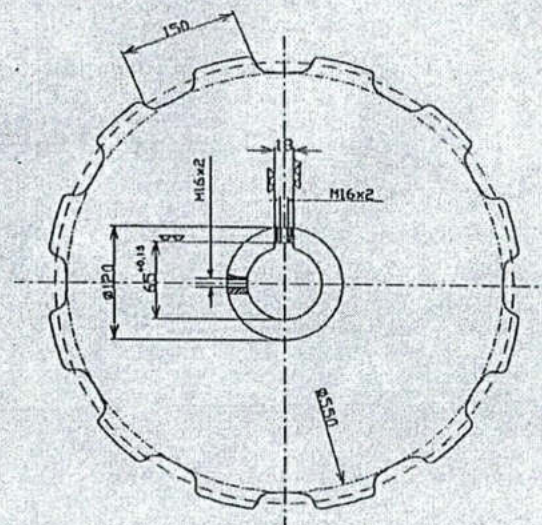
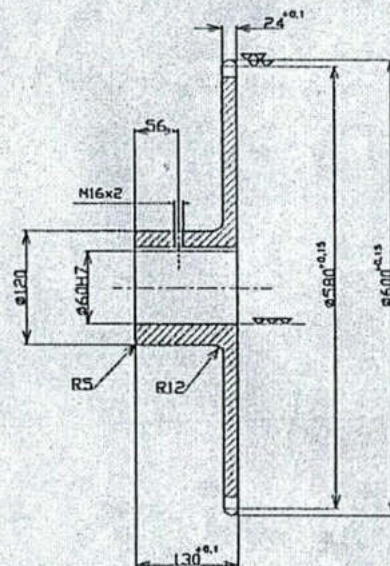
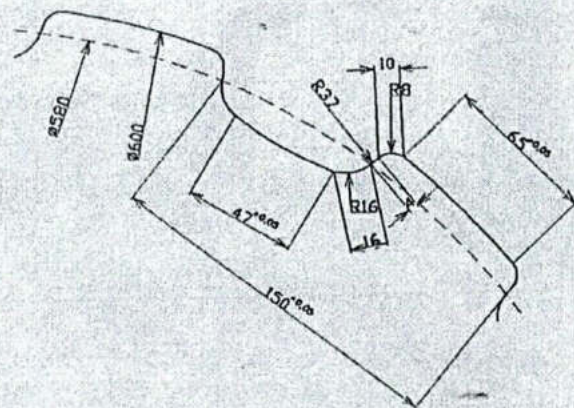
1. Vật liệu chế tạo: S45C hoặc tương đương
2. Nhiệt luyện bề mặt răng đạt độ cứng 50-55 HRC
3. Lỗ bulong ren đúng biên dạng, ren không bị nứt mẻ
4. Độ nhẵn các bề mặt không chỉ dẫn đạt cấp 6 (TCVN 2511:1995)
5. Sai lệch giới hạn của các kích thước không chỉ dẫn đạt $\pm IT9/2$

Chức năng	Họ và tên	Ngày	XÍCH GẠT (ĐĨA XÍCH CHỦ ĐỘNG)
Người duyệt	Nguyễn Đức Dương		
Người kiểm tra	Dương Thế Nguyên		
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-XGCT 122 - Sửa đổi:
			Ngày: 12/11/2024 Tỷ lệ: Số: 1/2



- Địa xích chủ động vận thẳng thái xi tro đây Z = 12 răng, bước xích P=150mm.
- Vật liệu gia công : S45C hoặc tương đương.
- Nhiệt luyện bề mặt răng đạt độ cứng từ 50-55 HRC.
- Lỗ bulông ren đúng biên dạng, ren không bị nứt nẻ.
- Số lượng : 04 Cái

		Ngày		TÊN BẢN VẼ	
Người Duyệt	Phạm Khánh Phong			BẢN VẼ ĐẶT HÀNG	
Người kiểm tra	Thần Thị Đại Dương			NHÔNG CHỮ ĐỒNG	
Người vẽ	Nông Duy Xuân			VẬN THẮNG THẢI XÍ TRỎ ĐẤT	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số: ND-C01-M-PKT-VTTĐ-09		Lần sửa số: 1
			Ngày: 20/10/2009		Tỷ lệ: Số không: 1/1

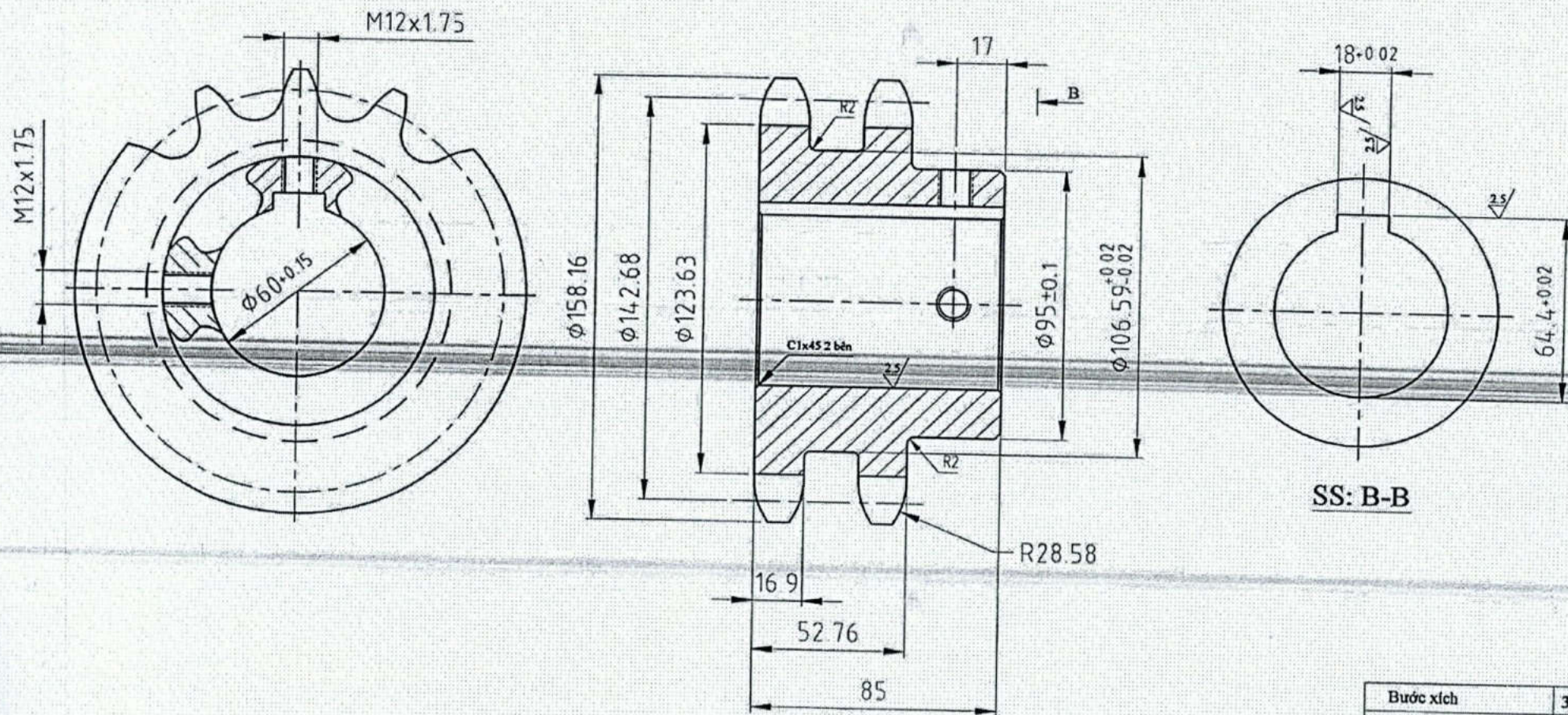


Profin Răng

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đĩa xích bị động vận thăng thải xỉ đáy lò Z=12 răng, bước xích 150 mm
- Vật liệu gia công : S45C hoặc tương đương
- Nhiệt luyện bề mặt răng đạt độ cứng từ 50- 55 HRC
- Lỗ bulông ren đúng biên dạng, ren không bị nứt nẻ
- Số lượng : 04 Cái

		Ngày	TÊN BẢN VẼ
Người Duyệt	Phạm Xuân Phúc	10/12/09	BẢN VẼ ĐẶT HÀNG NHÔNG BỊ ĐỘNG VẬN THĂNG THẢI XỈ ĐÁY LÒ
Người kiểm tra	Thị Thanh Hằng		
Người vẽ	Nông Văn Khang		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH - TKV		Số: ND-C01-PKT-M-0008	Lần sửa đổi:
		Ngày: 10/12/2009	Tỷ lệ: Số lượng: 1/2



YÊU CẦU KỸ THUẬT

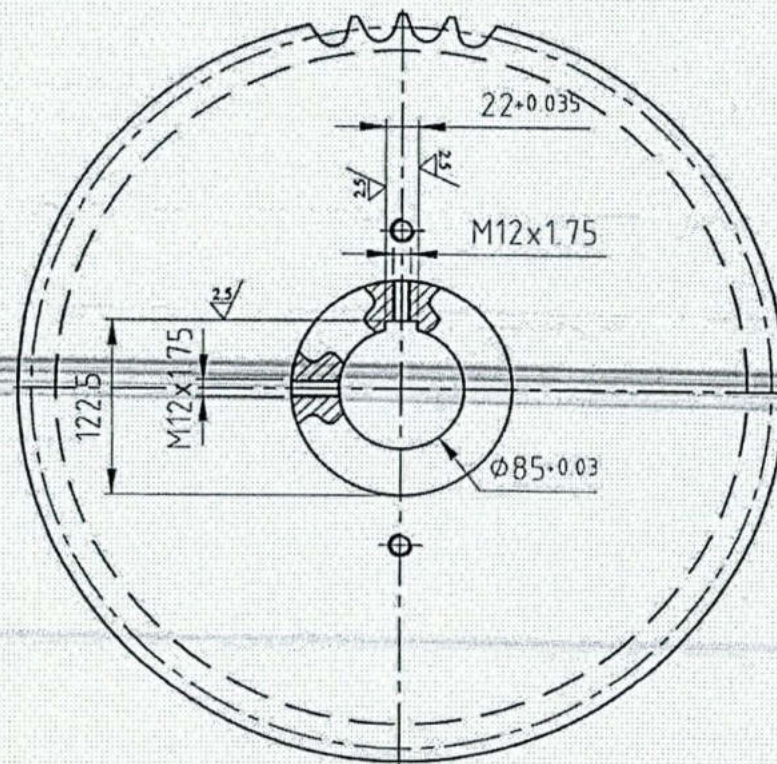
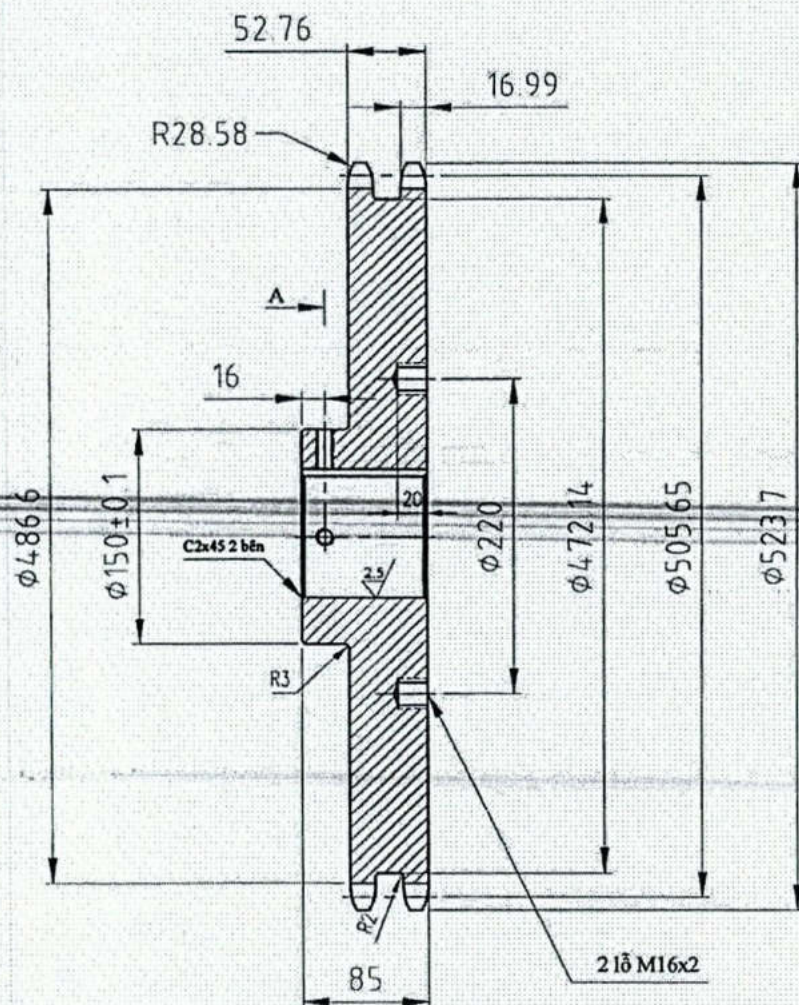
- Vật liệu chế tạo: S45C hoặc tương đương (phôi đúc)
- Nhiệt luyện bề mặt răng đạt độ cứng 50-55 HRC
- Lỗ ren đúng biên dạng, ren không bị nứt mẻ
- Số lượng: 01 cái

Bước xích	31.75
Số răng	14
Đường kính con lăn	19.05
Đường kính vòng chia	142.68

	Tên	Ngày	Tên bản vẽ
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên		
Người kiểm tra	Hà Quang Thu		
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG -TKV			BẢN VẼ GIA CÔNG
			ĐĨA XÍCH CHỦ ĐỘNG VẬN THẮNG XÍ ĐẦY
			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-VTXD.....
			Sửa đổi:
			Ngày: 03/06/2020
			Tỷ lệ: 1:2
			Số: 1/2



Bước xích	31.75
Số răng	50
Đường kính con lăn	19.05
Đường kính vòng chia	505.65



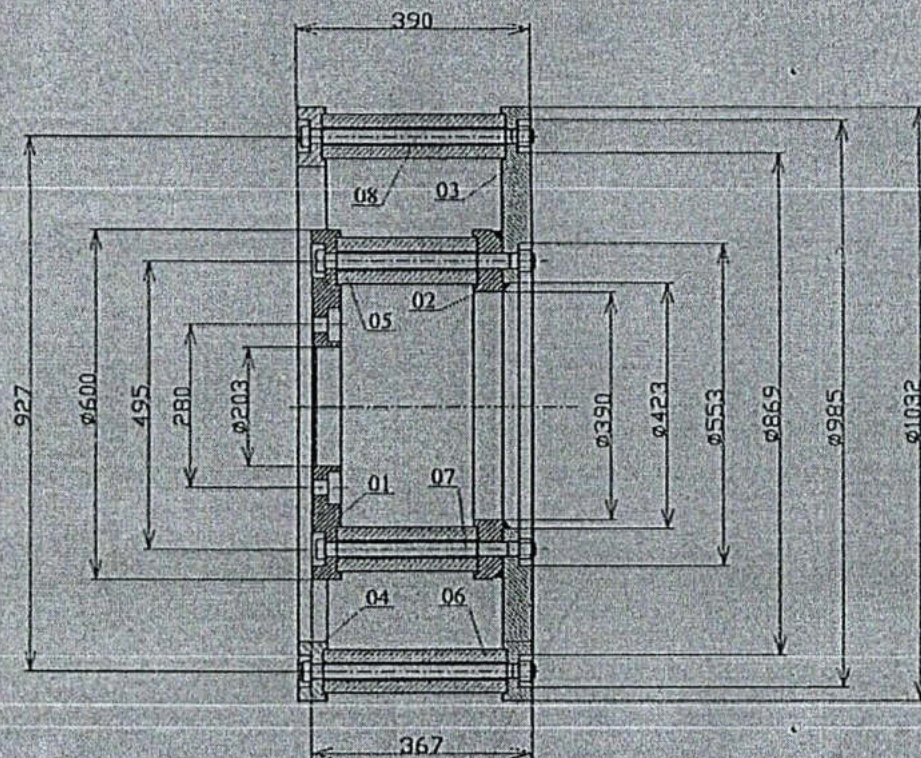
SS: A-A

YÊU CẦU KỸ THUẬT

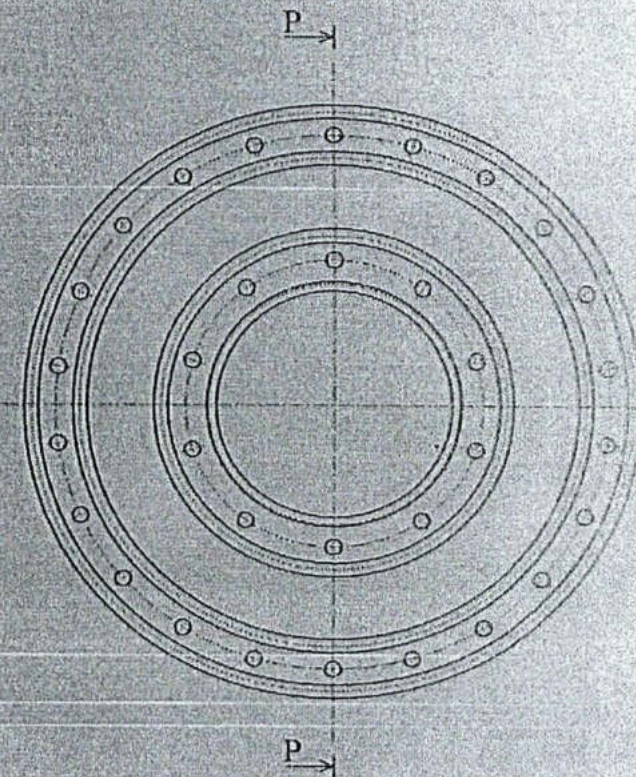
- Vật liệu chế tạo: S45C hoặc tương đương (phôi đúc)
- Nhiệt luyện bề mặt răng đạt độ cứng 50-55 HRC
- Lỗ ren đúng biên dạng, ren không bị nứt mẻ
- Số lượng: 01 cái

		Ngày	Tên bản vẽ
		BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA XÍCH BỊ ĐỘNG VẬN THĂNG XI ĐÁY	
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên		
Người kiểm tra	Hà Quang Thu		
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV		Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-VTXD.....	Sửa đổi:
		Ngày: 03/06/2020	Tỷ lệ: 1:5

0428
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
TỈNH QUẢNG TRƯ, VIỆT NAM



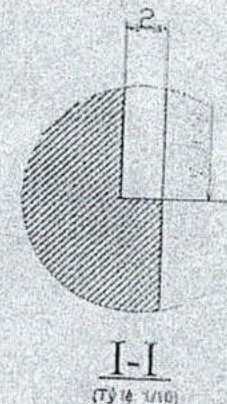
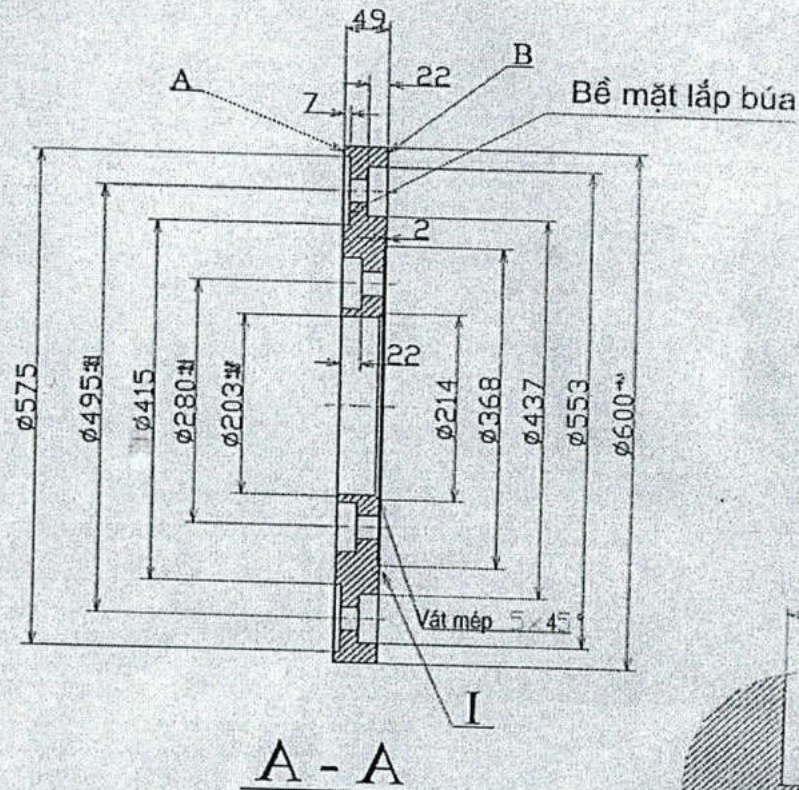
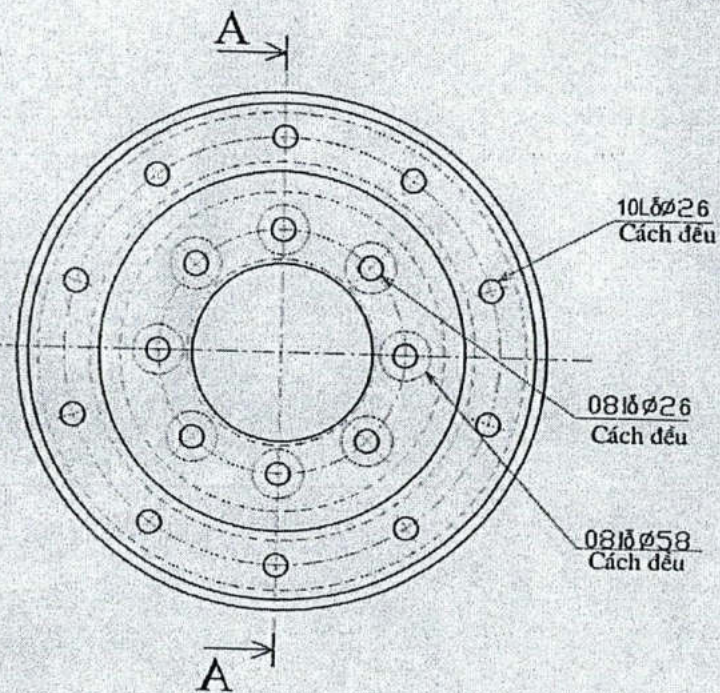
P - P



Tên chi tiết	Bản vẽ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01 Đĩa CR- 5014504	2/14	Cái	01	
02 Đĩa CR- 5114504	3/14	Cái	01	
03 Đĩa CR- 5214504	4/14	Cái	01	
04 Đĩa CR- 5314504	5/14	Cái	01	
05 Búa CR - 680 - 4504	13/14	Cái	10	
06 Búa CR - 680 - 4504	13/14	Cái	22	
07 Bu lông M24x3=300	14/14	Bộ	10	
08 Bu lông M24x3=380	14/14	Bộ	22	

Tên	Chức vụ	Ngày	MÁY NGHIÊN ĐA VỚI THIẾT BỊ
Người Duyệt: Ngô Tế Thịnh	Chức vụ	Ngày	BẢN VẼ LẬP
Người kiểm tra: Phạm Xuân Phước	Chức vụ	Ngày	LỎNG TRONG MÁY NGHIÊN ĐA
Người vẽ: Nông Duy Cường	Chức vụ	Ngày	Số bản vẽ: 140-CET-FKT-MVN-V-001
CÔNG TY ĐIỆN LỰC NÀ ĐƯƠNG - TKV			Ngày: 07/09/2007



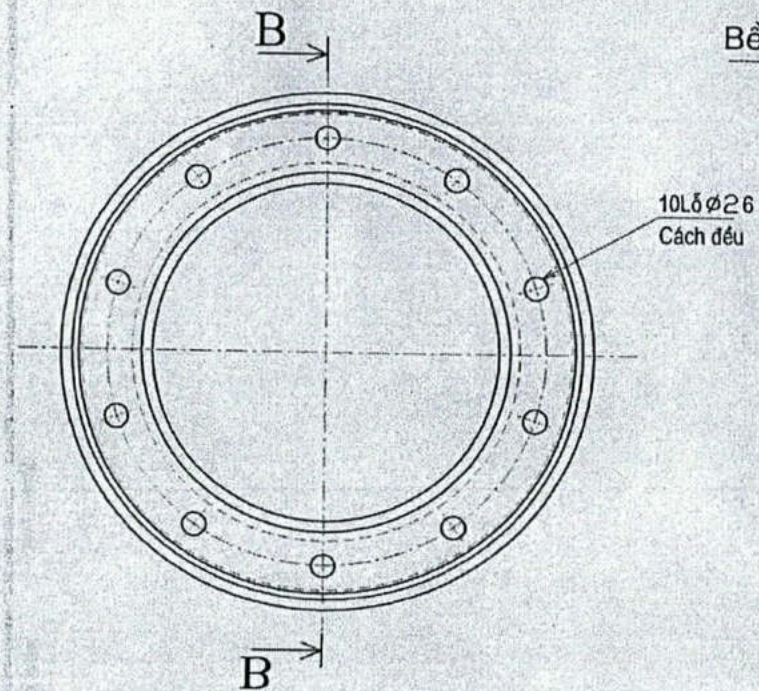


Yêu cầu kỹ thuật:

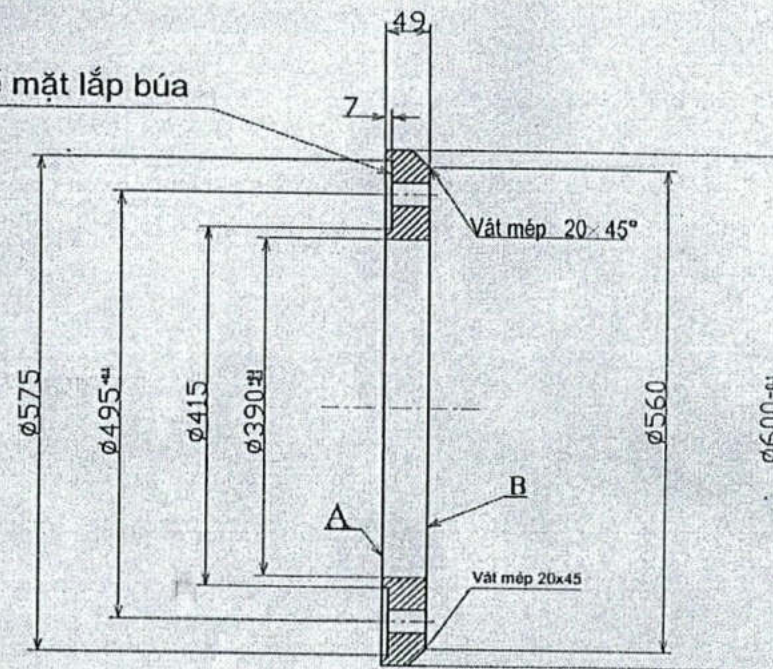
- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø203, Ø600, Ø495, Ø280 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø203 với mặt B không lớn hơn 0.05 mm.
- Độ nhẵn bề mặt lắp búa nghiền Rz= 2,5 µm

	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIÊN ĐÀ VỚI THỰC PHẨM
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>		
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>	10.09.07	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-PKT-MV-007
				Ngày: 07/09/2007
				Tỷ lệ: 1/10

BẢN VẼ GIA CÔNG
ĐĨA CR501450-I



Bề mặt lắp búa

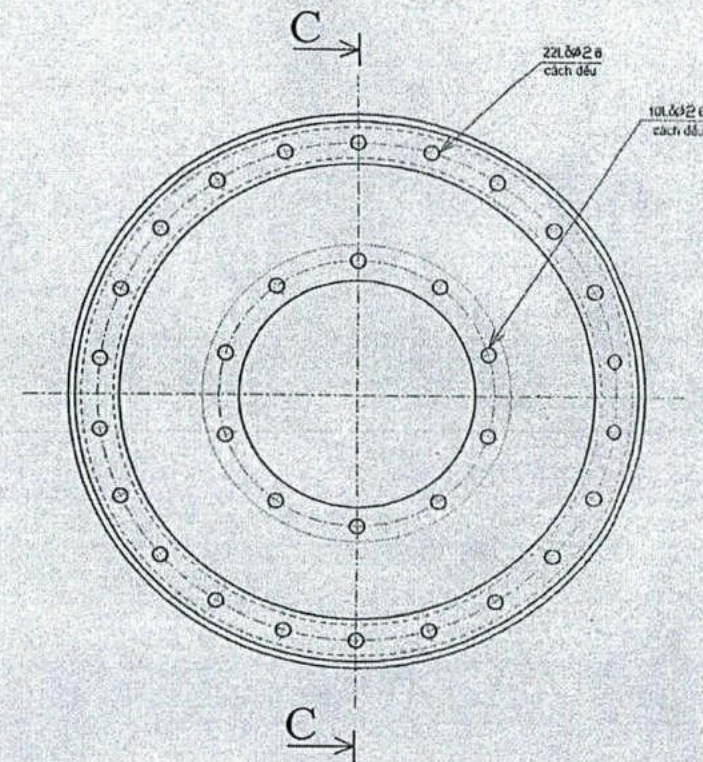
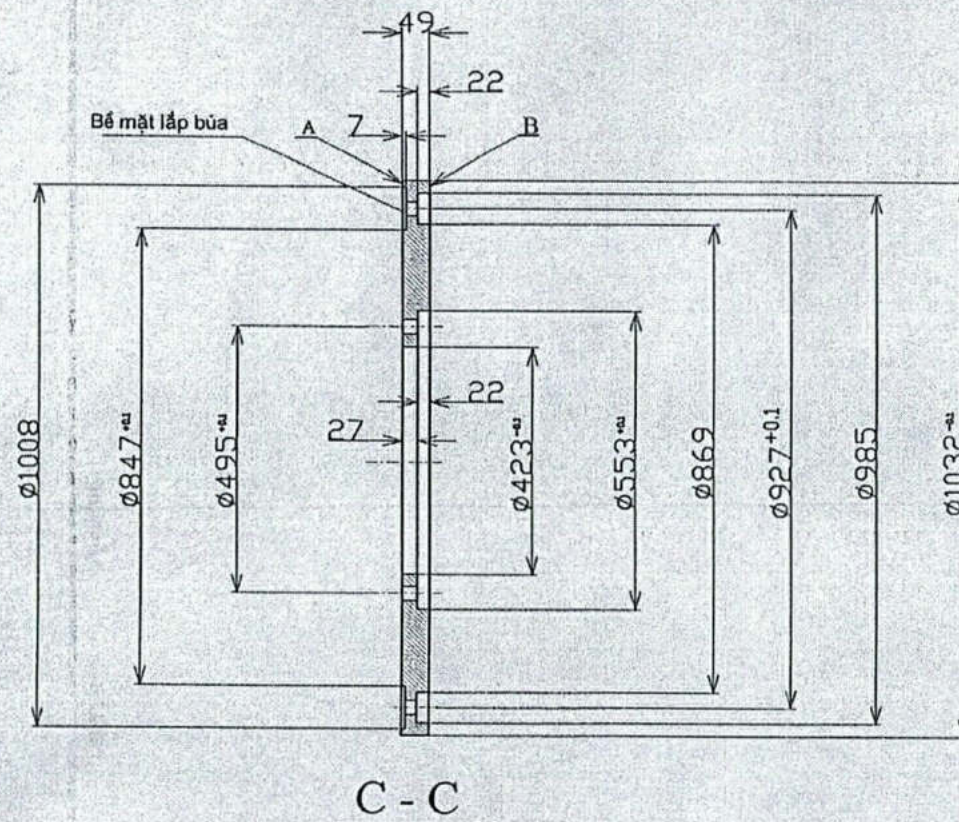


B- B

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø600, Ø495, Ø390 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø390 với mặt B không lớn hơn 0.05 mm.
- Độ nhẵn bề mặt tại vị trí lắp búa nghiêng búa nghiêng Rz=2,5 µm

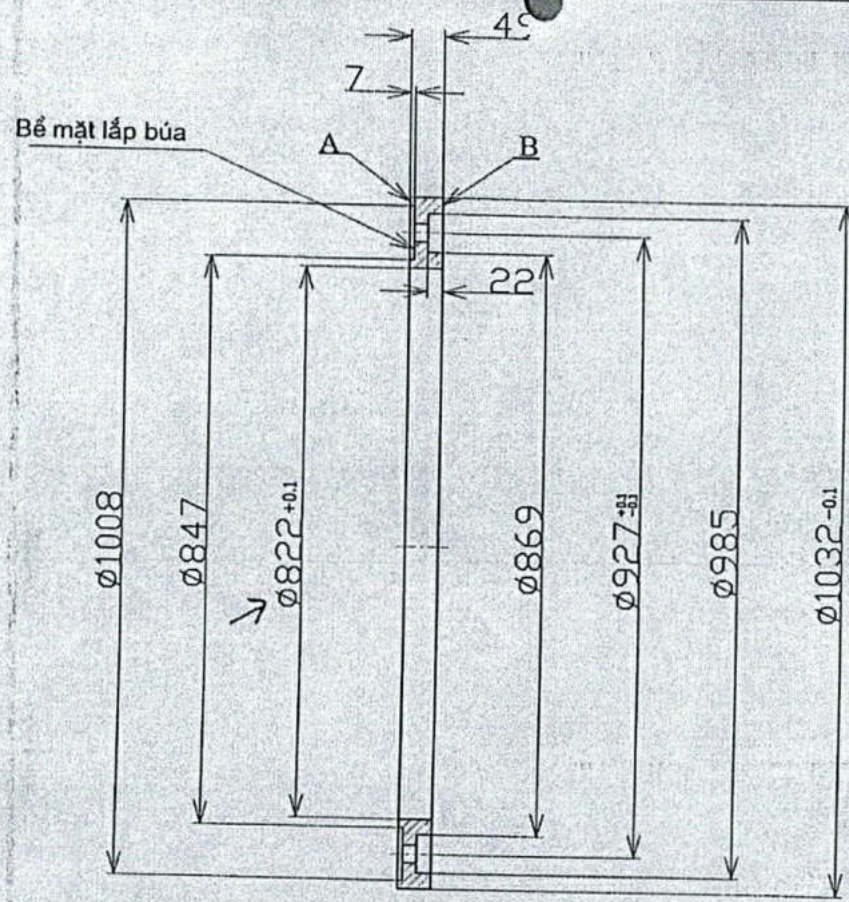
	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIÊN ĐÁ VỚI THỦ CẠ
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA CR5114504
Người Kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>		
Người vẽ	Nông Duy Như	<i>[Signature]</i>	10.09.07	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-CD1-PKT-MNĐV-031
				Ngày: 07/09/2007
				Tỷ lệ: 1:1
				Số: 3



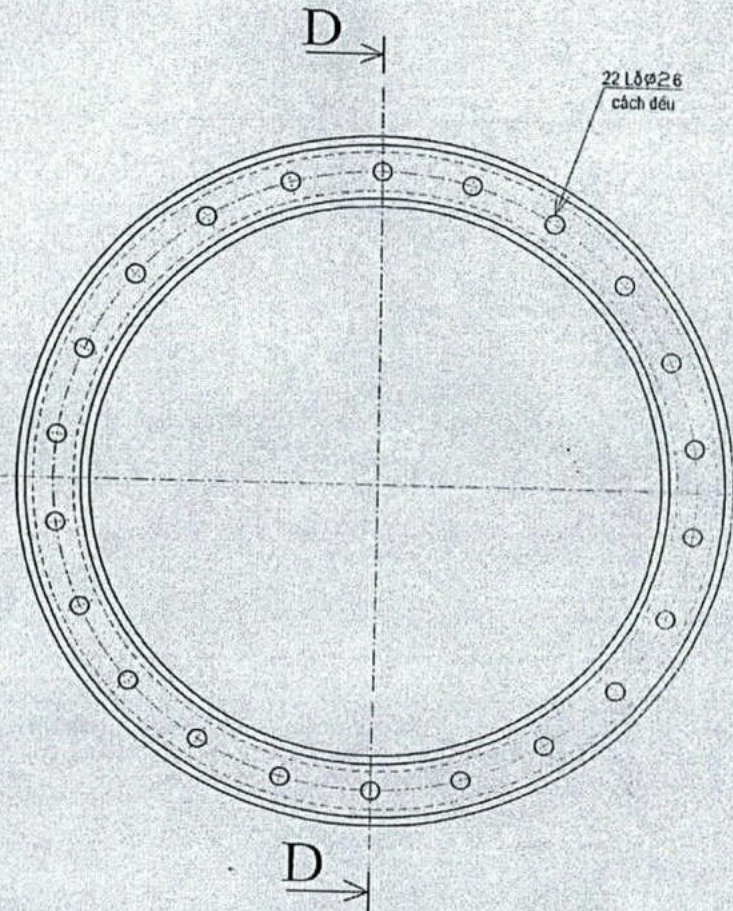
Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø495, Ø423, Ø927, Ø1032 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø423 với mặt B không lớn hơn 0.02 mm.
- Độ nhẵn tại vị trí lắp búa nghiêng Rz=2,5 µm

	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIÊN ĐÁ VỚI THỦ CẠI	
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA CR521450-I	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>			
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>	10.09.07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: HD-C01-PKT-MNĐV-001	Lần sửa đổi:
				Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ: 1:1



D - D

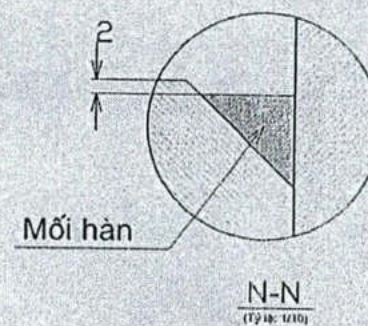
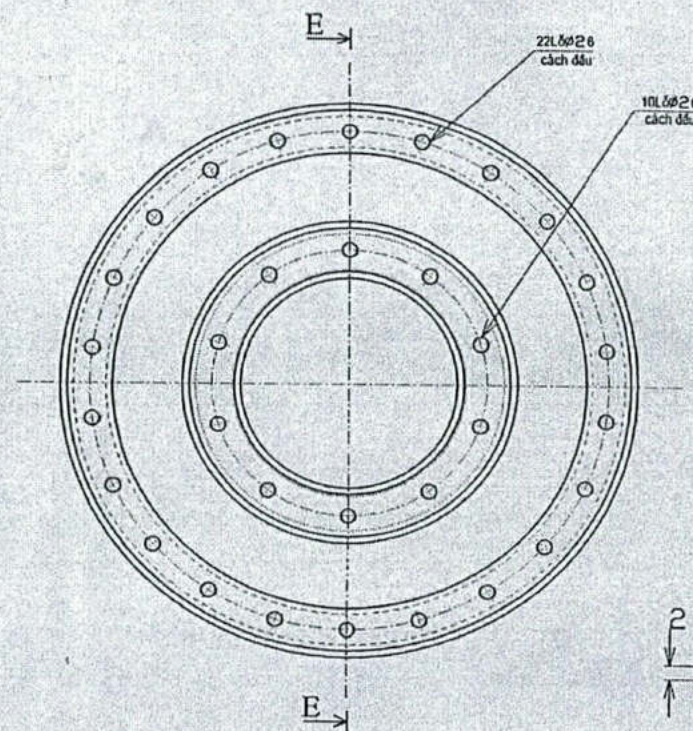
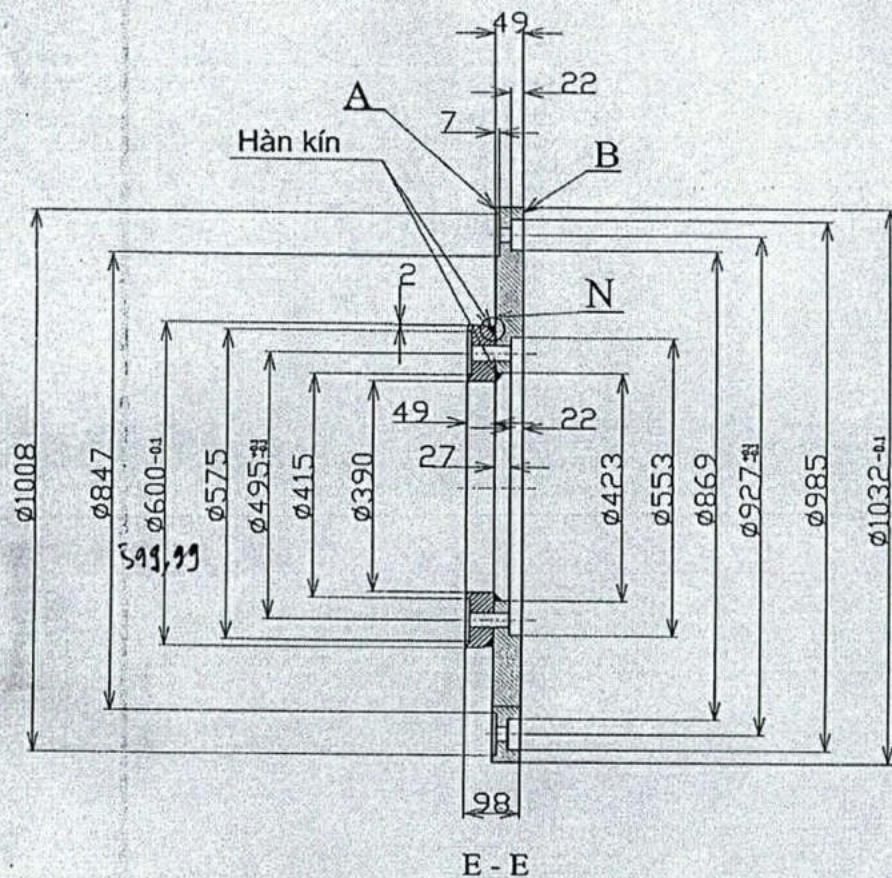


D

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo:
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø822, Ø927, Ø1032 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø822 với mặt B không lớn hơn 0.02 mm.
- Độ nhẵn tại vị trí lắp búa nghiêng Rz=2,5 µm

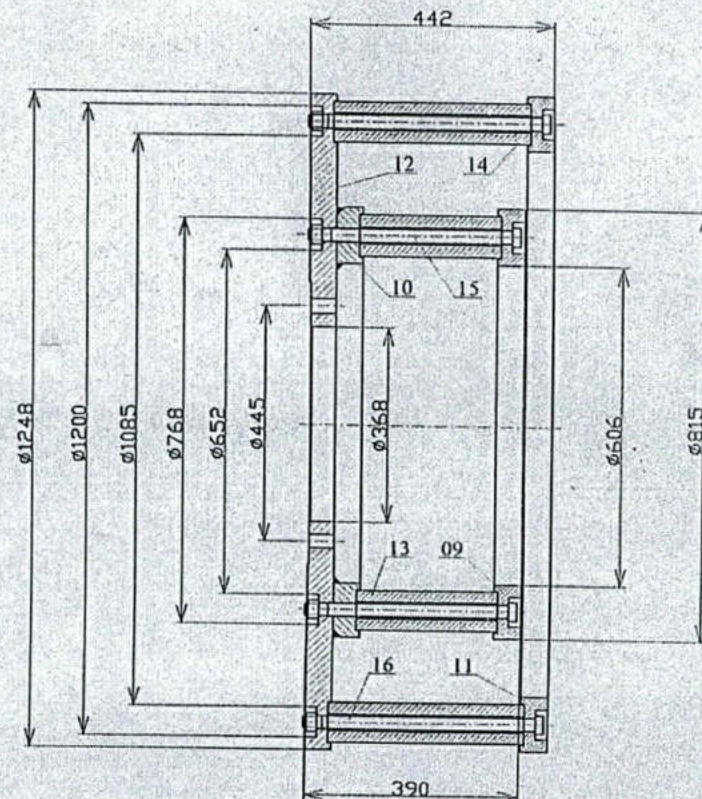
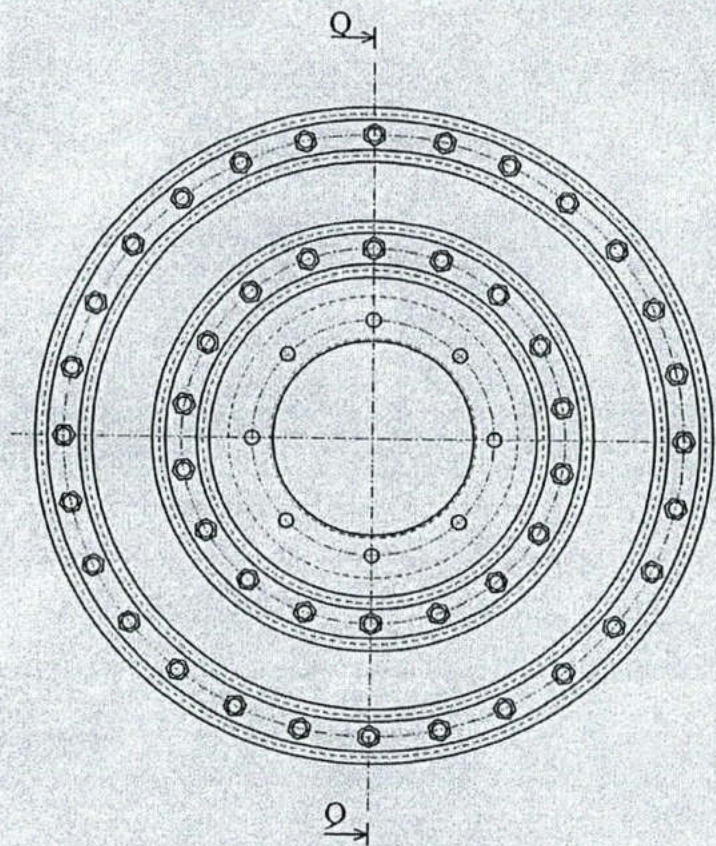
	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIÊN DẪ VỚI THỨC CẤP	
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA CR5314504	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>			
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>	16/09/07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-PKT-MHĐV-001	Lần sửa: 03
				Ngày: 07/09/2007	Số: 014



Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo:
- Độ đồng tâm của các kích thước $\varnothing 390$, $\varnothing 032$, $\varnothing 927$, $\varnothing 495$, không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ $\varnothing 423$ với mặt B không lớn hơn 0.02 mm.
- Khi khoan các lỗ trên chi tiết, kẹp các chi tiết số 1 với số 2 và 3,4 khoan cùng một lần gá.

	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIỀN ĐÁ VỚI THỰC CẤP		
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ LẮP		
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>				
Người vẽ	Nông Duy Nhương	<i>[Signature]</i>	10/09/07			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-PKT-MH-TĐV-001	Lần sửa: 0.5	
				Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ:	Số: 0/1

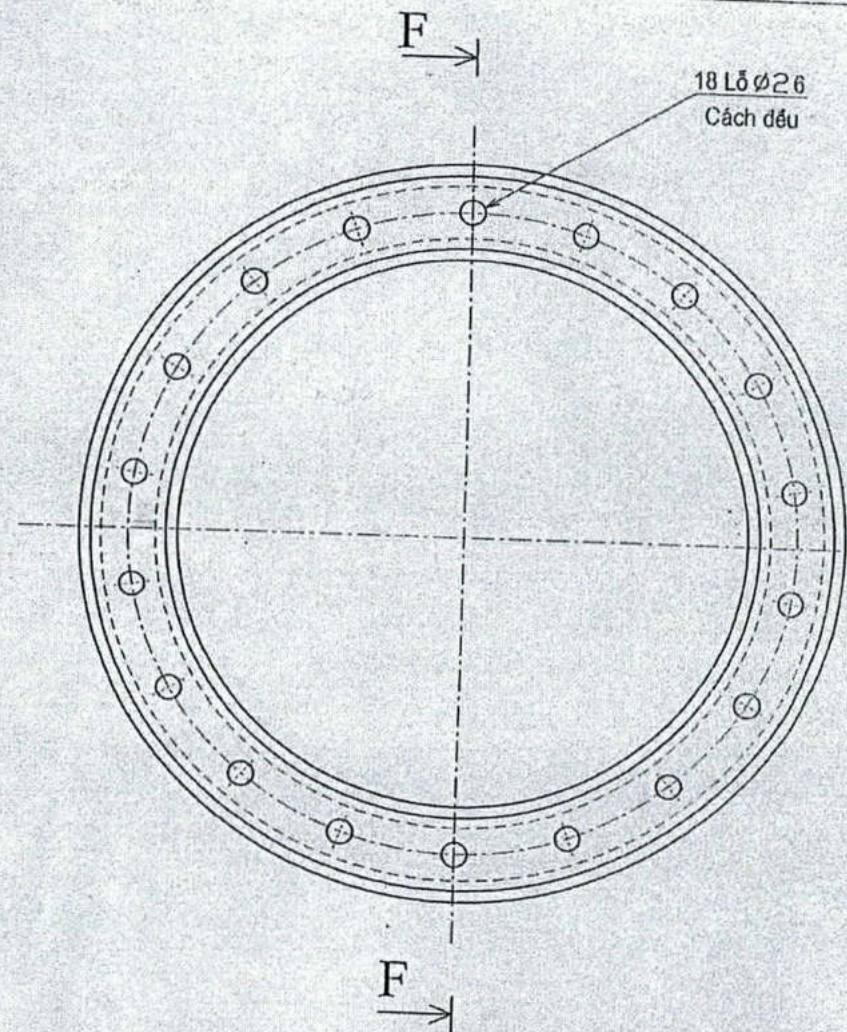
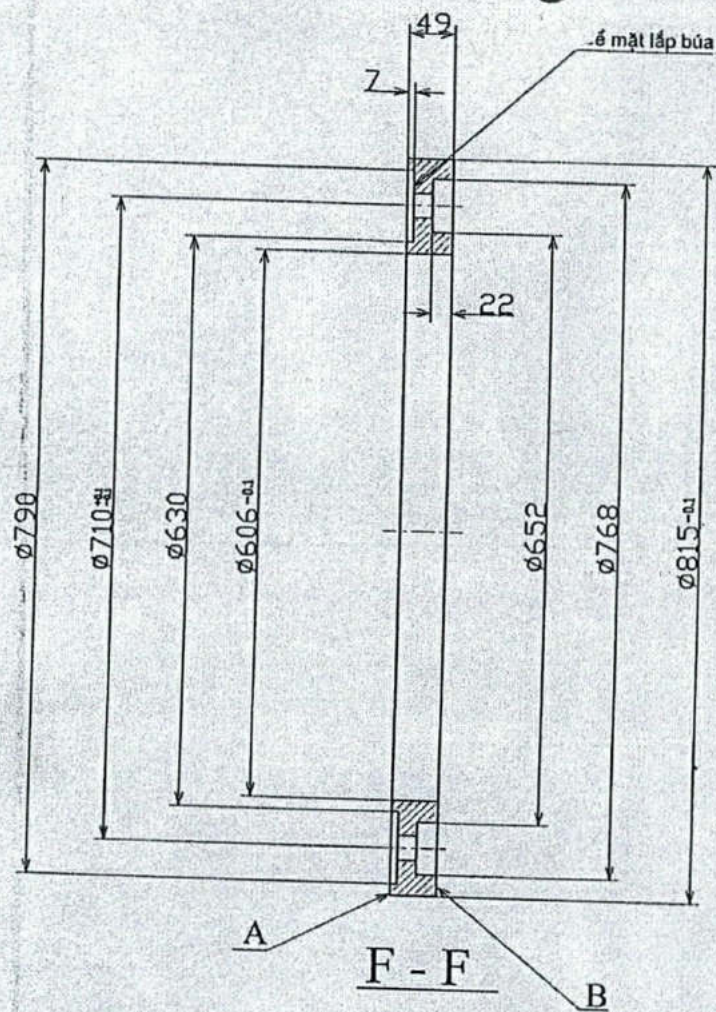


Q-Q

	Tên chi tiết	Bản vẽ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
09	Đĩa CR- 4014504	8/14	Cái	01	
10	Đĩa CR- 4114504	9/14	Cái	01	
11	Đĩa CR- 4214504	10/14	Cái	01	
12	Đĩa CR- 4314504	11/14	Cái	01	
13	Búa CR - 681 - 4504	13/14	Cái	18	
14	Búa CR - 681 - 4504	13/14	Cái	28	
15	Bu lông M24x3+380	14/14	Bộ	18	
16	Bu lông M24x3+430	14/14	Bộ	28	

	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIỀN ĐÁ VỚI THỦ CẤP	
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ LẮP LỒNG NGOÀI MÁY NGHIỀN	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>			
Người vẽ	Nông Duy Như	<i>[Signature]</i>	16.05.07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-PKT-MNĐV-001	Lần sửa đổi
				Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ: Số 7/1



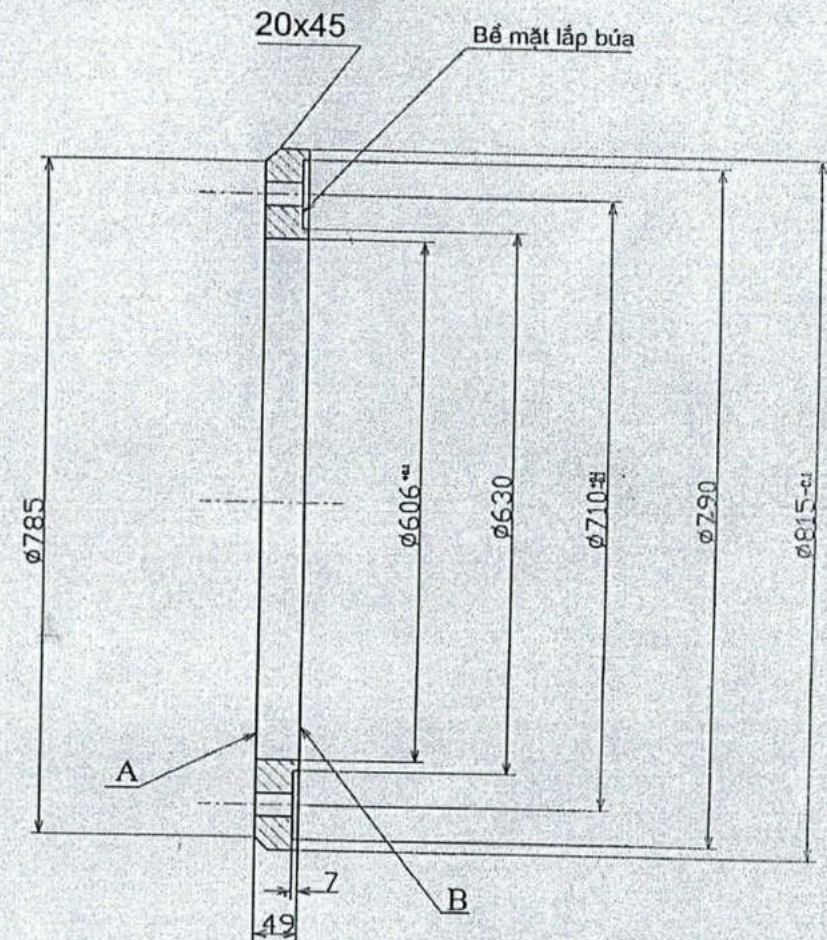
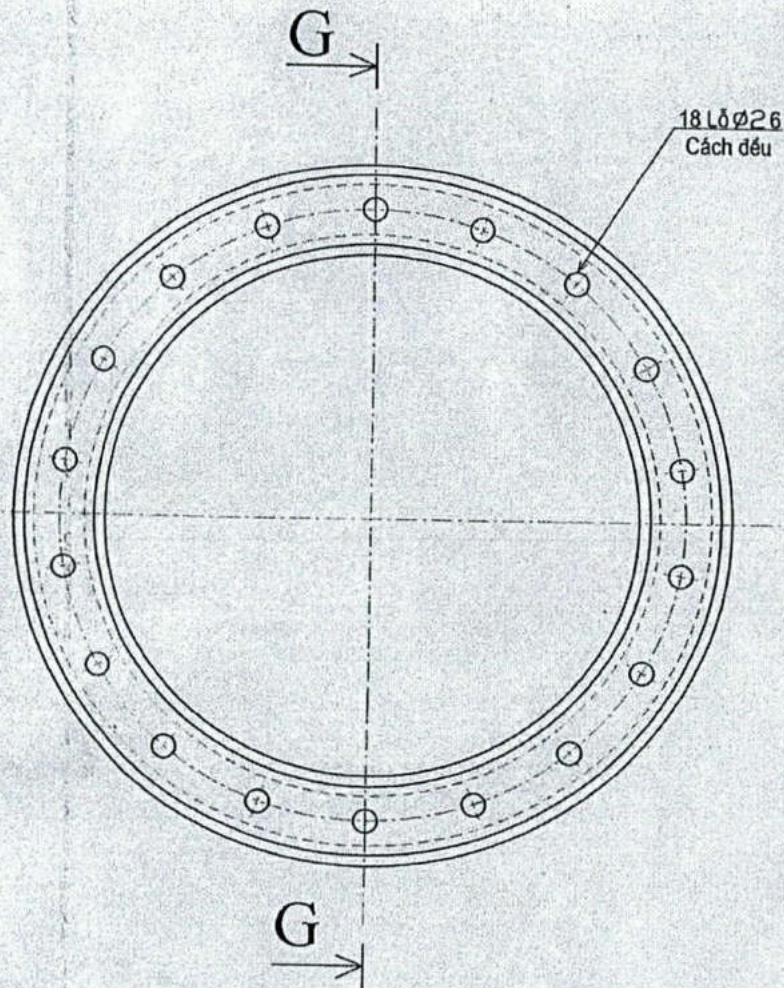


Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø606, Ø815, Ø710 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø606 với mặt B không lớn hơn 0.02 mm.
- Độ nhẵn bề mặt lắp búa nghiền Rz= 2,5

Người Duyệt:	Người kiểm tra:	Người vẽ:	Ngày:	10.09.07
Ngô Trí Thịnh	Phạm Xuân Phong	Nguyễn Thị Nhung		
CÔNG TY ĐIỆN LỬA ĐÀ NẴNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-PKT-MNĐV-001	Lần sửa đổi:
			Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ: S5: 8/14





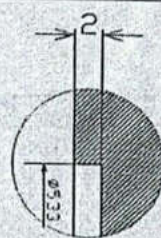
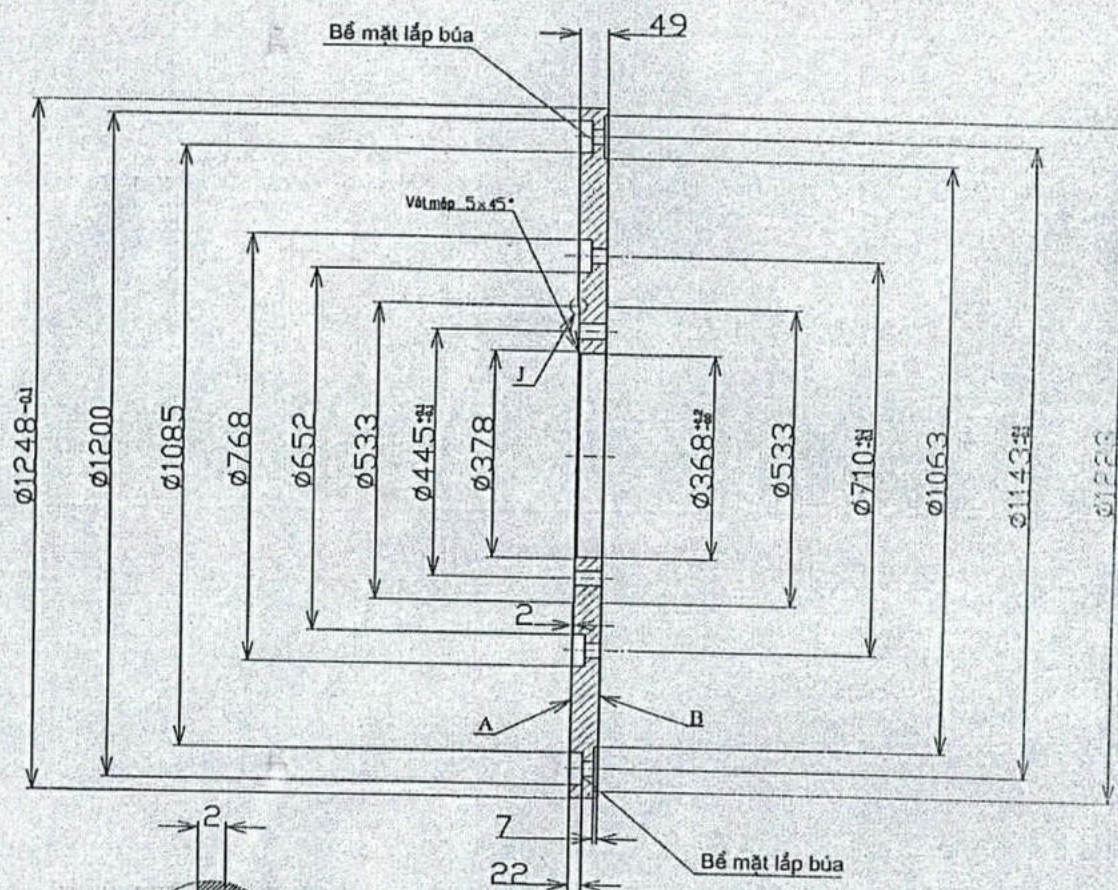
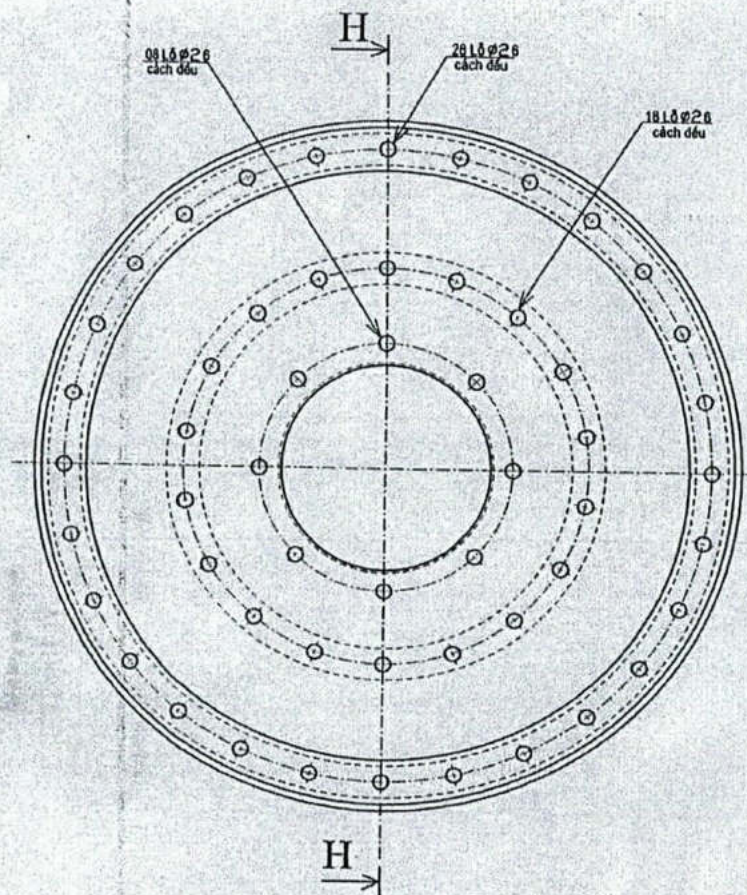
G - G

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước $\varnothing 815$, $\varnothing 606$, $\varnothing 710$ không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ $\varnothing 606$ với mặt B không lớn hơn 0.02 mm.
- Độ nhẵn bề mặt lắp búa nghiền Rz=2,5 μ m

Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIỀN ĐÁ VỚI THỨC ĂN	
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>	BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA CR411450	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>		
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số: ND-C01-PKT-MNĐV-001	Lần sửa đổi:
			Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ: Số: 5/14



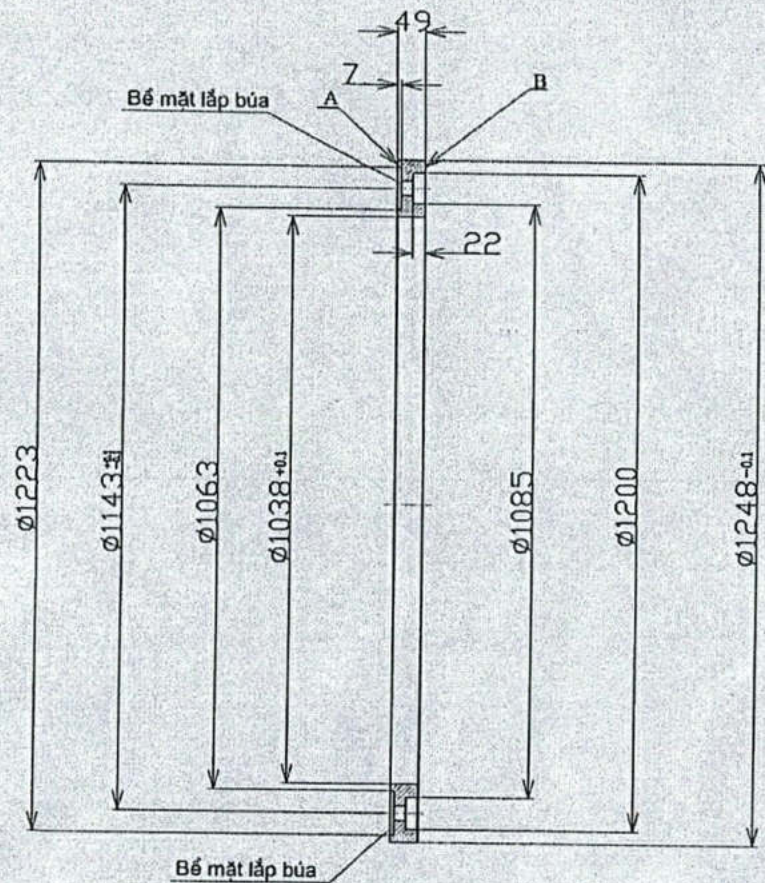


H - H

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø368, Ø1248, Ø1143, Ø710 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø368 với mặt B không lớn hơn 0.05 mm.
- Độ nhẵn bề mặt lắp búa nghiền Rz=2,5µm

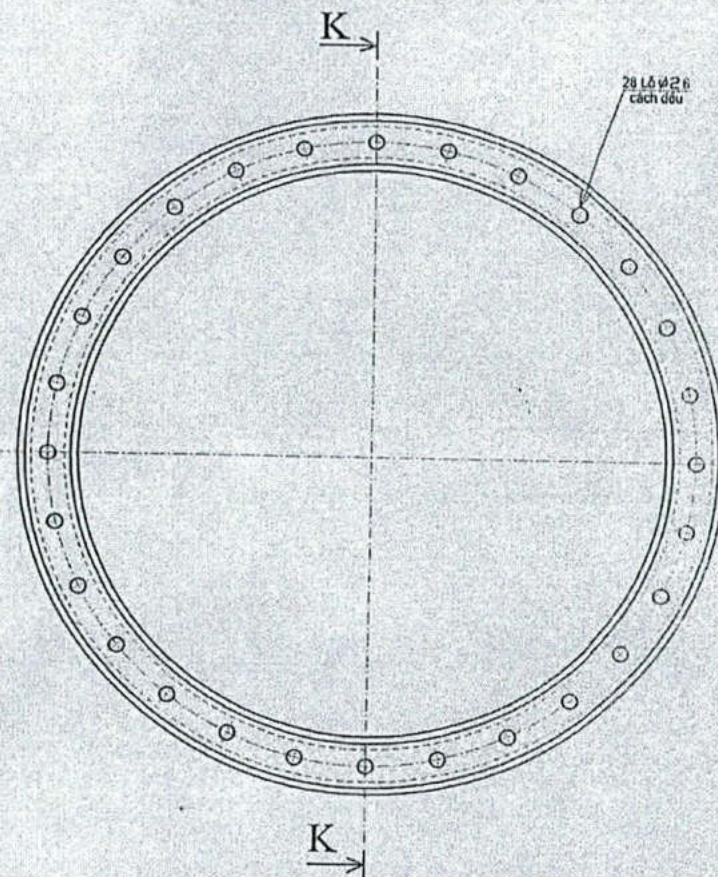
Tên: ...		Chữ ký: ...	Ngày: ...	MÁY NGHIỀN ĐÁ VỚI THỦ CẤP	
Người Duyệt: ...	/ Ngô Tử Thịnh				BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA CR4214504
Người kiểm tra: ...	Phạm Xuân Phong				
Người vẽ: ...	Nguyễn Duy Nhiễm		10.09.07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NÀ DƯƠNG - TKV				Số: ND-C01-PKT-MINTDV-001	Lần gửi: ...
				Ngày: 07/09/2007	Số: 10.14



K - K

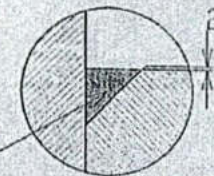
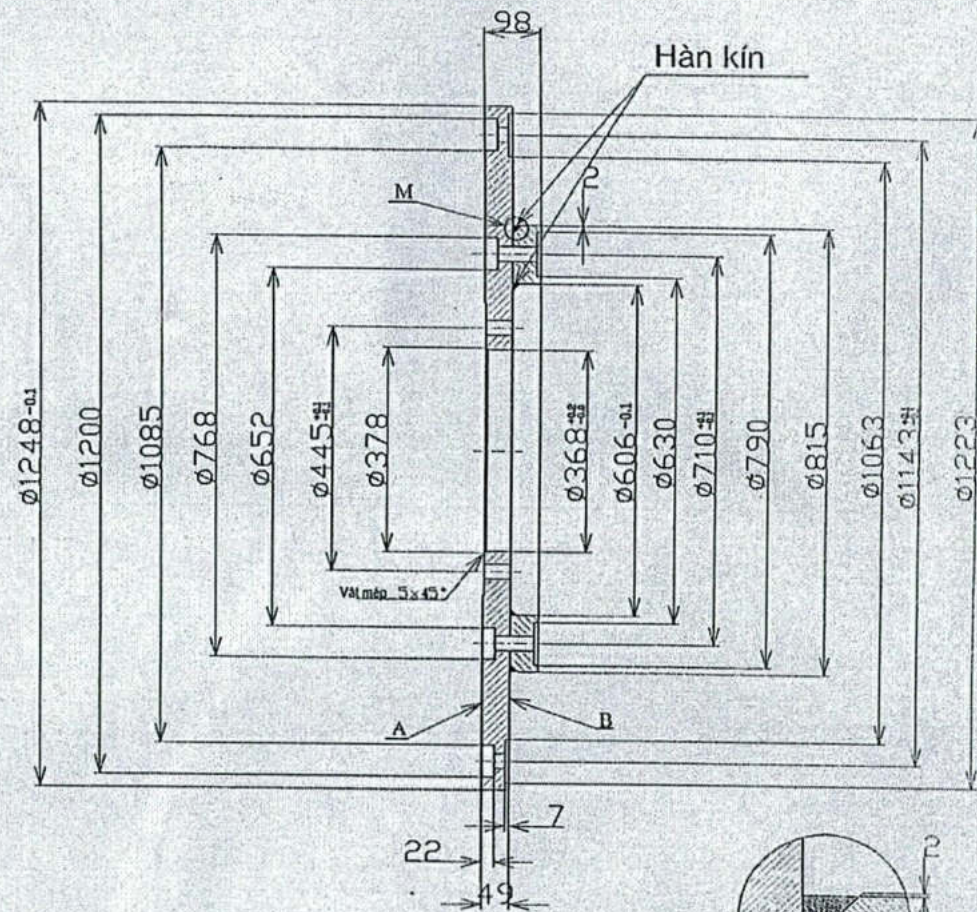
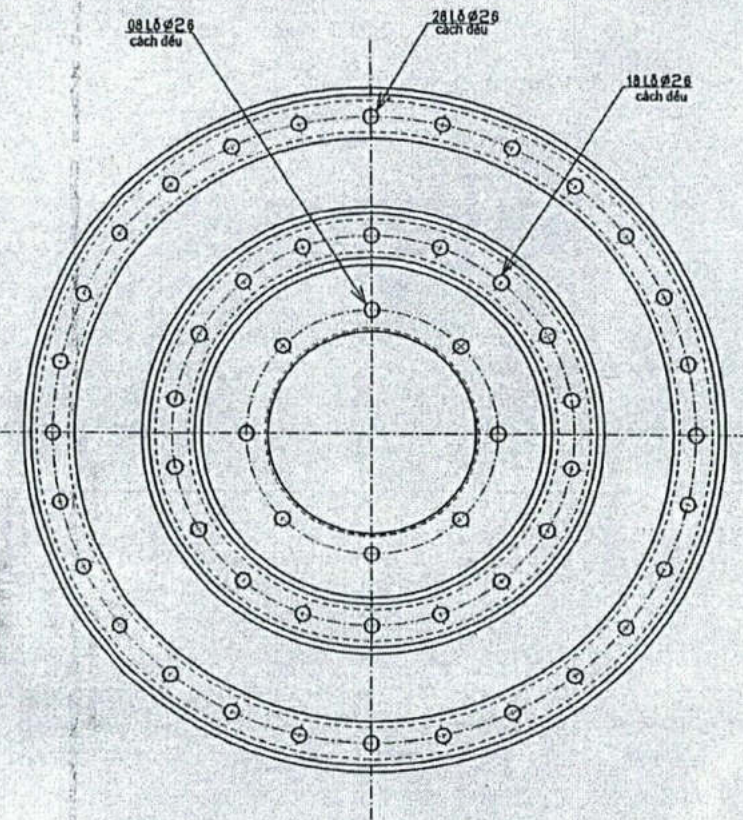
Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø1143, Ø1038, Ø1248 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø1038 với mặt B không lớn hơn 0.02 mm.
- Độ nhẵn bề mặt lắp búa nghiêng Rz=2,5µm



	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIỀN ĐÁ VỚI THỦ CẤP	
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ GIA CÔNG ĐĨA CR4314504	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>			
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>	10.09.07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-PKT-MNĐV-001	Lần sửa đổi:
				Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ: Số: 1/14





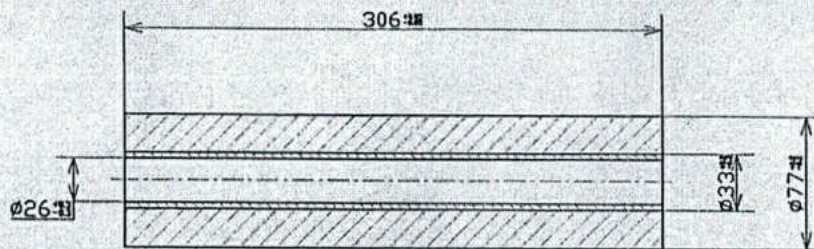
M-M
(Tỷ lệ: 1/10)

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo : theo mẫu
- Độ đồng tâm của các kích thước Ø368, Ø1248, Ø1143, Ø710 không lớn hơn 0.5 mm
- Độ không song song giữa A và B không lớn hơn 0.2mm/ toàn bộ diện tích bề mặt
- Độ không vuông góc giữa đường tâm lỗ Ø368 với mặt B không lớn hơn 0.05 mm.
- Khi khoan các lỗ trên chi tiết, Kẹp các chi tiết số 09 với số 10 và 11,12 khoan cùng một lần gá.

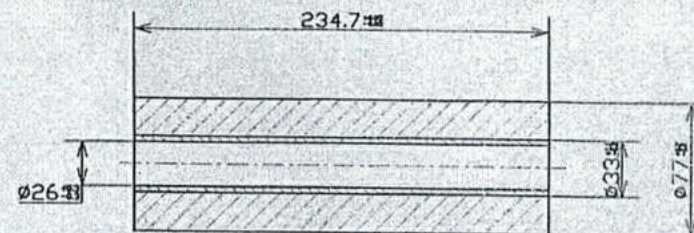
Người Duyệt:	Tên: Ngô Trí Thịnh	Chữ ký:	Ngày:	MÁY NGHIÊN ĐÁ VỚI THỦ CẤP	
Người kiểm tra:	Phạm Xuân Phong	Chữ ký:		BẢN VẼ LẬP	
Người vẽ:	Nông Duy Nhung	Chữ ký:	10.09.07	ĐĨA CR4214504 VỚI ĐĨA CR4114504	
CÔNG TY NHẬT ĐIỆN NA DƯNG - TKV				Số: ND-C01-PKT-MHDV-001	Lần sửa đổi:
				Ngày: 07/09/2007	Tỷ lệ: Số: 12/11





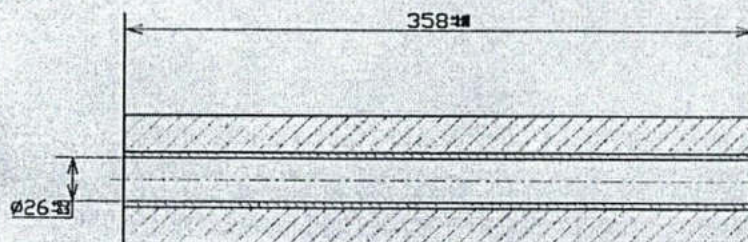
CR - 682 - 4504

Trọng lượng : 9.4 Kg



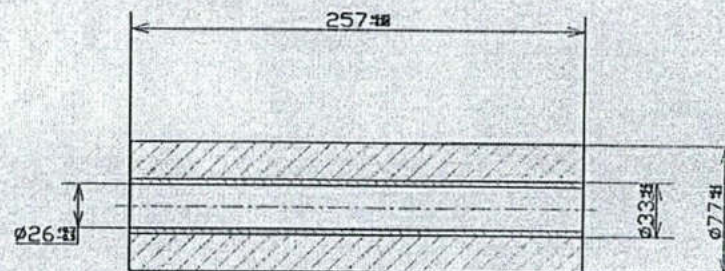
CR - 680 - 4504

Trọng lượng : 7.2 Kg



CR - 683 - 4504

Trọng lượng : 11 Kg



CR - 681 - 4504

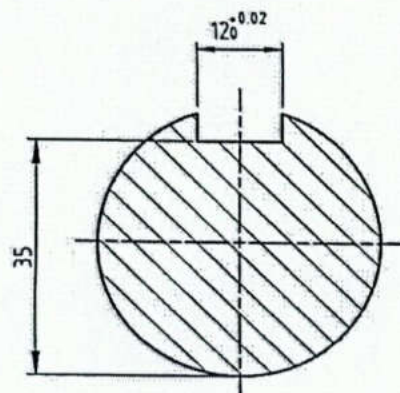
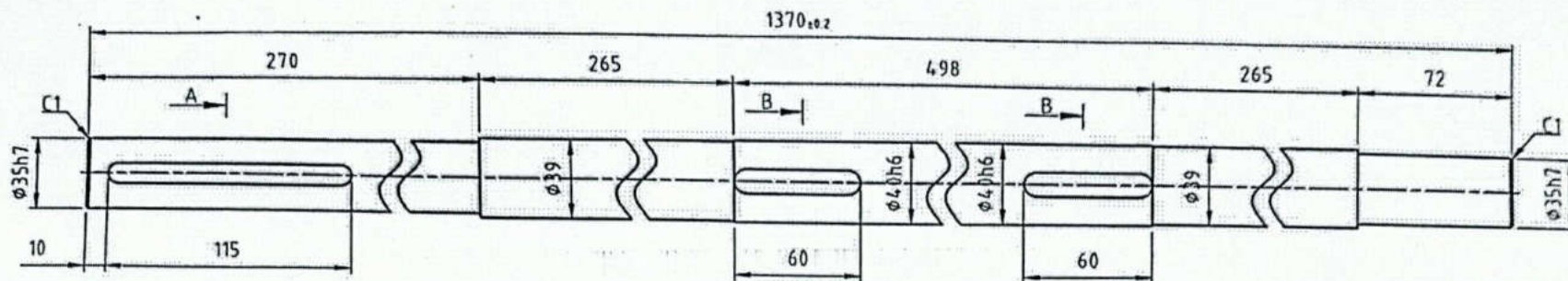
Trọng lượng : 8 Kg

Yêu cầu kỹ thuật:

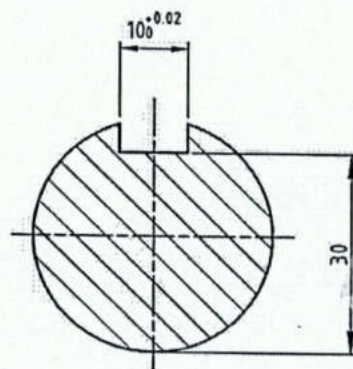
- Vật liệu chế tạo: theo mẫu
- Trọng lượng các búa cùng một loại sai số cho phép <0.1 Kg

	Tên	Chữ ký	Ngày	MÁY NGHIỀN ĐÁ VỚI THU CẬP	
Người Duyệt	Ngô Trí Thịnh	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ GIA CÔNG BÚA LÔNG NGHIỀN	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>			
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>	18.10.07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-PIKT-MNDV-001	Lần sửa đổi:
				Ngày: 07/09/2007	Số: 13/14

TKV
NHIỆT
ĐIỆN
NA
DƯƠNG



B-B SEC
Scale 1:1

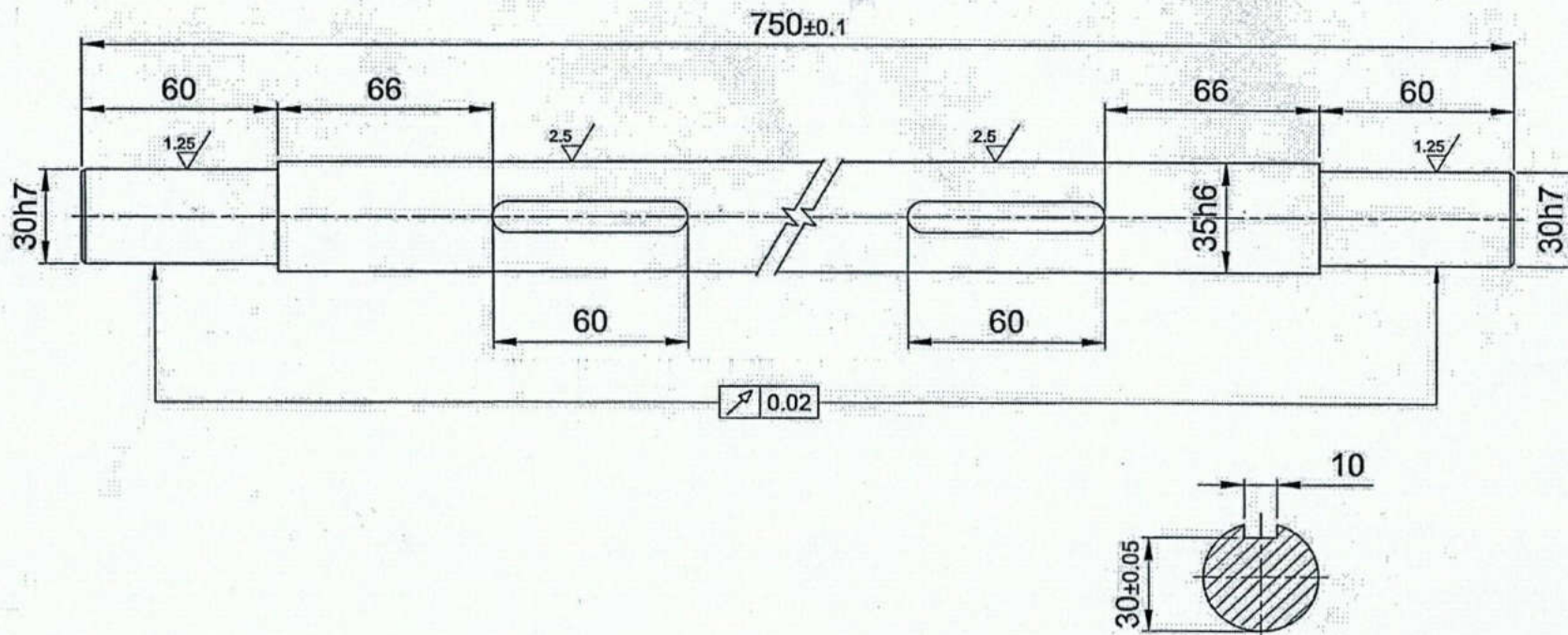


A-A SEC
Scale 1:1

GHI CHÚ

Vật liệu C45 hoặc tương đương

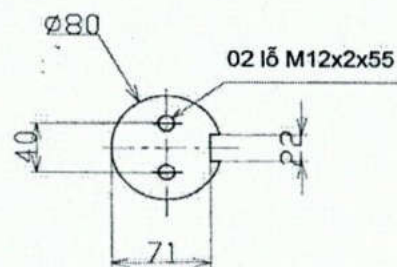
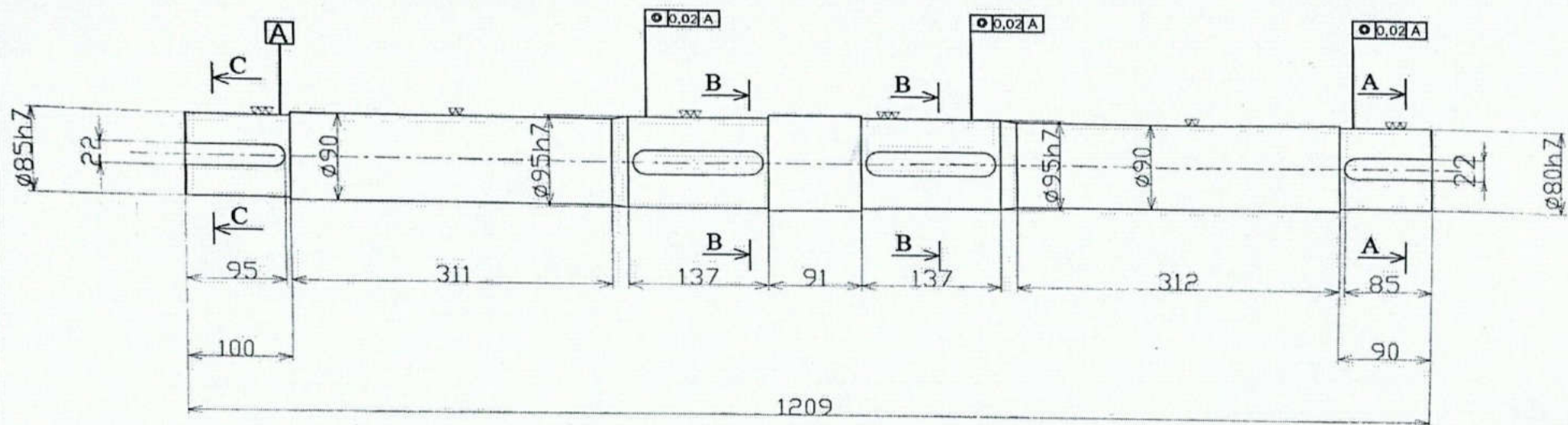
Chức năng	Họ và tên	Ngày	TRỤC CHỦ ĐỘNG XÍCH GẠT CÁN THAN
Người duyệt	Nguyễn Đức Cường		
Người kiểm tra	Dương Thế Nguyên		
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-XGCT/2/ Sửa đổi: Ngày: Tỷ lệ: Số:



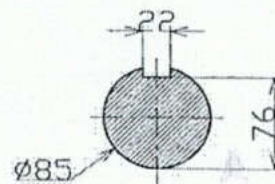
YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Vật liệu chế tạo: S45C hoặc tương đương
- Độ nhẵn các bề mặt không chỉ dẫn đạt cấp 6 (TCVN 2511:1995)
- Sai lệch giới hạn của các kích thước không chỉ dẫn đạt $\pm IT9/2$

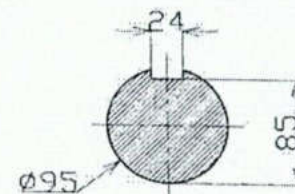
Chức năng	Họ và tên: CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC	Ngày	XÍCH GẠT (TRỤC BỊ ĐỘNG)	
Người duyệt	Nguyễn Đức Dương	24/4/25		
Người kiểm tra	Dương Thế Nghiêm	23/4/25		
Người vẽ	Nguyễn Thanh Hùng	22/4/25		
CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-XGCT 124	Sửa đổi:
			Ngày: 24/4/2025	Tỷ lệ 1:2
			Số:	



A - A



C - C

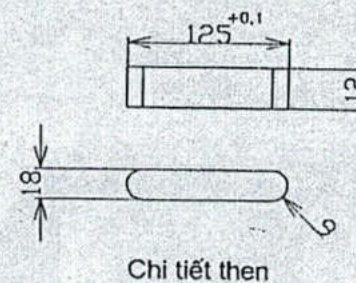
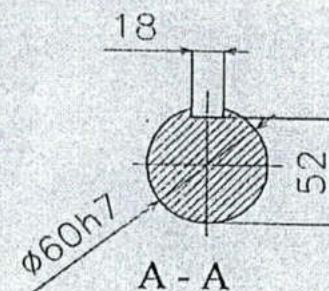
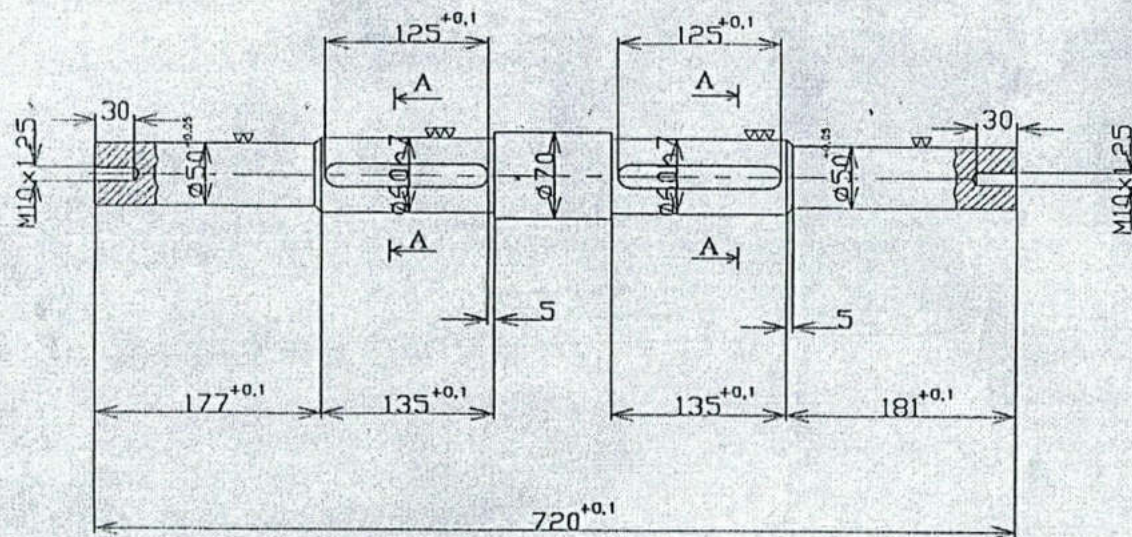


B - B

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- Vật liệu gia công : 45X hoặc tương đương.
- Lỗ bulông ren đúng biên dạng, ren không bị nứt nẻ.
- Số lượng : 02 Cái

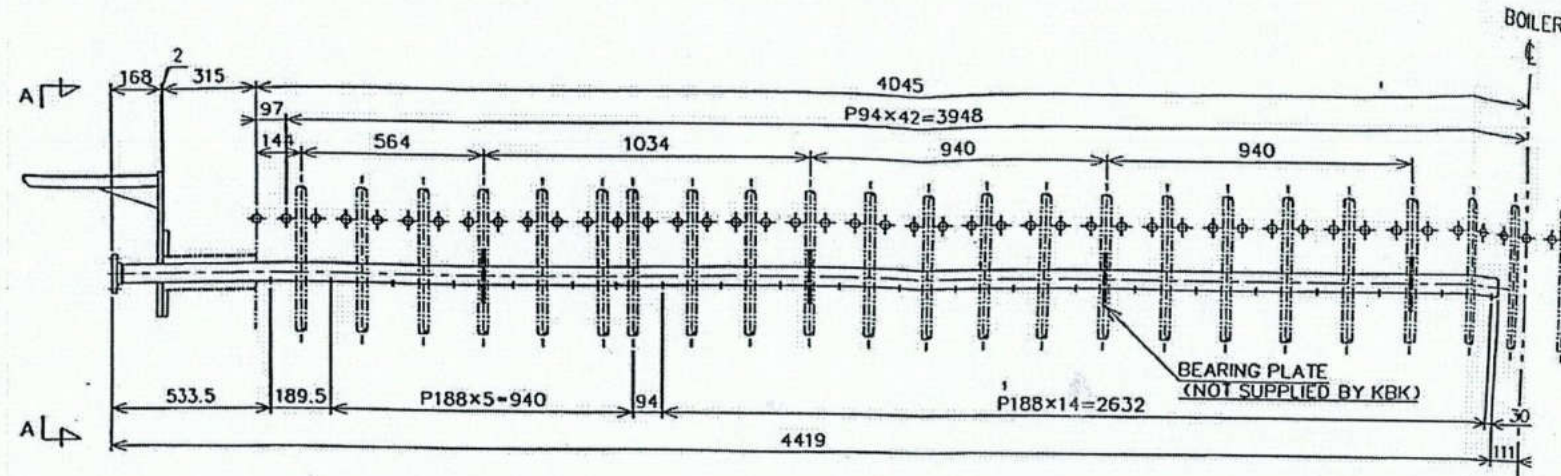
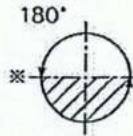
	Tên	Chữ ký	Ngày	TÊN BẢN VẼ
Người Duyệt	Phạm Đức Tuyên			BẢN VẼ GIA CÔNG TRỤC CHỦ ĐỘNG VẬN THĂNG THÁI XÍ TRÖ
Người kiểm tra	Nông Duy Nhưng		30.12.2014	
Người vẽ	Ngô Sỹ Huy		30.12.2014	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG-VINACOMIN				Số: ND-C01-M-PKT-VTTX-00-55
				Ngày: 30/12/2014 Tỷ lệ:



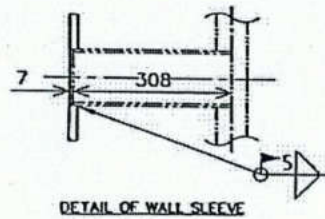
YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- Vật liệu: S45C hoặc tương đương
- Lỗ bulông ren đúng biên dạng, ren không bị nứt nẻ
- Các bề mặt then đạt độ nhám $R_z=2.5 \mu m$
- Số lượng : 01 Cái (bao gồm cả bộ then)

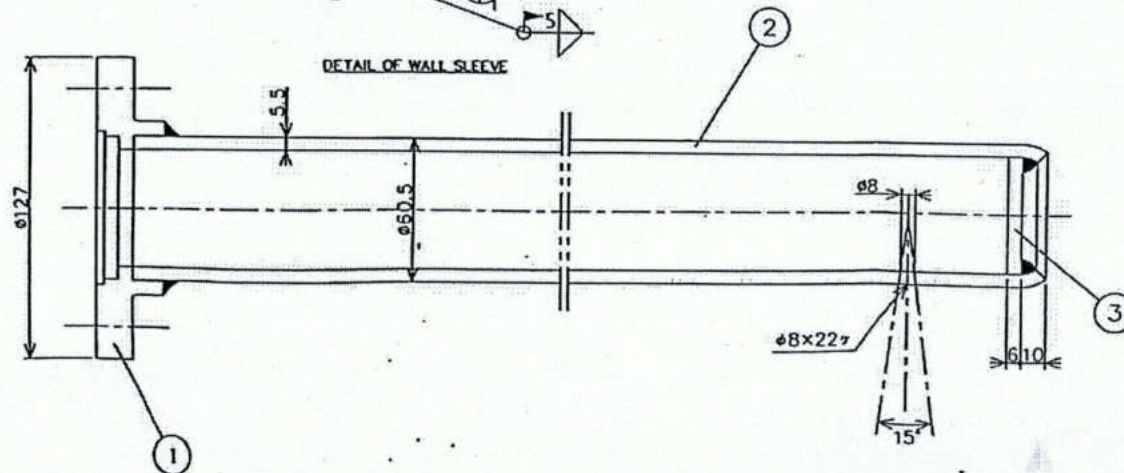
Người Duyệt	Tân Công Ty	Ngày	TÊN BẢN VẼ	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong		BẢN VẼ GIA CÔNG	
Người thiết kế	Thần Thế Đăng, AT		TRỤC BỊ ĐỘNG	
	Nông Duy Nhường	18/02.09	VẬN THANG THẢI XÍ TRỌ ĐẦY	
CÔNG TY TNHH ĐIỆN NƯỚC ĐƯƠNG-TKV			Số: ND - C01- PKT- M - 0009	Lần sửa đổi: 0
			Ngày: 18/02/2009	Số lượng: 2/2

BLOWING ANGLE
噴射角度* NOZZLE POSITION
AT START & STOP
始動・停止ノズル位置

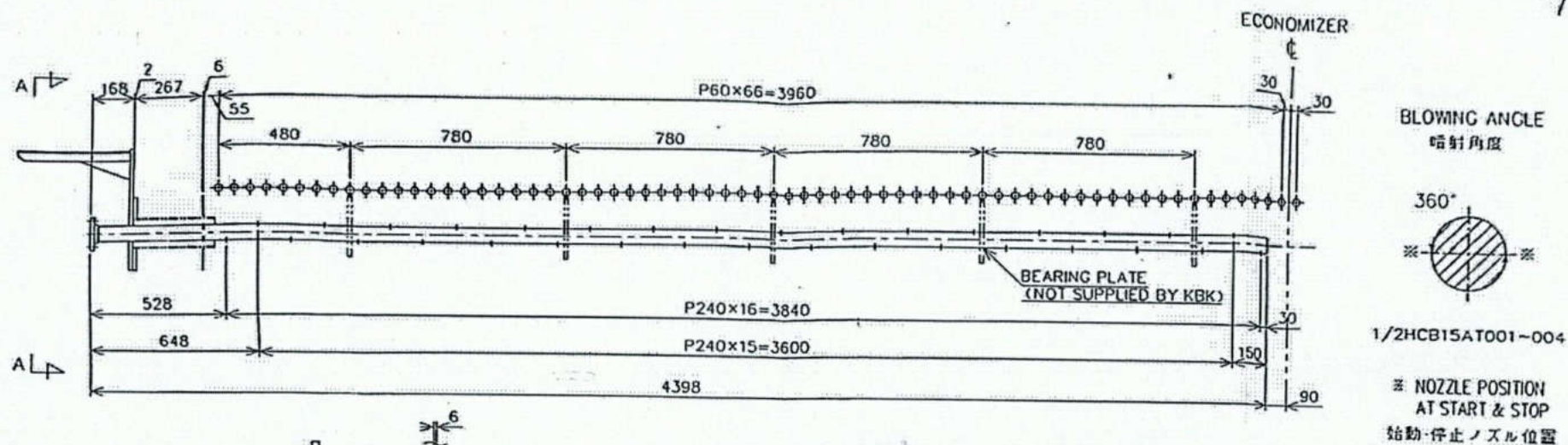
A-A



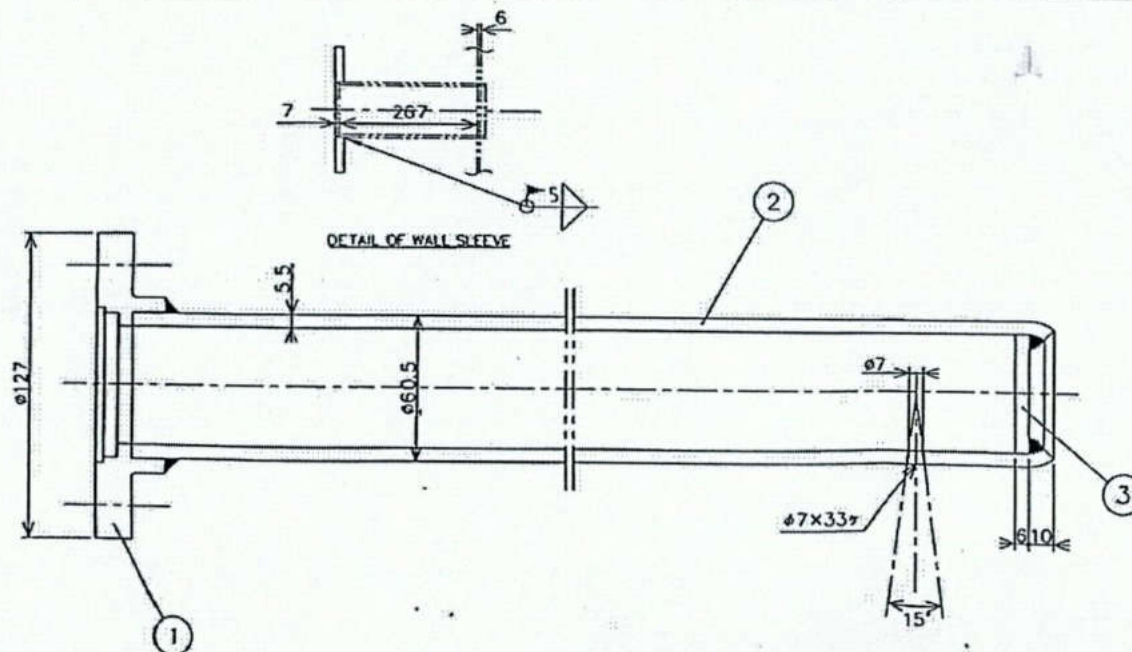
DETAIL OF WALL SLEEVE

KKS NO.1/2HCB13AT001,002 (B-10)
(FOR PRIMARY SUPER HEATER RIGHT SIDE)WORK NO. 工事番号
H14-9262

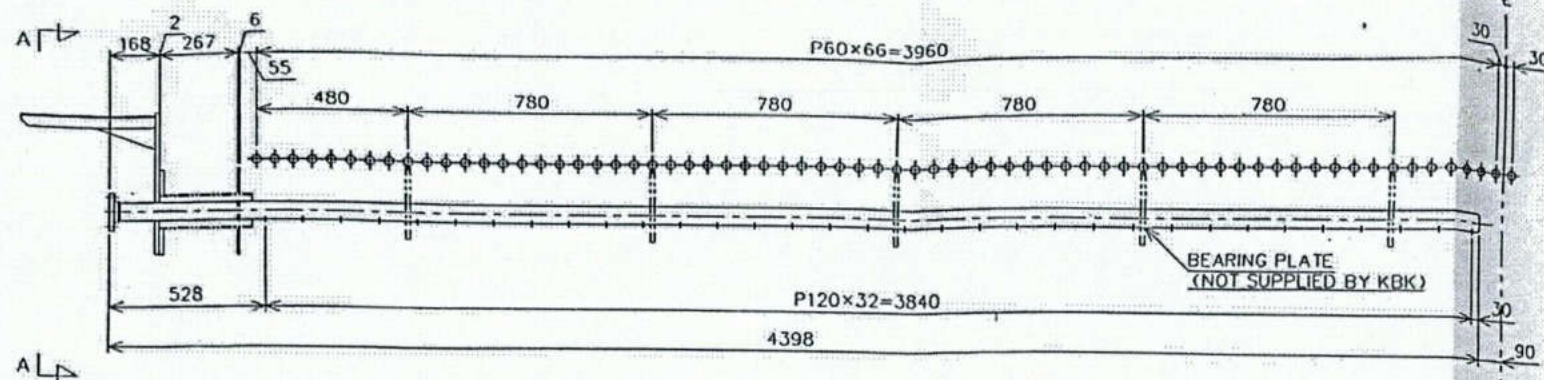
3	キャップ	CAP	SUS310S	1	
2	エレメントパイプ	ELEMENT PIPE	SUS310STP	1	
1	フランジ	FLANGE	SF440A	1	
P/NO. 品番	NAME OF PARTS 品名		MATERIAL 材料	Q'TY 数量	REMARKS 備考
WEIGHT 重量		NO.OF SETS 台数		DATE 日附	
38kg		4SETS/2BOILERS		JAN.20.2003	
エレメント パイプ 詳細図 DETAIL OF ELEMENT PIPE					SCALE 尺度
					~
MANAGER 部長		SUB 係長		CHECKED 担当	
CHIEF 主任		HEAD 主任		DRAWN 製図	
K.TAKENAKA				Y.TSUJI	
汽罐部品製造株式会社 KIKAN BUHIN MFG. CO.,LTD.			DRAWING NO. 図番		
			E-1162		



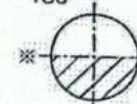
A-A



3	キャップ	CAP	SUS304	1	
2	エレメントパイプ	ELEMENT PIPE	SUS304TP	1	
1	フランジ	FLANGE	SF440A	1	
P/NO. 品番	NAME OF PARTS 品名	MATERIAL 材質	Q'TY 数量	REMARKS 備考	
WEIGHT 重量	NO.OF SETS 台数	DATE 日付			
39kg	8SETS/2BOILERS	JAN.20.2003			
エレメント パイプ 詳細図 DETAIL OF ELEMENT PIPE				SCALE R 尺	~
MANAGER 部長	SUB 部長	CHECKED 図番			
CHIEF 部長	HEAD 主任	DRAWN 製図			
K.TAKENAKA		Y.TSUJI			
KKS NO.1/2HCB15AT001~004 (FOR ECONOMIZER) (19-20)			WORK NO. 工番	DRAWING NO. 図番	
H14-9262			汽罐部品製造株式会社 KIKAN BUHIN MFG. CO.,LTD.	E-1164	

BLOWING ANGLE
噴射角度

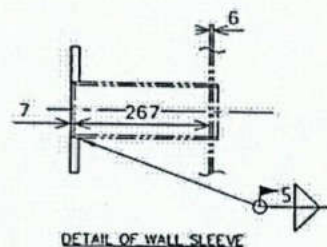
180°



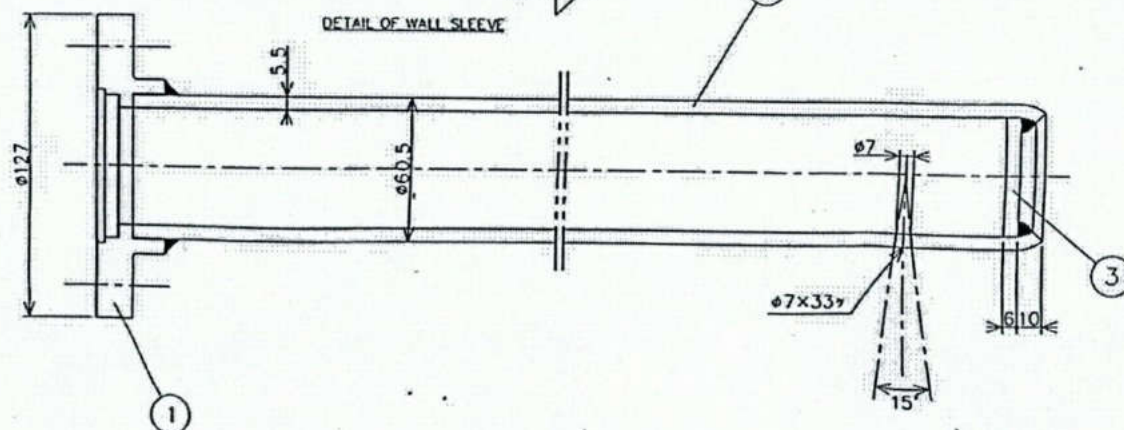
1/2HCB14AT001~004

※ NOZZLE POSITION
AT START & STOP
始動・停止ノズル位置

A-A

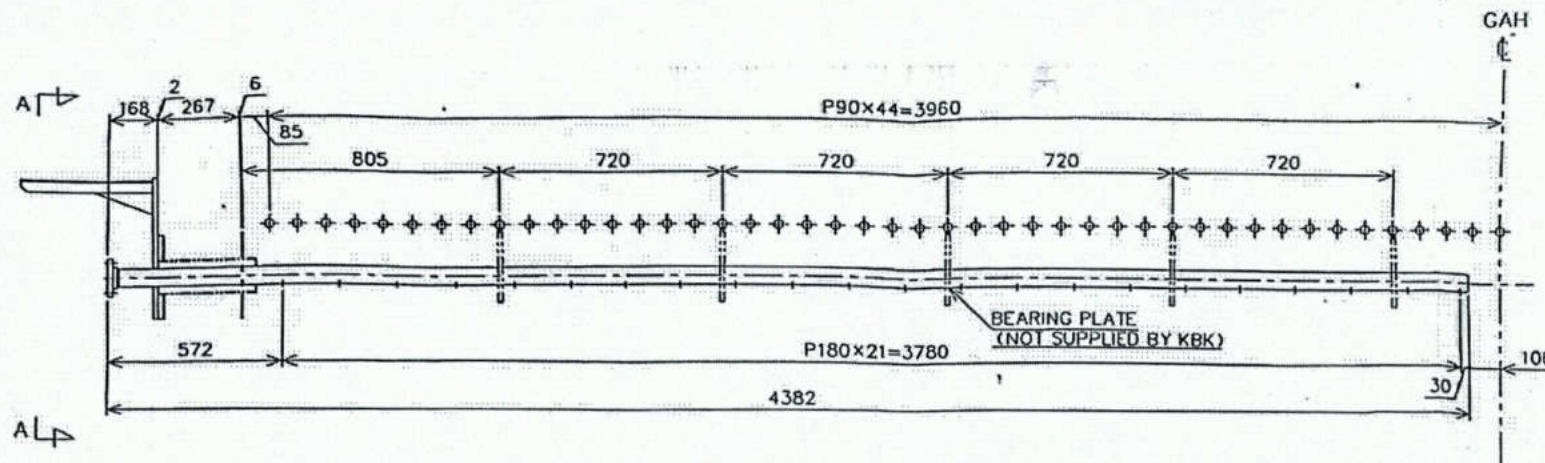
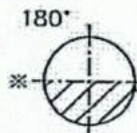


DETAIL OF WALL SLEEVE



3	キャップ	CAP	SUS304	1	
2	エレメントパイプ	ELEMENT PIPE	SUS304TP	1	
1	フランジ	FLANGE	SF440A	1	
P/NO.	品番	NAME OF PARTS	MATERIAL	Q'TY	REMARKS
品番	品名	材料名	材料	数量	備考
WEIGHT	重量	NO.OF SETS	台数	DATE	日附
39kg		8SETS/2BOILERS		JAN.20.2003	
エレメント パイプ 詳細図 DETAIL OF ELEMENT PIPE					SCALE 尺 寸 ~
MANAGER	部長	SUB	係長	CHECKED	担当
CHIEF	課長	HEAD	主任	DRAWN	製図
K.TAKENAKA				Y.TSUJI	
KIKAN BUHIN MFG. CO.,LTD.				DRAWING NO.	図番
				E-1164	A

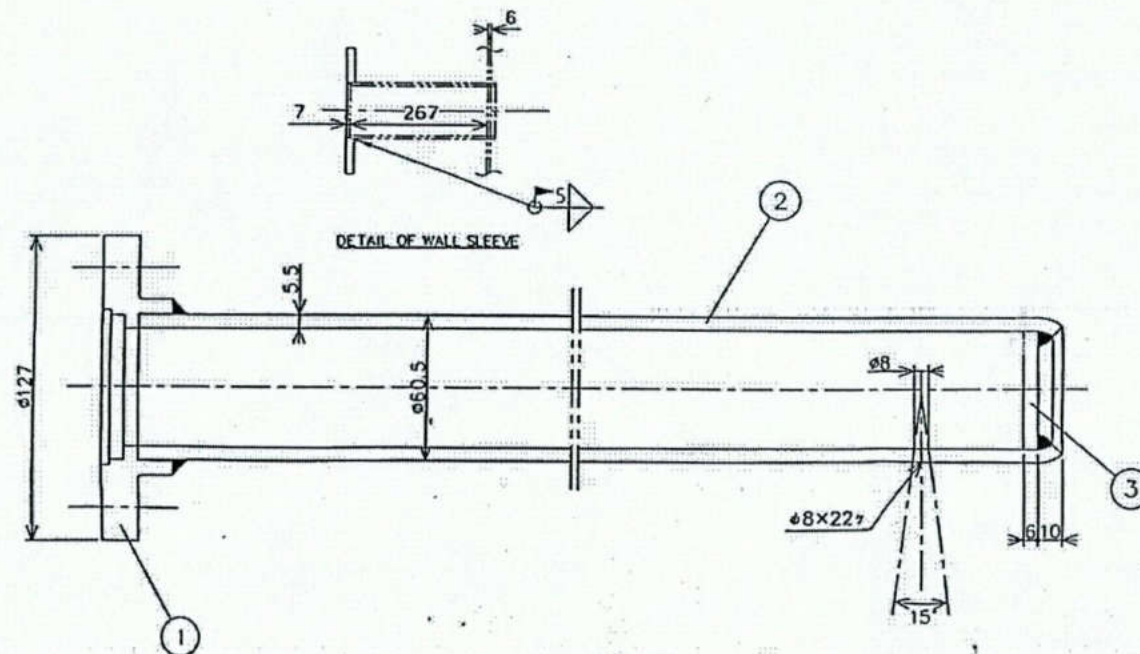
KKS NO.1/2HCB14AT001~004 (13-16)
(FOR ECONOMIZER)WORK NO. 工番
H14-9262

BLOWING ANGLE
噴射角度

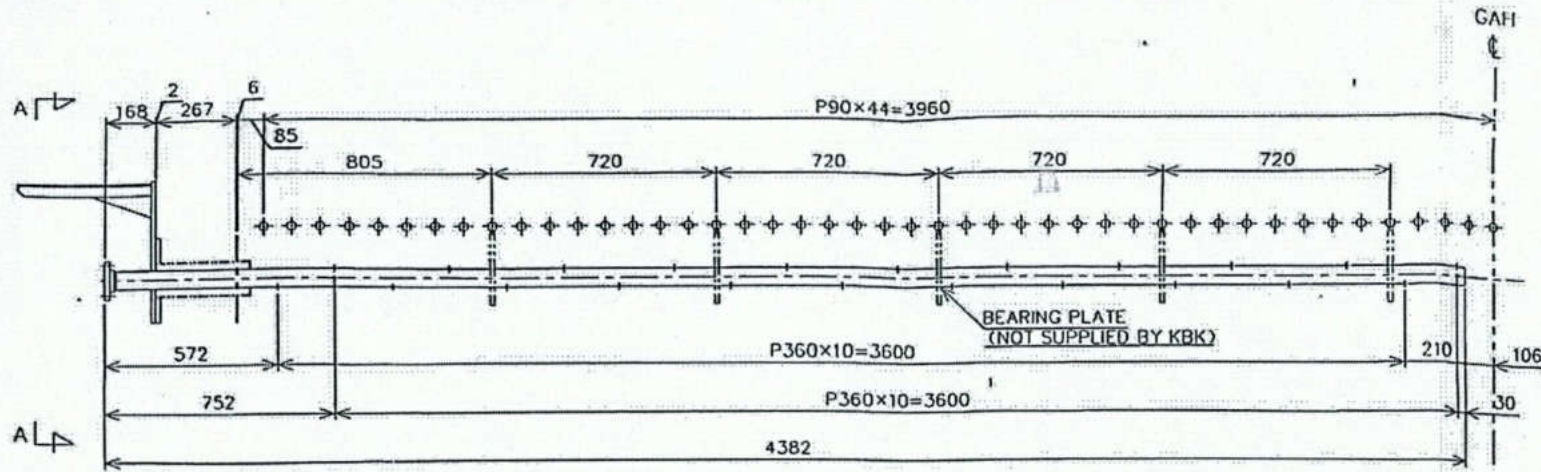
1/2HCB16AT001~004

※ NOZZLE POSITION
AT START & STOP
始動・停止ノズル位置

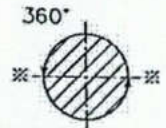
A-A



3	キャップ	CAP	SS400	1	
2	エレメントパイプ	ELEMENT PIPE	STPT370	1	
1	フランジ	FLANGE	SF440A	1	
P/NO. 品番	NAME OF PARTS 品名		MATERIAL 材質	Q'TY 数量	REMARKS 備考
WEIGHT 重量		NO.OF SETS 台数		DATE 日附	
38kg		8SETS/2BOILERS		JAN.20.2003	
エレメント パイプ 詳細図 DETAIL OF ELEMENT PIPE					SCALE 尺度
					~
MANAGER 部長		SUB 係長		CHECKED 担当	
CHIEF 課長		HEAD 主任		DRAWN 製図	
K.TAKENAKA				Y.TSUJI	
汽罐部品製造株式会社 KIKAN BUHIN MFG. CO.,LTD.			DRAWING NO.		図番
			E-1165		A



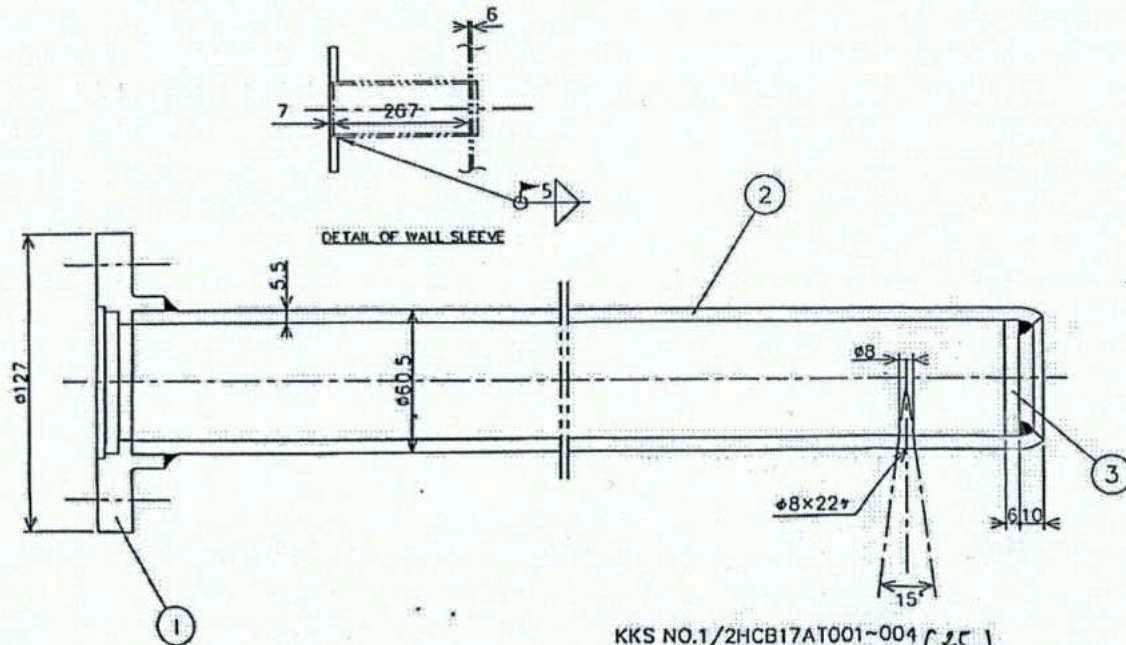
BLOWING ANGLE
噴射角度



1/2HCB17~20AT001~004

※ NOZZLE POSITION
AT START & STOP
始動・停止ノズル位置

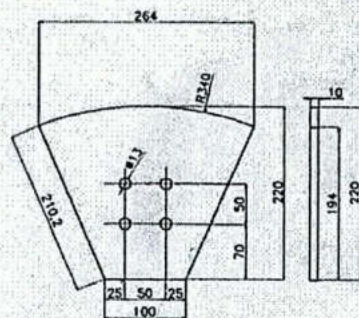
A-A



KKS NO.1/2HCB17AT001~004
KKS NO.1/2HCB18AT001~004
KKS NO.1/2HCB19AT001~004
KKS NO.1/2HCB20AT001~004
(FOR GAS AIR HEATER)

25
↓
40

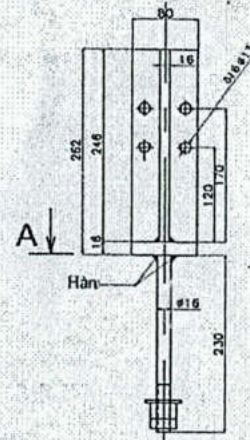
3	キャップ	CAP	SS400	1	
2	エレメントパイプ	ELEMENT PIPE	STPT370	1	
1	フランジ	FLANGE	SF440A	1	
P/NO. 品番	NAME OF PARTS 品名		MATERIAL 材料	Q'TY 数量	REMARKS 備考
WEIGHT 重量		NO.OF SETS 台数	DATE 日附		
38kg		32SETS/2BOILERS	JAN.20.2003		
エレメント パイプ 詳細図 DETAIL OF ELEMENT PIPE				SCALE 尺貫	
				～	
MANAGER 課長		SUB 係長	CHECKED 担当		
CHIEF 主任		HEAD 主任	DRAWN 製図		
K.TAKENAKA			Y.TSUJI		
汽罐部品製造株式会社 KIKAN BUHIN MFG. CO.,LTD.			DRAWING NO.		図番
			E-1165		B



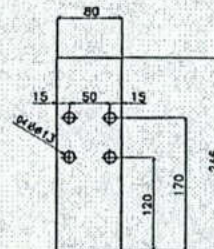
Chi tiết 1



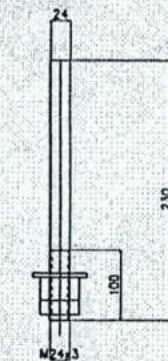
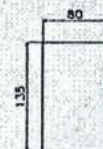
Chi tiết 3



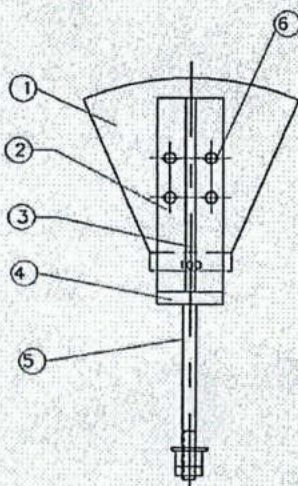
Chi tiết 2



Chi tiết 4



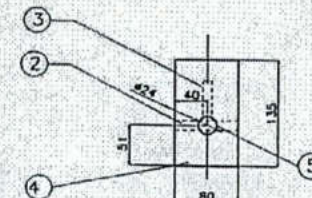
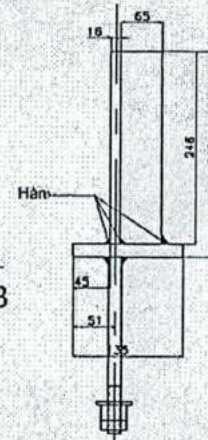
Chi tiết 5



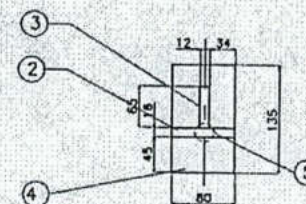
SƠ ĐỒ TỔNG THỂ

YÊU CẦU KỸ THUẬT :

- Vật liệu gia công thép CT3 và 65G.
- Liên kết dùng que hàn 142 hoặc loại có cường độ tương đương.
Hh>=8mm hàn hết chiều dài liên kết, đường hàn đều liên tục, không rỗ.
- Làm cùn các cạnh.



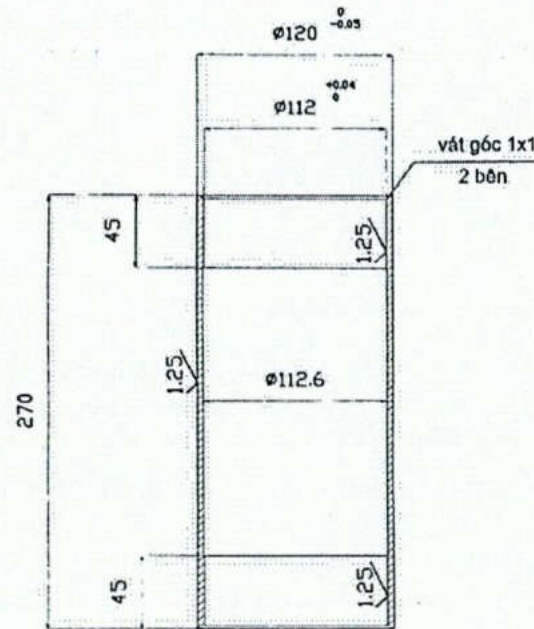
B-B



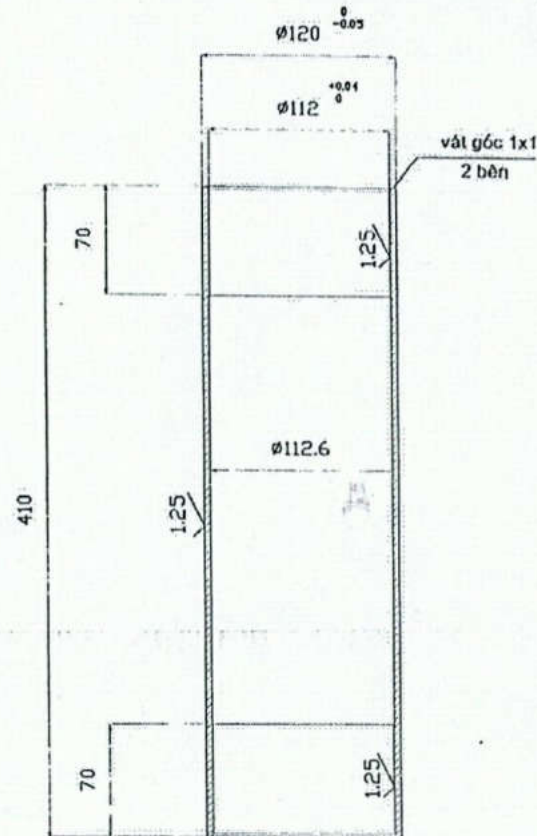
A-A

STT	Tên vật tư hàng hoá	Vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Chi tiết 1	65G	PL10 x 220 x 264	Tấm	01	
2	Chi tiết 2	CT3	PL16 x 246 x 80	Tấm	01	
3	Chi tiết 3	CT3	PL16 x 246 x 65	Tấm	01	
4	Chi tiết 4	CT3	PL16 x 135 x 80	Tấm	01	
5	Chi tiết 5	C45	M24x3x230	Bộ	01	
6	Chi tiết 6		M12x45	Bộ	04	

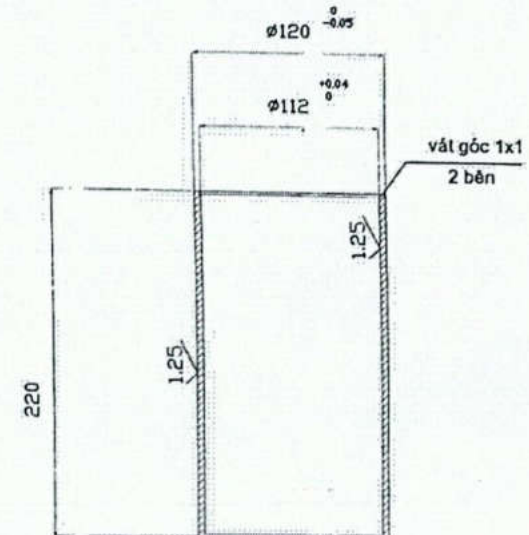
Tên	Chức vụ	Ngày	BẢN VẼ GIA CÔNG		
Người Duyệt	Phạm Xuân Phong		BỘ CÁNH VÍT CHO VÍT TRỘN ẤM SILO 1500M3		
Người kiểm tra	Thần Thế Đăng				
Người vẽ	Hồng Duy Nhung				
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NÀ ĐƯƠNG			Số: ND - C01 - M - PKT - 0002	Lần sửa đổi: 0	
			Ngày: 05/12/2009	Tỷ lệ:	Số lượng: 1/1



Bạc lót số 01



Bạc lót số 02

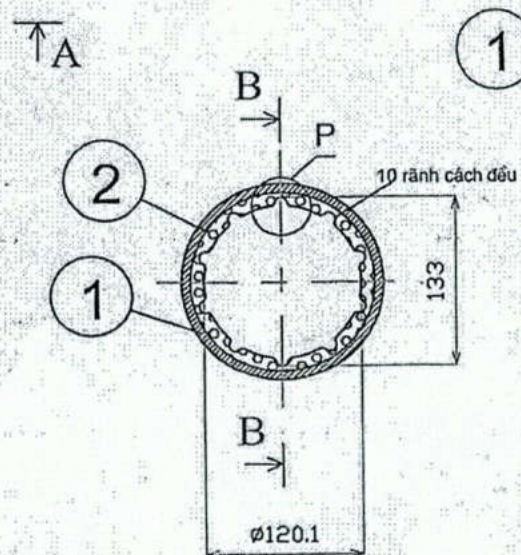
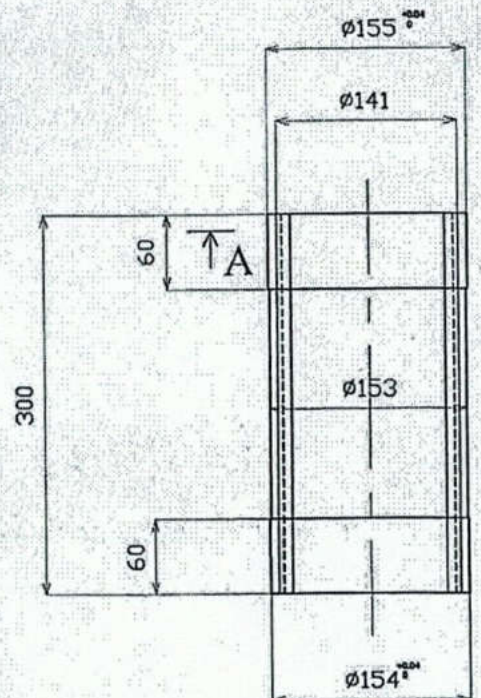


Bạc lót số 03

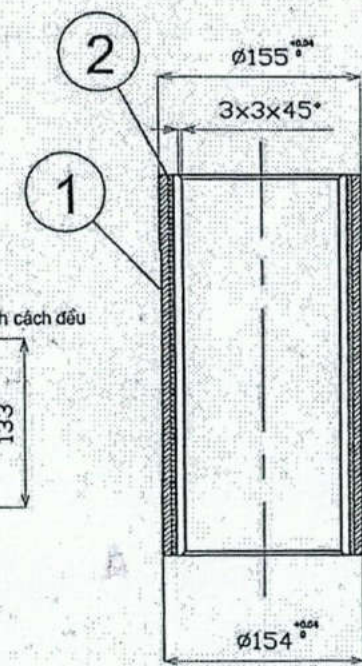
Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo : thép SUS 304
- Đảm bảo các thông số kỹ thuật yêu cầu

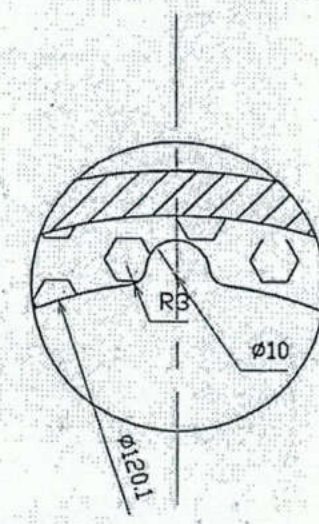
Tên		TÊN BẢN VẼ
Người Duyệt	Phạm Đức Tuyên	BẢN VẼ ĐẶT HÀNG
Người kiểm tra	Nguyễn Văn Dũng	BẠC LÓT TRỤC BƠM TUẦN HOÀN
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NÀ DUONG TANG SON		Số: ND-C04-M-PKT-BTH-00.9
		Ngày: 13/11/2019
		Tỷ lệ:
		Số lượng: 1/



A-A
(Tỷ lệ: 1/1)



B-B
(Tỷ lệ: 1/1)



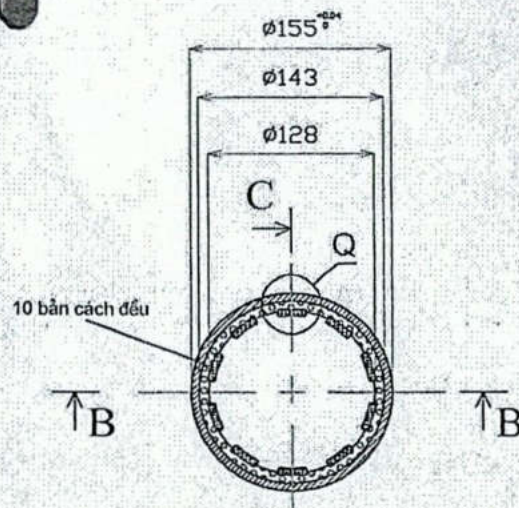
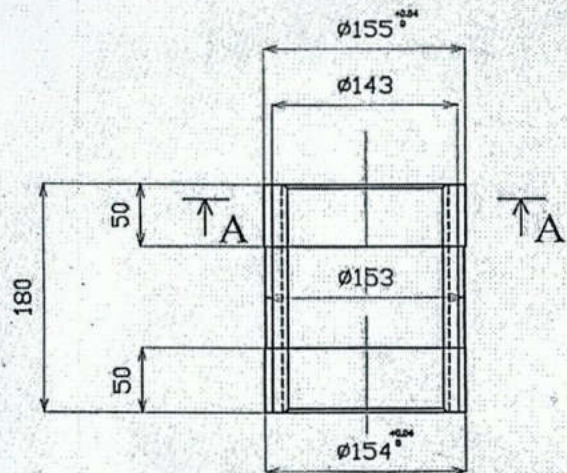
P-P
(Tỷ lệ: 5/1)

Yêu cầu kỹ thuật:

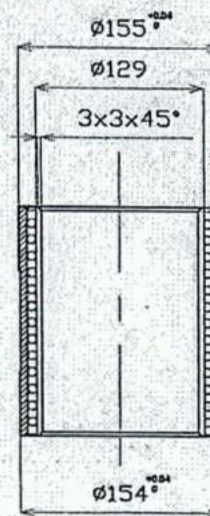
- Đảm bảo độ liên kết giữa lớp cao su và lớp bạc đồng bao ngoài.
- Các bề mặt chi tiết đảm bảo độ nhẵn, không bị nứt nẻ.
- Số lượng: 01 cái

2	Lớp cao su bao trong		Cao su chịu lực	Cái	01	
1	Vỏ đồng bao ngoài		Đồng thau	Cái	01	
STT	Tên chi tiết	Quy cách	Vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
TÊN BẢN VẼ						
Người Duyệt	Phạm Đình Tuyên	Ngày	4.11.15	BẢN VẼ ĐẶT HÀNG BẠC LỐT DƯỠI TRỤC BƠM TUẦN HOÀN		
Người kiểm tra	Trần Nhật Cường	Ngày	3.11.2015			
Người vẽ	Nguyễn Hữu Tiến	Ngày	3.11.2015			
CÔNG TY NHỊT ĐIỆN NA ĐƯƠNG-VINACOMIN				Số: ND-C19-M-PKT-MCK-0065	Lần sửa đổi: 0	
				Ngày: 03/11/2015	Tỷ lệ: 1/1	Số lượng: 1/1

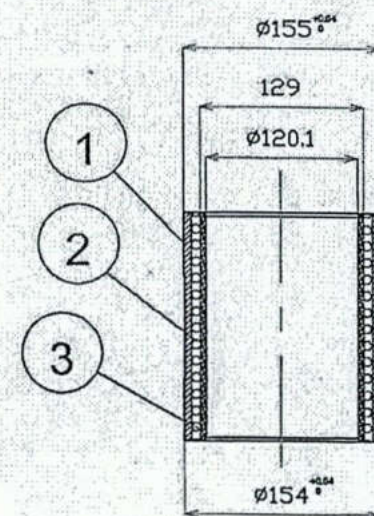




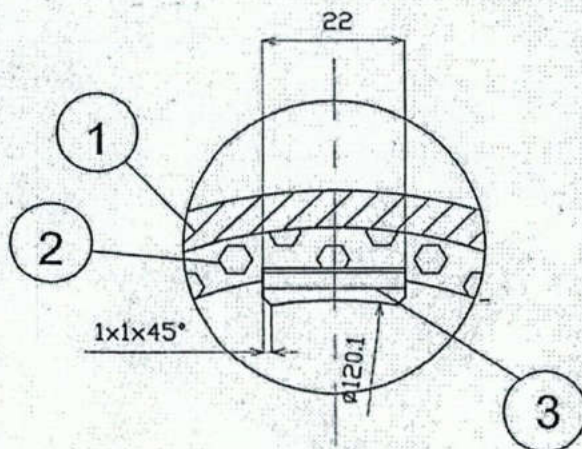
A-A
(Tỷ lệ: 1/1)



B-B
(Tỷ lệ: 1/1)



C-C
(Tỷ lệ: 1/1)

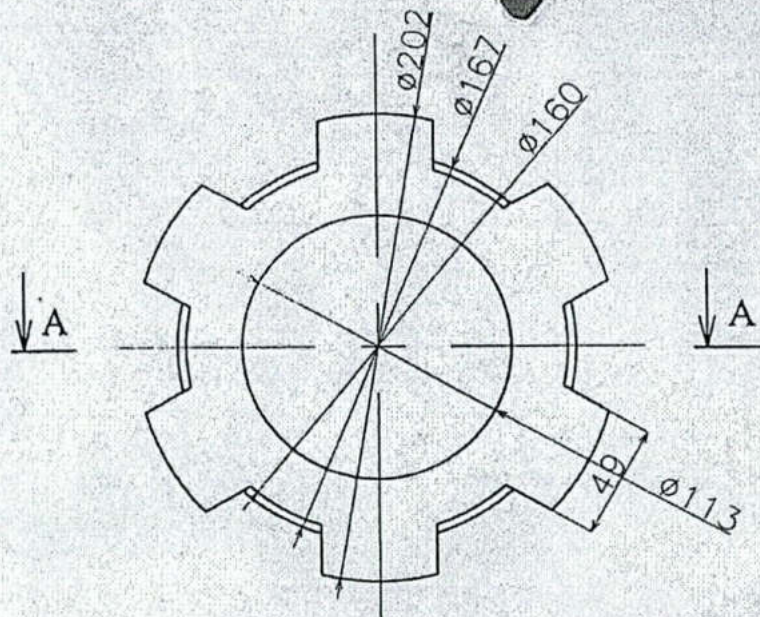


Q-Q
(Tỷ lệ: 5/1)

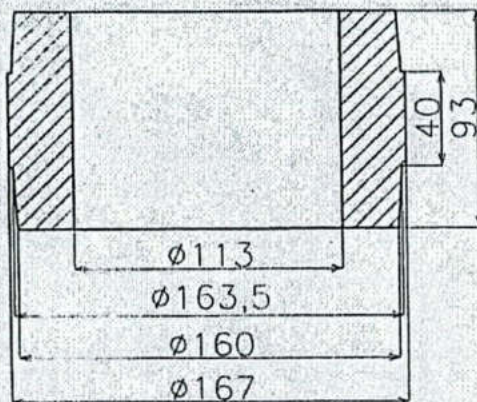
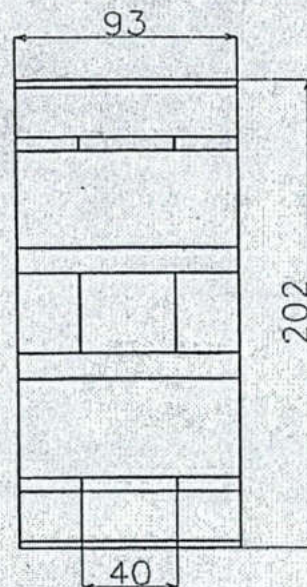
Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo độ liên kết giữa lớp cao su và lớp bạc đồng bao ngoài, độ liên kết giữa lớp cao su và lớp vật liệu PTFE.
- Các bề mặt chi tiết đảm bảo độ nhẵn, không bị nứt nẻ.
- Số lượng: 01 cái

3	Lớp phíp cách điện		PTFE	Cái	01	
2	Lớp cao su bao trong		Cao su chịu lực	Cái	01	
1	Vỏ đồng bao ngoài		Đồng thau	Cái	01	
STT	Tên chi tiết	Quy cách	Vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Tên	Ngày	TÊN BẢN VẼ			
Người Duyệt	Phạm Đức	Ngày	BẢN VẼ ĐẠT HÀNG			
Người kiểm tra	Trịnh Nhật	Ngày	BẠC LÓT PHÍA TRÊN TRỤC BOM TUẦN HOÀN			
Người vẽ	Ngô Sỹ Huy	Ngày				
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VÀ ĐƯỜNG VINACOMIN			Số: ND-C01-M-PKT-BBTH-00.66	Lần sửa đổi: 0		
			Ngày: 03/11/2015	Tỷ lệ:	Số lượng: 1/1	



BỮA MÁY NGHIỀN THAN



MẶT CẮT A-A

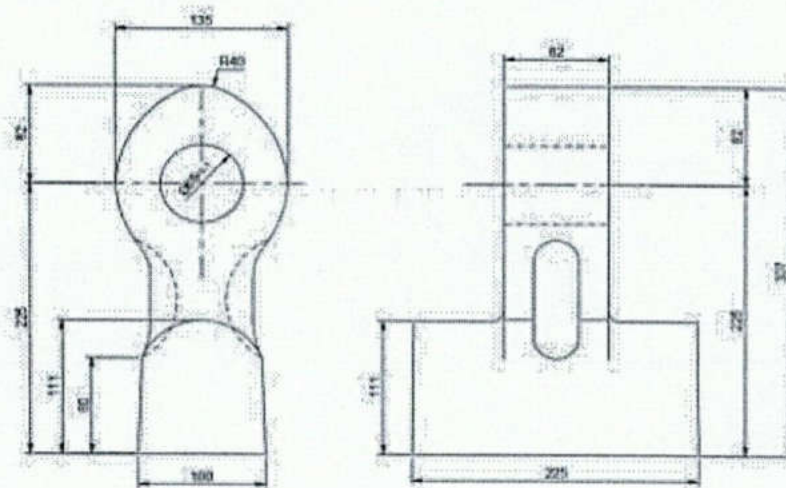
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

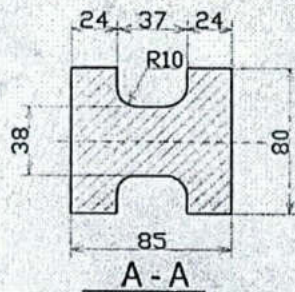
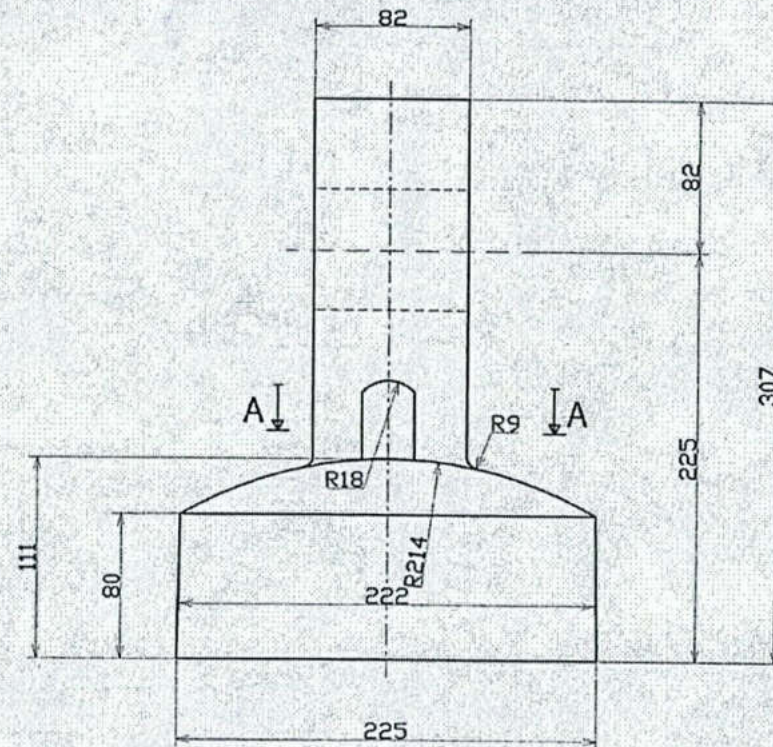
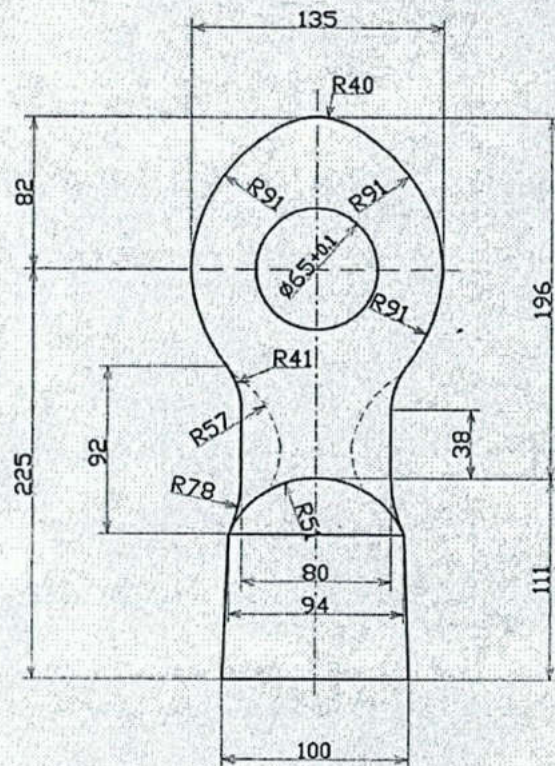
- VẬT LIỆU:
- ĐỘ CỨNG BỀ MẶT: 45HRC

	Tên	Chữ ký	Ngày	Tân bản vẽ
Người thiết kế	Ngô Đăng Hoàn / N			
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong			
Người Duyệt	Nguyễn Đức Phi / A			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN HÀ DƯƠNG- TKV				
				Số: HD-C01-PKT-M BHT-001
				Ngày: 5/6/2007
				Tỷ lệ:
				Số lượng: 1/1

BẢN VẼ DẶT HÀNG
BỮA MÁY NGHIỀN THAN

- Bản vẽ giống nhau, chỉ khác tên ký hiệu bản vẽ
- Vật liệu: chống mài mòn
- Khối lượng 28 Kg
- TEP vẽ lại bản vẽ theo mẫu thực tế đã chụp ảnh tại NM của CDT.





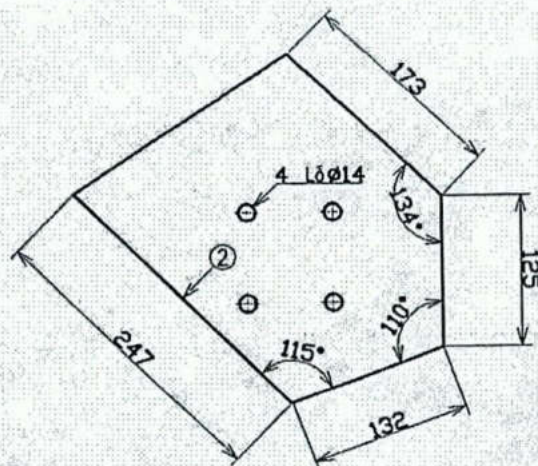
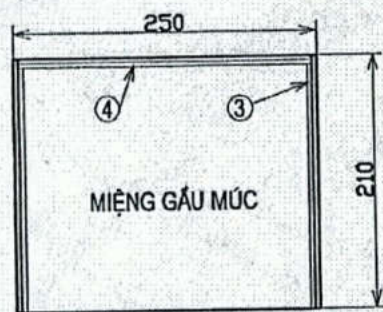
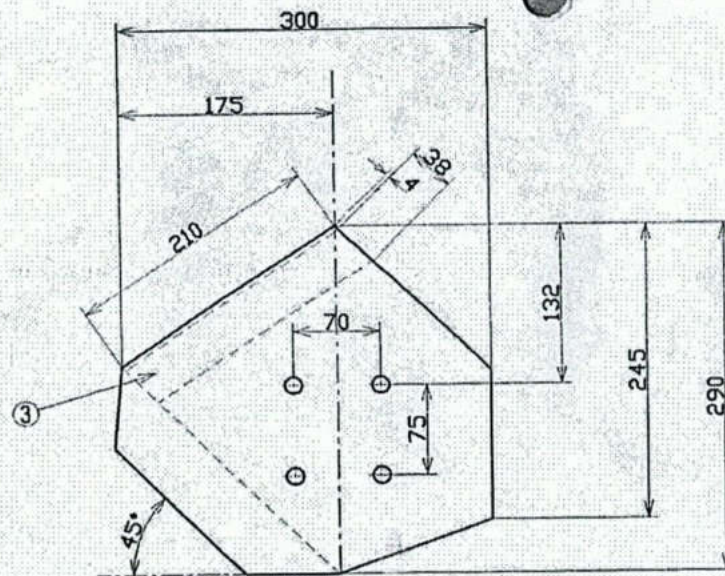
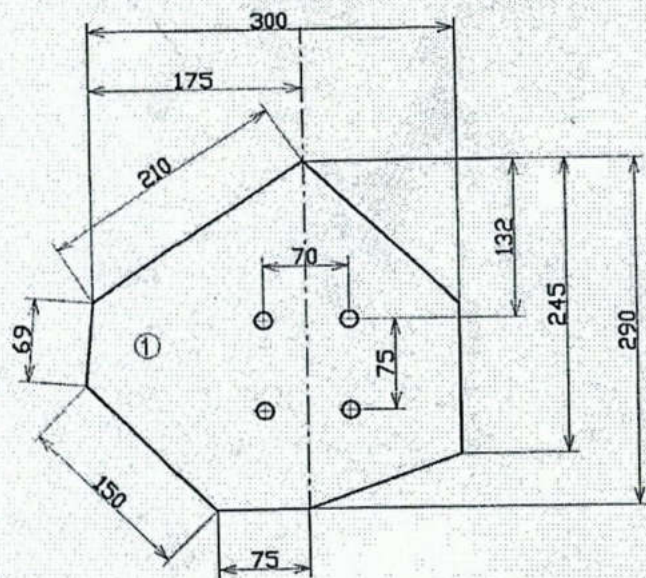
YÊU CẦU KỸ THUẬT

Vật liệu chế tạo: 13Mn

~~Trọng lượng 7.2 Kg~~

Trọng lượng các búa sai số cho phép là 0.1 (Kg)

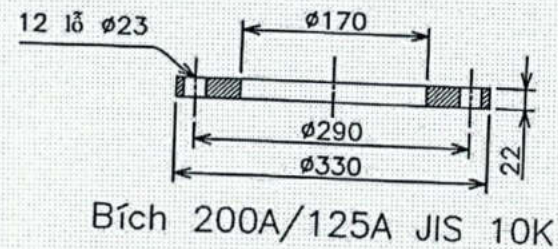
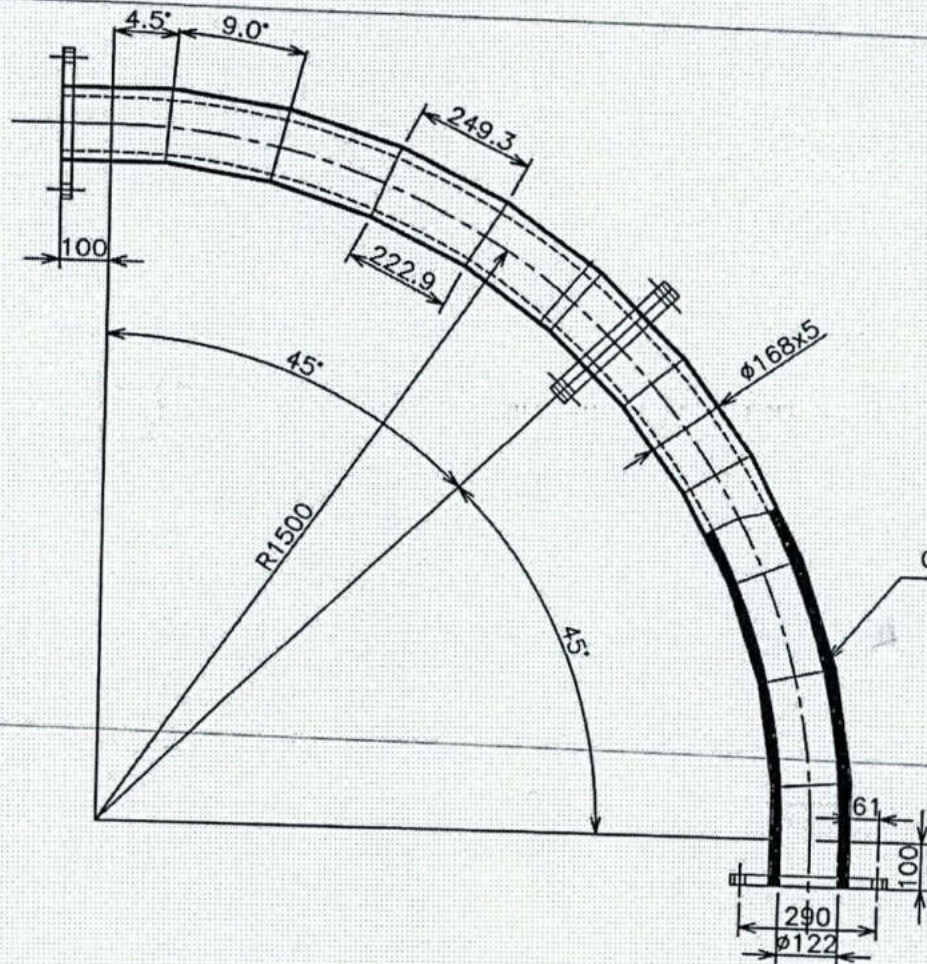
	Tên	Chữ ký	Ngày	HỆ THỐNG XỬ LÝ ĐÁ VÔI	
Người Duyệt	Nguyễn Đức Pha	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ GIA CÔNG BÚA MÁY NGHIỀN ĐÁ VÔI SƠ CẤP	
Người kiểm tra	Phạm Xuân Phong	<i>[Signature]</i>			
Người vẽ	Nông Duy Nhung	<i>[Signature]</i>	18.09.07		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số: ND-C01-PKT-M-HTEV-001	Lần sửa đổi:
				Ngày: 18/09/2007	Tỷ lệ: Số lượng:



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Gấu mức tro xỉ đáy lò vật liệu 65G, dày 4mm
- Hàn kín các cạnh chiều cao mỗi hàn 4mm
- Vệ sinh sạch sơn chống gỉ 1 lớp, sơn màu nhũ bạc 2 lớp

STT	Quy cách	Vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tôn FL4x300x290	65G	M2	0,15	
2	Tôn FL4x677x242	65G	M2	0,16	
3	Tôn FL4x200x38	65G	M2	0,015	
4	Tôn FL4x242x38	65G	M2	0,01	
5	Bulong mạ kẽm	M12x30	Bộ	4	
Tổng:				10,5(Kg)	
Họ và tên		Chức vụ	Ngày	TÊN BẢN VẼ	
Người thiết kế		Nông Duy Nhung		GẤU MỨC THÂN XỈ ĐÁY LÒ	
Người kiểm tra		Ngo Trí Thìn			
Người duyệt		Nguyễn Đức Hòa			
CÔNG TY TNHH ĐIỆN NÁ DƯƠNG				Số: NDKT-HITX-001	Lần sửa đổi:
				Ngày: 01/12/2006	Tỷ lệ: Số lượng:



Gồm bê tông Densit dày 18,5 mm

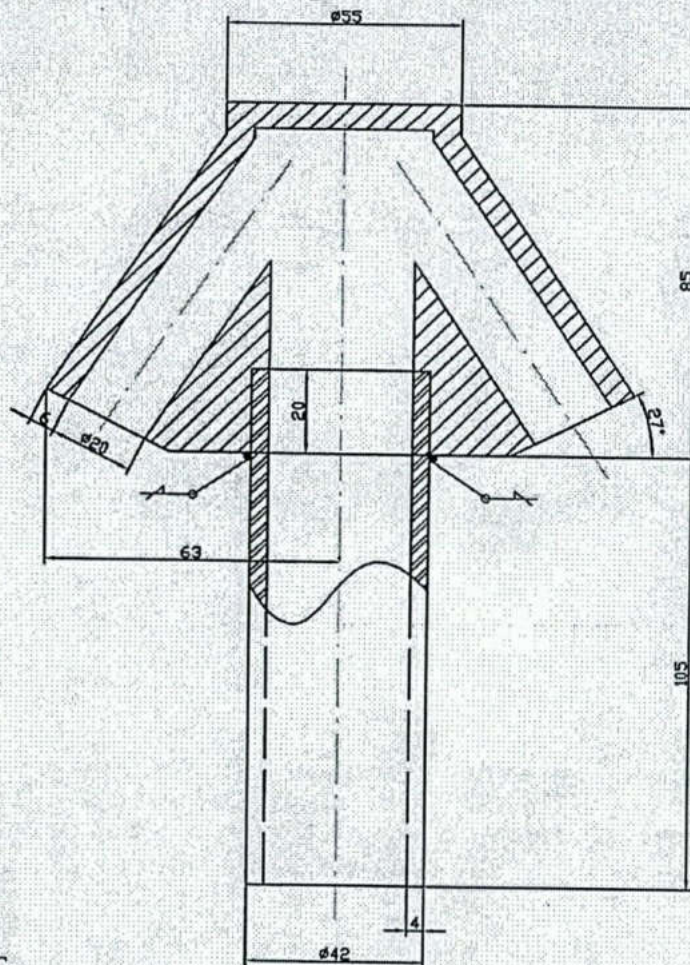
YÊU CẦU KỸ THUẬT

Vật liệu: SS400 hoặc tương đương (vỏ & bích)

Vật liệu chịu mòn: Gốm bê tông Densit dày 18,5 mm

Tên: CÔNG TY NHẬT ĐIỆN		Ngày: 11.11.18		TÊN BẢN VẼ	
Người Duyệt: Trịnh Nhật Cường				BẢN VẼ GIA CÔNG CÚT CONG DN 125 LÓT DENSIT	
Người kiểm tra: Hà Quang					
Người vẽ: Nguyễn Văn Tuấn					
CÔNG TY NHẬT ĐIỆN NA ĐƯƠNG-TKV				Số: ND-C01-M-PKTAT-GC-00-44	Lần sửa đổi: 0
				Ngày: 1/11/2018	Tỷ lệ: 1/1

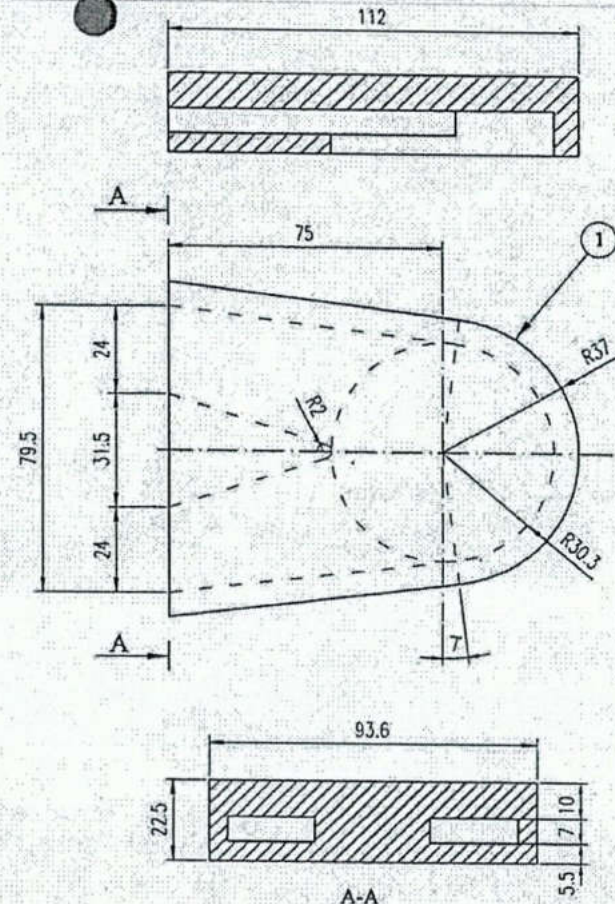
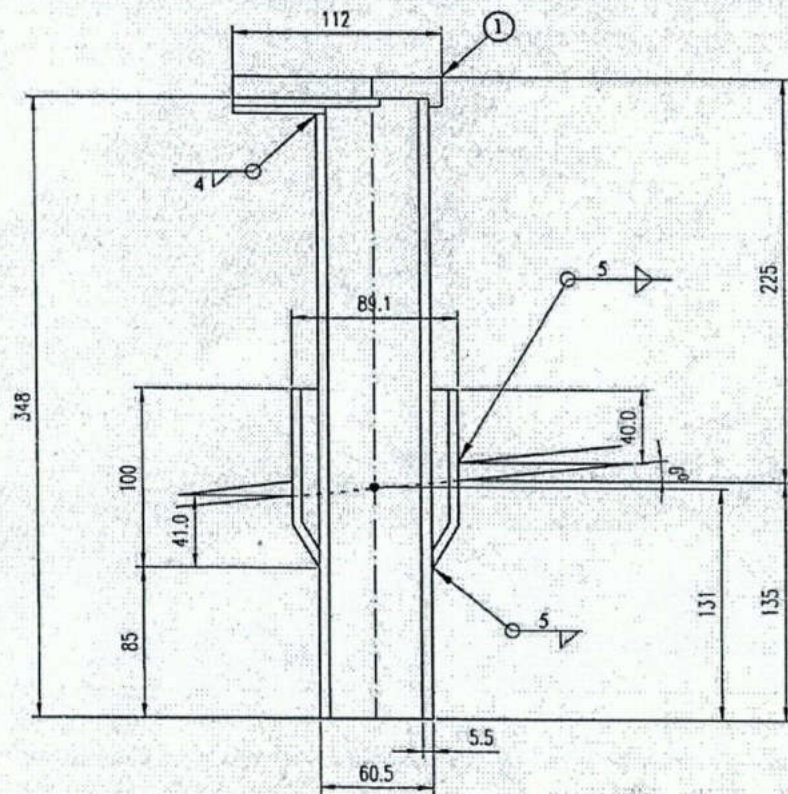




YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Vật liệu SUS 310S.
- Liên kết hàn dùng que hàn chịu lực 309 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Hh>= 6mm Hàn hết chiều dài liên kết đường hàn đều, liên tục không bị rỗ và cháy thép.

TÊN BẢN VẼ		Ngày	
Người Duyệt	Trình Nhật Cường	17/10/2018	
Người Kiểm tra	Hà Quang Thọ - H. KHÁNH	17/10/2018	
Người vẽ	Nguyễn Văn Tuấn	17/10/2018	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NÀ DƯƠNG - TKV		Số: ND - C15- M - PKT- BVĐH- 06	Lần sửa đổi: 0
		Ngày: 17/10/2018	Tỷ lệ: 1/1



Vòi phun

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo : A- 297GR HK;
- Vòi phun (phôi đúc nguyên khối);
- Bề mặt đạt độ nhám cấp 5

	Tên	CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG	Ngày	Tên bản vẽ
Người duyệt	Phạm Đức	CHỦ NHẬN		VÒI GIÓ STRANFERLINE
Người kiểm tra	Hà Quang	TỔNG CÔNG TY		
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt	CÔNG TY		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-029
				Sửa đổi:
				Ngày:
				Tỷ lệ:
				Số:

A297 HK

Heat Resistant Stainless

Comparative Classifications

Organizations

ASTM
Specification

A297

ASME
Specification

SA297

UNS Number
(Cast)

J94224

UNS Number
(Wrought)

S31000

AISI

310

Alloy Specification

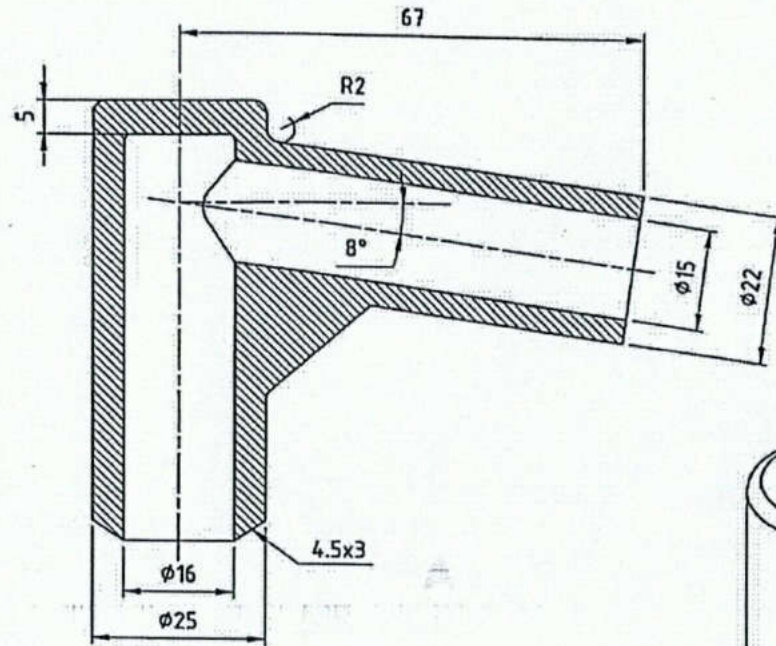
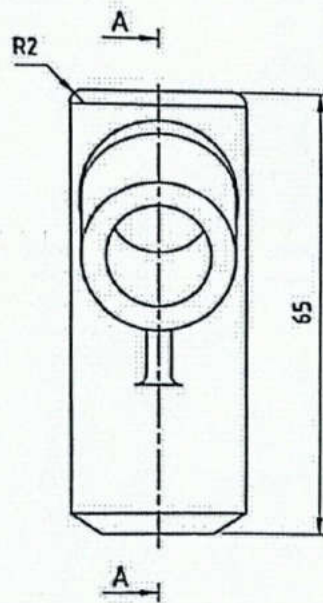
112A297HK

Chemical Composition

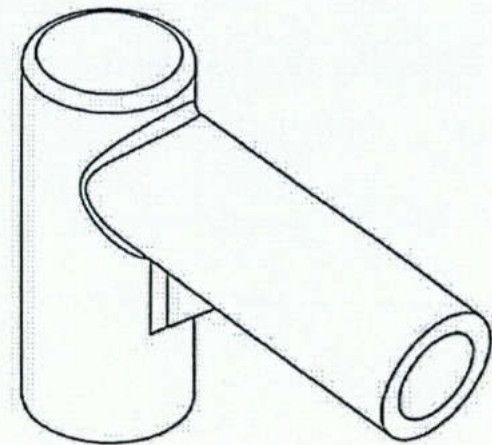
Carbon:	0.20 - 0.60%
Manganese:	2.00% Max
Silicon:	2.00% Max
Phosphorus:	0.04% Max
Sulfur:	0.04% Max
Chromium:	24.00 - 28.00%
Nickel:	18.00 - 22.00%
Molybdenum:	0.50% Max

Physical Properties

Tensile Strength:	65 ksi Min
Yield Strength:	35 ksi Min



SS: A-A

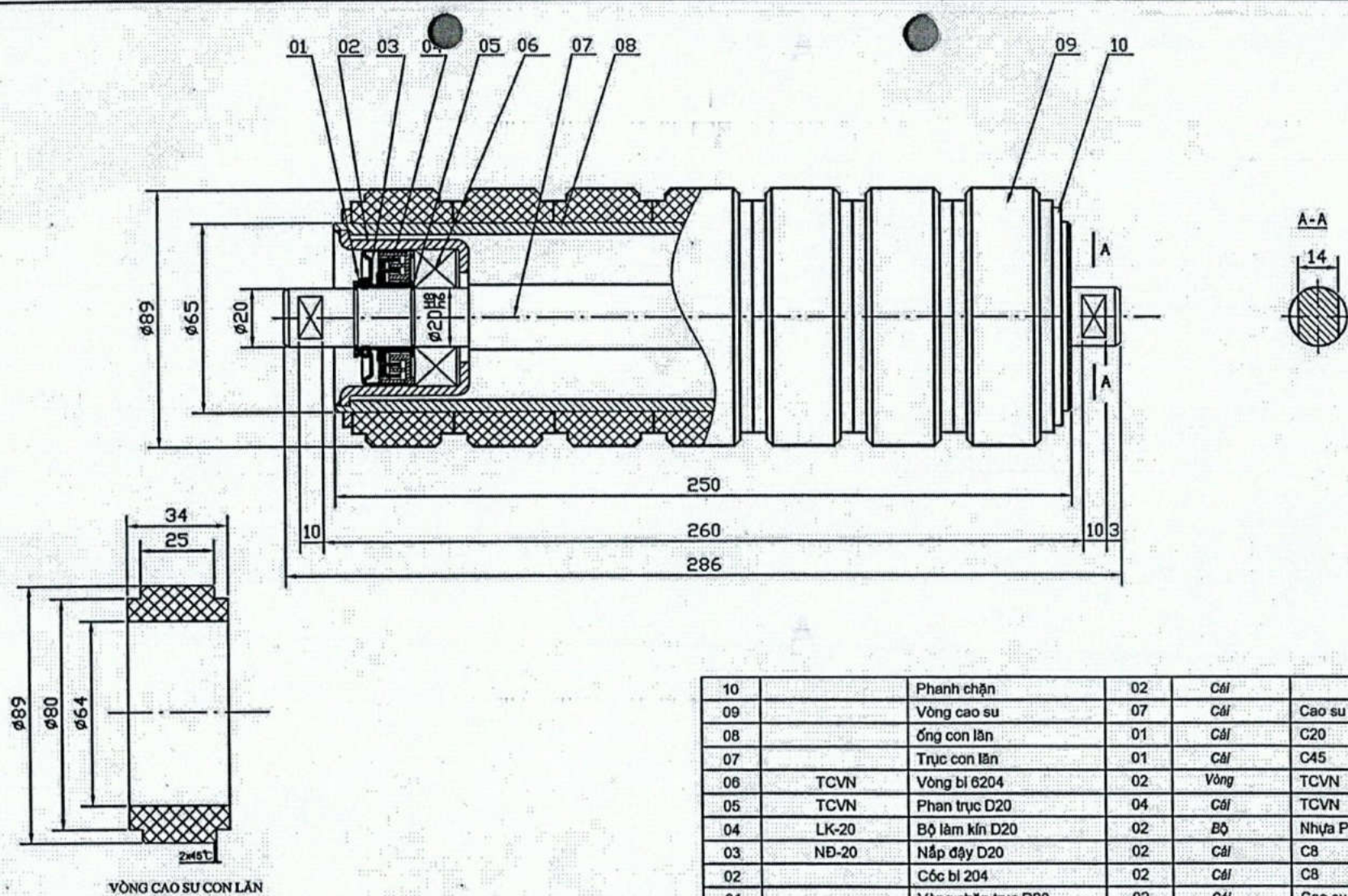


YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Vật liệu chế tạo: SUS310S (chi tiết phải được gia công bằng phương pháp đúc)
2. Độ nhẵn các bề mặt không chỉ dẫn đạt cấp 5 hoặc 6 (TCVN 2511:1995)
3. Sai lệch giới hạn của các kích thước không chỉ dẫn đạt $\pm IT9/2$

Chức năng	Họ và tên	Ngày	STRIPPER COOLER (VỎI GIÓ)
Người duyệt	Nguyễn Đức Dương	10/5/25	
Người kiểm tra	Dương Thế Nghiệp	10/5/25	
Người vẽ	Nguyễn Thanh Hùng	10/5/25	
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-VT-STCL
			Sửa đổi
			Số:



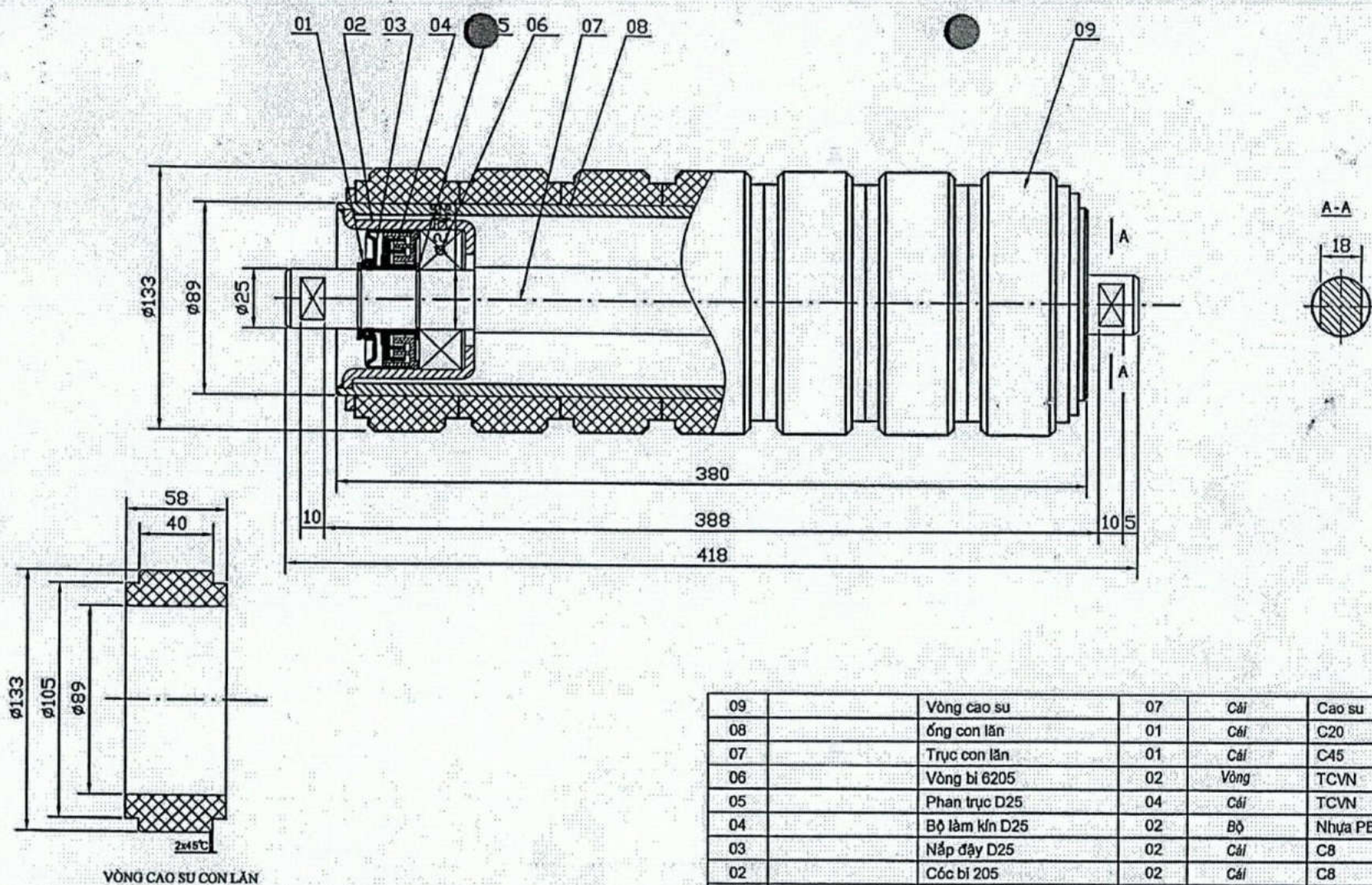


VÒNG CAO SU CON LĂN

YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Lắp ghép vòng bi và trục, tra mỡ, lắp bộ làm kín, kiểm tra độ đồng tâm.
- Lắp con lăn kiểm tra quay trơn nhẹ nhàng.
- Sơn chống rỉ 2 lớp, sơn trang trí ống màu đen.

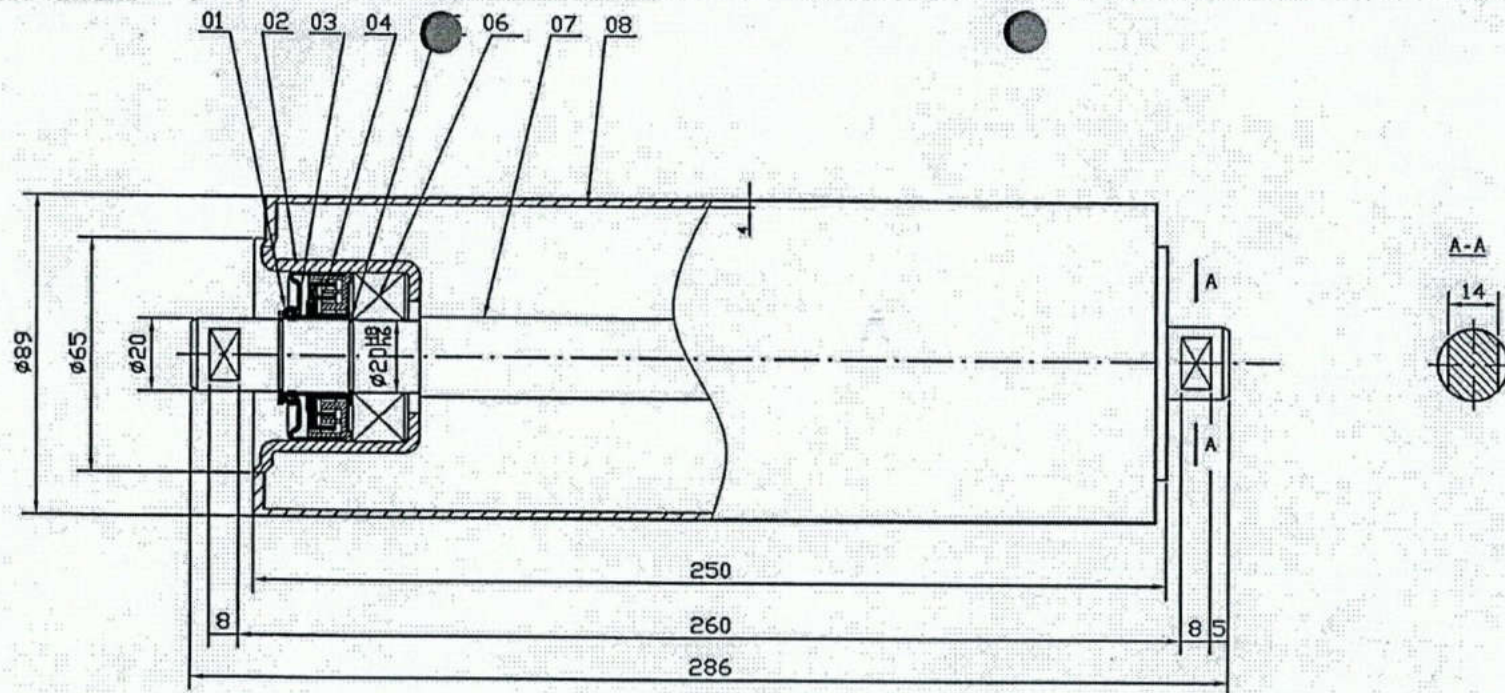
10		Phanh chặn	02	Cái		
09		Vòng cao su	07	Cái	Cao su	
08		Ống con lăn	01	Cái	C20	
07		Trục con lăn	01	Cái	C45	
06	TCVN	Vòng bi 6204	02	Vòng	TCVN	
05	TCVN	Phan trục D20	04	Cái	TCVN	
04	LK-20	Bộ làm kín D20	02	Bộ	Nhựa PE	
03	ND-20	Nắp đậy D20	02	Cái	C8	
02		Cốc bi 204	02	Cái	C8	
01		Vòng chặn trục D20	02	Cái	Cao su	
TT	Ký hiệu	Số lượng	Đơn vị tính	Vật liệu	Ghi chú	
Người Duyệt: Nguyễn Đức Dương Người kiểm tra: Nguyễn Mạnh Cường Người vẽ: Nguyễn Đình Tuyên Ngày: 29/8/2023 Ngày: 29/8/2023 Ngày: 29/8/2023 TÊN BẢN VẼ BẢN VẼ GIA CÔNG CON LĂN CAO SU Ø89*250						
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NÀ DƯƠNG - TKV				Số: ND - C15- M - PKT- BVGC- 03	Lần sửa đổi: 01	
				Ngày: 29/8/2023	Tỷ lệ:	Số lượng: 1/1



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Lắp ghép vòng bi và trục, tra mỡ, lắp bộ làm kín, kiểm tra độ đồng tâm.
- Lắp con lăn kiểm tra quay trơn nhẹ nhàng.
- Sơn chống rỉ 2 lớp, sơn trang trí ống màu đen.

09		Vòng cao su	07	Cái	Cao su	
08		ống con lăn	01	Cái	C20	
07		Trục con lăn	01	Cái	C45	
06		Vòng bi 6205	02	Vòng	TCVN	
05		Phan trục D25	04	Cái	TCVN	
04		Bộ làm kín D25	02	Bộ	Nhựa PE	
03		Nắp dây D25	02	Cái	C8	
02		Cốc bi 205	02	Cái	C8	
01		Vòng chặn trục D25	02	Cái	Cao su	
TT	Ký hiệu	Số lượng	Đơn vị tính	Vật liệu	Ghi chú	
		TÊN BẢN VẼ				
Người Duyệt	Nguyễn Đức Dương	12/12/2024	BẢN VẼ GIA CÔNG CON LĂN CAO SU D133 X L380			
Người kiểm tra	Dương Thế Nghiệm	12/12/2024				
Người vẽ	Nguyễn Văn Nguyên	12/12/2024				
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số: ND - C01 - M - PKT - BVGC - 0132		Lần sửa đổi: 0	
			Ngày: 12/12/2024		Tỷ lệ: 1/1	

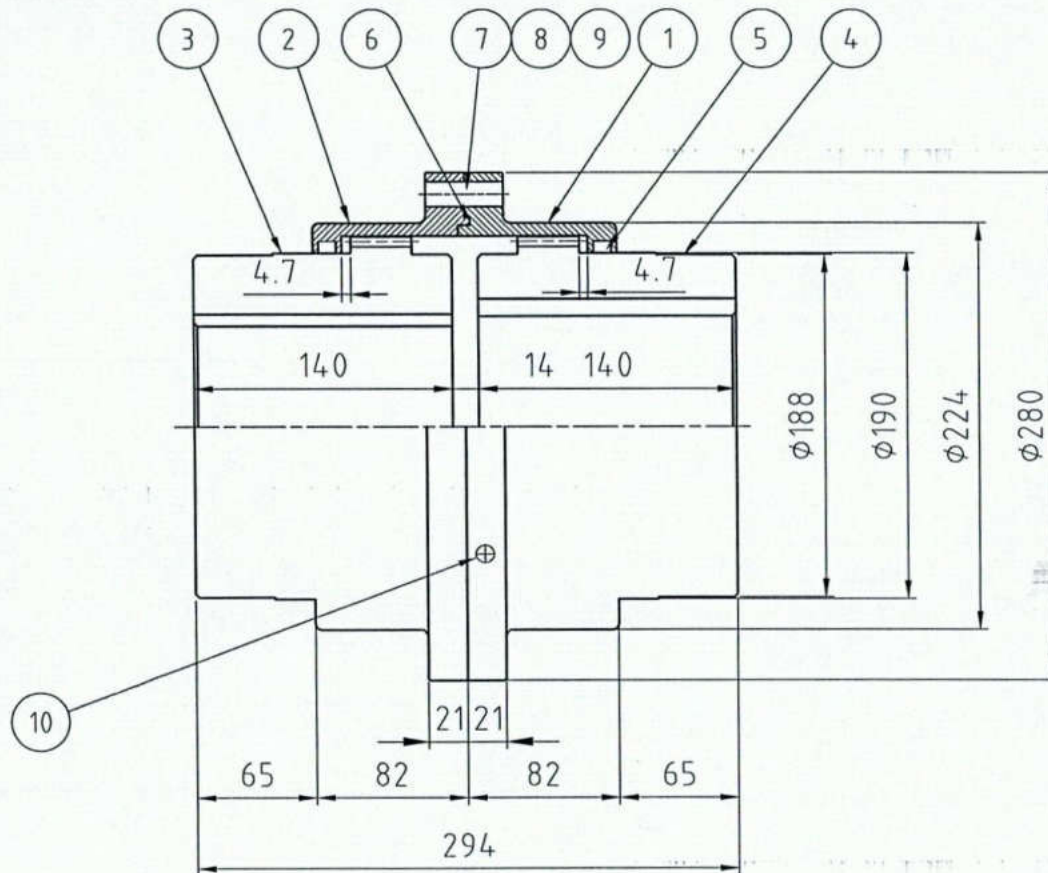


YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Lắp ghép vòng bi và trục, tra mỡ, lắp bộ làm kín, kiểm tra độ đồng tâm.
- Lắp con lăn kiểm tra quay trơn nhẹ nhàng.
- Sơn chống rỉ 2 lớp, sơn trang trí ống màu đen.

08		ống con lăn	01	Cái	Thép SS400	
07		Trục con lăn	01	Cái	C45	
06	TCVN	Vòng bi 6204	02	Vòng	TCVN	
05	TCVN	Phan trục D20	04	Cái	TCVN	
04	LK-20	Bộ làm kín D20	02	Bộ	Nhựa PE	
03	ND-20	Nắp đậy D20	02	Cái	C8	
02		Cốc bi 204	02	Cái	C8	
01		Vòng chặn trục D20	02	Cái	Cao su	
TT	Ký hiệu		Số lượng	Đơn vị tính	Vật liệu	Ghi chú

		Tên	Ngày	TÊN BẢN VẼ	
Người Duyệt	Nguyễn Đức Dương	12/12/2024	BẢN VẼ GIA CÔNG CON LĂN SẮT D89 X L250		
Người kiểm tra	Dương Thế Anh	12/12/2024			
Người vẽ	Nguyễn Văn Tuyên	12/12/2024			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số: ND - C01- M - PKT- BVGC- 0130	Lần sửa đổi: 0
				Ngày: 12/12/2024	Tỷ lệ: Số lượng: 1/1



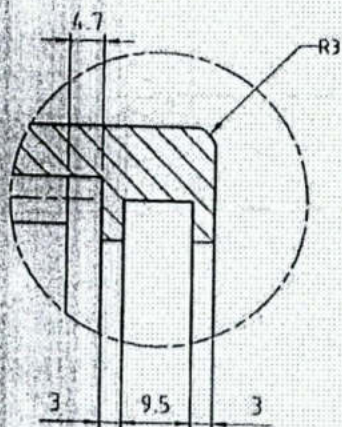
YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG

- Vật liệu chế tạo: S45C
- Tồi cao tần bề mặt răng đạt độ cứng 50HRC
- Lỗ bulong ren đúng biên dạng, ren không bị nứt mẻ
- Các bề mặt không chú thích đạt độ nhám cấp 5
- Hạn chế số lần gá đặt, phải gia công lỗ Ø14 của chi tiết GSSM028-1-1A#01 và GSSM028-1-1B#01 trên một lần g đặt. Doa lỗ sau gia công.

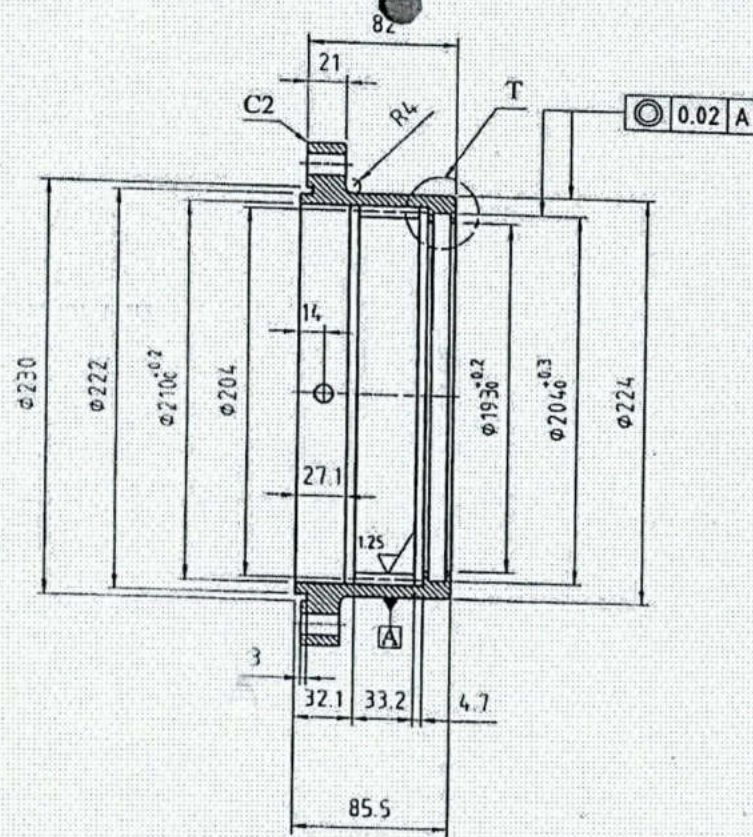
ĐƯỜNG KÍNH VÒNG CHIA	D	204
CẤP CHÍNH XÁC	CX	8
PROFIN GÓC		TCVN-2258-77
GÓC NGHIÊNG	β	0
SỐ RĂNG	Z	68
MODULE	M	3
BẢNG THÔNG SỐ CHI TIẾT		

10	NÚM BÓ SUNG MỖ	M10	SCM440	1	
7,8,9	BULONG, ĐAI ỐC, ĐỆM VÀNH	M12X1.75	SCM440	12	
6	O-RING	Ø221.5XT4	NBR	1	
5	O-RING	Ø190XT9	NBR	2	
4	KHỚP TRONG QUẠT	GSSM028-1-1D#01	S45C	1	
3	KHỚP TRONG ĐỘNG CƠ	GSSM028-1-1C#01	S45C	1	
2	KHỚP NGOÀI ĐỘNG CƠ	GSSM028-1-1B#01	S45C	1	
1	KHỚP NGOÀI QUẠT	GSSM028-1-1A#01	S45C	1	
STT	TÊN CHI TIẾT	QUY CÁCH	VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ

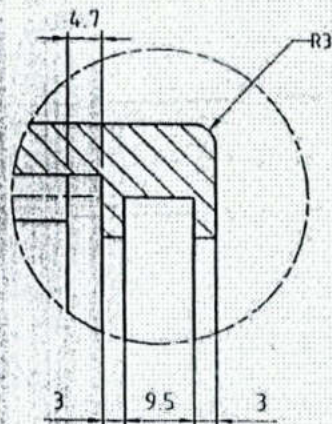
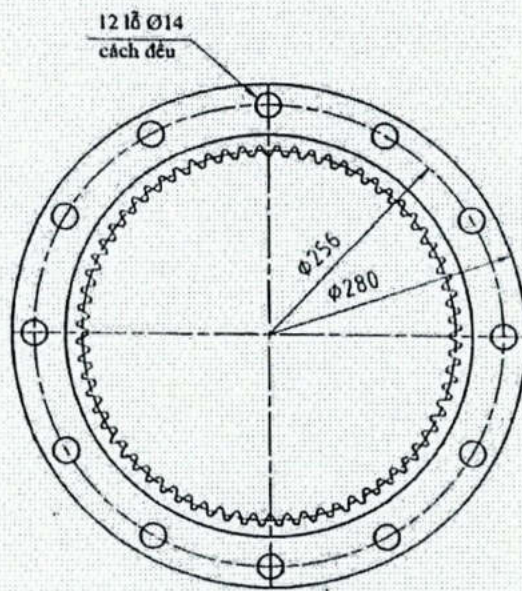
	Tên	Chữ ký	Ngày	Tên bản vẽ
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên			BẢN VẼ LẮP KHỚP NỐI QUẠT GIÓ THỨ CẤP
Người kiểm tra	Hà Quang Thử			
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG -TKV				Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-.....
				Sửa đổi:
				Ngày: 24/3/2020
				Tỷ lệ:
				Số: 1/5



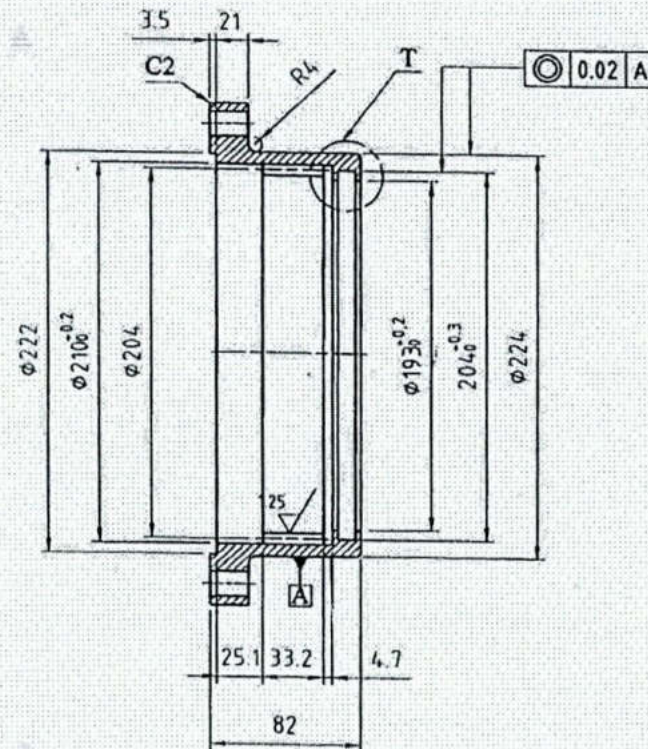
SS: T-T



	Tên	Chức vụ	Ngày	Tên bản vẽ	
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên	CHIEF ENGINEER		KHỚP NỐI QUẠT GIÓ THỦ CẤP CHI TIẾT GSSM028-1.1A#01	
Người kiểm tra	Hà Quang Trung	CHIEF ENGINEER			
Người vẽ	Đàm Quốc Đại	CHIEF ENGINEER	26/3/20		
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-022	Số đo:
				Ngày: 24/3/2020	Số: 2/5

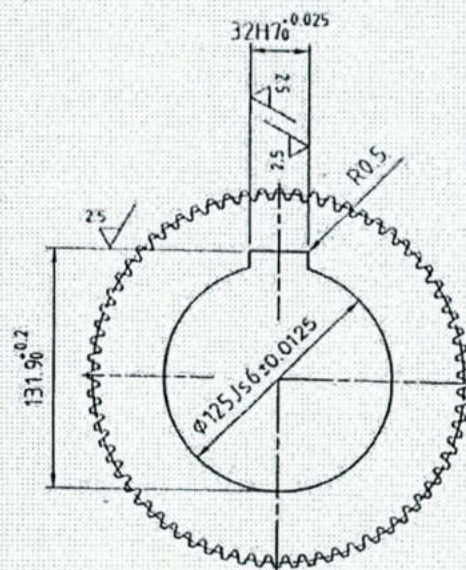
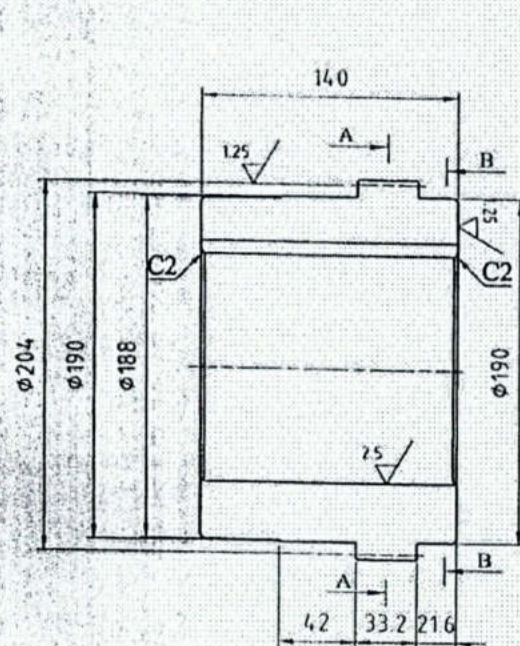


SS: T-T

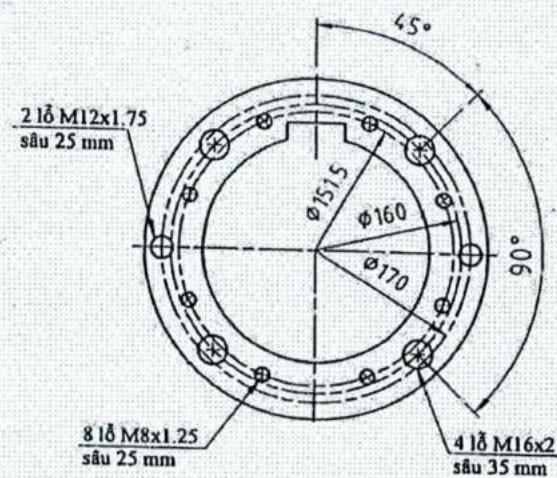


	Tên	Chữ ký	Ngày	Tên bản vẽ
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên		26/3/20	KHỚP NỐI QUẠT GIÓ THỦ CẤP CHI TIẾT GSSM028-1-1B#01
Người kiểm tra	Hà Quang Thử			
Người vẽ	Đàm Quốc Anh			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-023
				Ngày: 24/3/2020
				Tỷ lệ: 1:5
				Số: 3/5

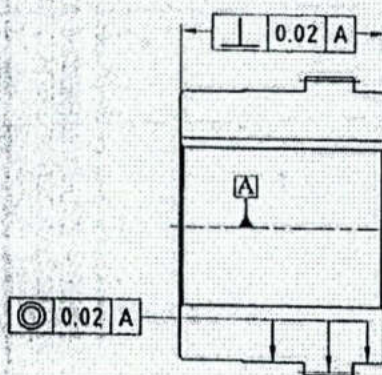
37034
NG TY
ỆT ĐIỆN
ÔNG - A
TỔNG C
LỰC TH
CTCP
H-TA



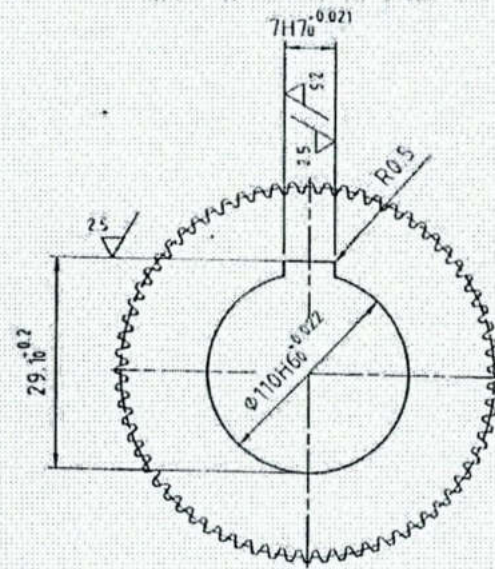
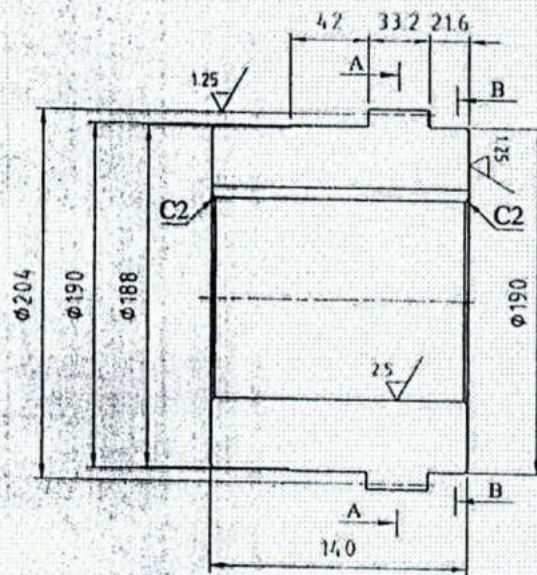
SS: A-A



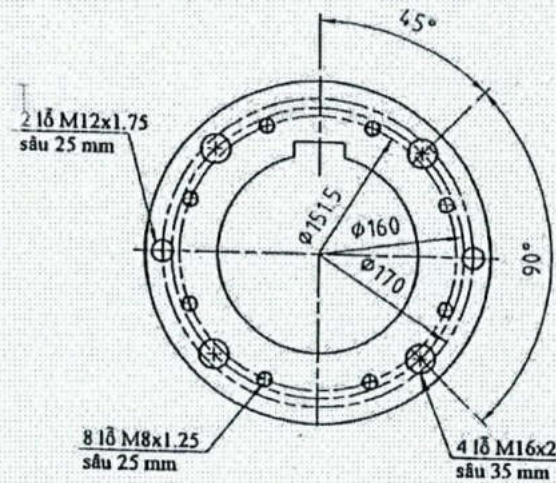
SS: B-B



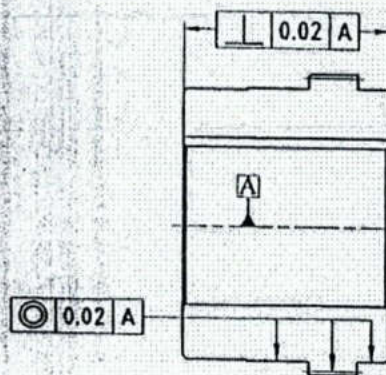
	Tên	Chữ ký	Ngày	Tên bản vẽ
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên			
Người kiểm tra	Hà Quang Thứ			
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				KHỚP NỐI QUẠT GIÓ THỦ CẤP CHI TIẾT GSSM028-1-ID#01
Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-024				Sửa đổi:
Ngày: 24/3/2020				Tỷ lệ:
				Số: 4/5



SS: A-A



SS: B-B



	Tên	Chữ ký	Ngày	Tên bản vẽ
Người duyệt	Phạm Đức Tuyên		26/3/20	KHỚP NỐI QUẠT GIÓ THỦ CẤP CHI TIẾT GSSM028-1-1C#01
Người kiểm tra	Hà Quang Thứ			
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV				Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-025
				Ngày: 24/3/2020
				Tỷ lệ: 1:1
				Số: 3/5